

Thơ

BIÊN KHẢO - VĂN HÓA - XÃ HỘI - CHÍNH TRỊ - NGHỆ THUẬT

25

BÀI THƠ XUÂN CỦA : NGUYỄN SA • DƯƠNG KIẾN
LUÂN • HOÁ • THỂ VIÊN • LÊ VĨNH THỌ • HUY GIANG
PAUL • SCHNEIDER • PHÙNG KIM CHÚ • HOÀNG LỘC
HÀ NGUYỄN THẠCH • ĐĂNG THIÊM • HOÀNG NGỌC BIÊN
NGUYỄN NHO NHƯ • NG • KIỂM • THÊM • LAN SƠN ĐÀI
NINH • CHỮ • ĐÀO THANH KIỆT • ĐYNH HOÀNG SA
NGUYỄN PHAN THỊNH • SÂM THƯ • NG • TRẦN DZA LỮ
ĐYNH TRẦM CAO • TẦN HOÀI DẠ VŨ • TR. T. THỦY TRIỀU

10

TRUYỆN NGÁN CỦA : VÕ PHIẾN • DOÃN QUỐC SỸ
NGUYỄN ĐÌNH TOÀN • LÔI TAM • LÊ VĂN PHONG
NGUYỄN XUÂN HOÀNG • LÊ THỊ HÀN • ĐỖ TIẾN ĐỨC
DUYÊN ANH • MAXIM GORKY • TẠ TRUNG SƠN

4

KHẢO LUẬN CỦA : NGUYỄN HỮU DUNG • HOÀNG
VĂN ĐỨC • BÙI NGỌC DUNG • LÊ TỬ THÀNH

2

TRUYỆN DÀI CỦA : GRAHAM GREENE
BÙI NGỌC DUNG • DƯƠNG NGHIỆM MẬU

1

THOẠI KỊCH CỦA : VIÊN LINH

XUÂN BÌNH NGỌ

nội dung số này

1. Bốn năm VĂN HOC — 3. Thử chẩn mạch con bệnh Việt Nam năm 1966 NGUYỄN HỮU DUNG — 6. Không gian — Thời gian và Con người HOÀNG VĂN ĐỨC — 11. Trở lại W. Somerset Maugham BÙI NGOC DUNG — 16. Xuân 1966 ĐĂNG THIÊM — 17. Đông cửa NGUYỄN SA — 19. Số 1 và số 10 THẾ VIÊN — 20. Con ngựa trắng HUY GIANG — 21. Bài xuân cho Đồng Khánh KIÊM THÊM — 22. Nói với mùa xuân NGUYỄN NHO NHƯỢNG — 24. Mùa xuân HOÀNG LỘC — 25. Con đường đến em HÀ NGUYỄN THẠCH — 26. Quê hương tình yêu NGUYỄN PHAN THỊNH — 27. Những ảo tưởng mùa xuân của loài rêu TÀN HOÀI DẠ VŨ — 29. Tình yêu và mùa xuân NINH CHỮ — 30. Tiền thân của loài chim SÂM THƯƠNG — 34. Con ho mùa xuân LAN SƠN ĐÀI — 35. Ước muốn của chàng ĐỖNH TRẦN CA — 36. Thơ ơi, bay về đâu ? ĐÀO THANH KHIẾT — 37. Đầu tay mùa xuân LUÂN HOÁN — 38. Người em ấy VÕ PHIẾN — 46. Sóng ngầm LÊ VINH THỌ — 52. Le jour est une insulte PAUL SCHNEIDER — 53. Chân trời mới PHÙNG KIM CHỦ — 54. Một thiên đã sử DOÃN QUỐC SỸ — 63. Mùa xuân trên đồi LÔI TAM — 69. Mười lăm DƯƠNG KIẾN — 71. Ven lối sa mù ĐỖNH HOÀNG SA — 72. Thư mùa xuân TRẦN DZA LỮ — 73. Trên giòng thác lữ NGUYỄN XUÂN HOÀNG — 86. Người Mỹ trầm lặng GRAHAM GREENE ; BÙI NGOC DUNG dịch — 91. Chuyện buồn ngày tết LÊ VĂN PHONG — 96. Cát biển LÊ THỊ HÀN — 100 Mùa xuân bên dòng vĩ tuyến TRẦN THẾ THỦY TRIỀU — 104. Trên vùng đồ nát VIÊN LINH — 119. Tháng ngày lạ mặt DƯƠNG NGHIÊM MẬU — 133. Vững nước đục ĐỖ TIẾN ĐỨC — 144. Sương mù trên thành phố NGUYỄN ĐÌNH TOÀN — 155. Người đàn bà không tình ái DUYÊN ANH
- Bản vẽ : ĐĂNG GIAO — Trình bày : PHƯƠNG KHANH.

Thư từ, bài vở, tiền bạc, ngân phiếu, xin đề :
PHAN KIM-THỊNH

61 đường Lê văn Duyệt 61, Saigon — Đ. T. 23.622

LÁ THƯ TÒA SOẠN

Bốn năm

Văn Học hân hạnh đã làm quen cùng bạn đọc trọn vẹn 53 số trong thời gian bốn năm một tháng.

Trước khi kiểm điểm lại những công việc đã làm, chúng tôi xin gửi đến tất cả bạn đọc lời cảm tạ chân thành của Văn Học.

Bốn năm đã qua, từ hình thức nguyệt san đổi sang bán nguyệt-san, Văn Học đã tới tay bạn đọc xa gần đều đặn. Những cố gắng này không riêng của một hai người chủ trương mà do sự nhiệt thành của toàn ban biên tập, cùng các cộng tác viên đóng góp bài vở thường xuyên.

Văn Học, ngay từ bước đầu vốn đã nghèo nàn tài chính, thiếu phương-tiện quảng cáo, cho đến việc ăn-loát gặp nhiều khó khăn. Nhưng dù khó khăn chúng tôi vẫn âm thầm làm việc để Văn Học còn đến tay bạn đọc, và nói lên tiếng nói thiết thực của thể hệ hiện tại đang khao khát hòa bình để phục hồi lại giá trị con người đã bị mất đi hơn 20 năm qua.

Giai đoạn hiện tại, thế hệ thanh niên đang sống trong cảnh chiến tranh. Chúng ta tuy không đóng góp nơi chiến trường nhưng hậu phương ít ra cũng phải có tiếng nói chân thật.

Bây giờ chúng ta không thể dùng những danh từ hoa mỹ. Chúng ta mỗi người phải tự xét lại bản thân xem thời gian qua chúng ta đã làm được gì và đã đóng góp gì cho đất nước. Hay chúng ta chỉ quanh đi quẩn lại xuống đường... đả đảo... hoan hô... Những đoàn thế thanh niên hiện có đã chịu ngồi chung với nhau một bàn chưa? Và những Tổng hội sinh-viên đã thống nhất chưa? Hay mạnh ai nấy làm, mạnh ai nấy tìm người che chở, giúp đỡ.

Đầu năm, chúng tôi không muốn nhắc lại những chuyện chia rẽ giữa những tổ chức thanh niên sinh viên. Chúng tôi hy vọng trong năm tới thanh-niên sinh-viên sẽ đứng vào một khối đề chống đỡ cho nhau, đề đánh tan những đám mây đã và đang đè nặng trên đầu dân Việt.

Cuối thư đầu năm, chúng tôi toàn ban biên tập và những cộng tác Văn Học xin gửi lời cầu chúc tốt lành đến quý bạn và hy vọng hòa bình sẽ đến với dân Việt trong năm Bính-Ngọ.

Tòa soạn VĂN-HỌC

THỬ CHẨN MẠCH CON BỆNH VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU DUNG

Bệnh hoạn là một tình trạng bất thường, một tai nạn. Một cơ thể bệnh hoạn khó có thể sinh hoạt bình thường và hay có những cơn khó chịu, đứt rứt hoặc đau đớn. Về mặt tinh thần thì bồn khoăn, lo lắng, sợ hãi.

Đã mấy năm nay rồi, nước Việt Nam ở trong một tình trạng bất thường. Một tai nạn ghê gớm còn đè nặng lên cả nước : Chiến Tranh. Thực thế, chiến tranh là tai nạn khốc hại nhất, kéo theo nó nhiều tang tóc, nhiều tàn phá, và khiến cho đời sống của mọi công dân, của cả xã hội không thể điều hòa được, sinh ra nhiều bất mãn nhiều đau đớn. Và trên tất cả các thứ khó chịu thường nhật có một mối lo âu triền miên. Vậy đúng rằng nước Việt-Nam là một con bệnh.

Theo thói thường, một tờ báo, dù báo hàng ngày hay báo có định kỳ, phải tổng kết tình hình trong năm, trong số Tết. Chúng tôi xin phân tách mối lo âu của đa số nhân dân Việt-Nam thay vì viết bài tổng kết tình hình quốc-tế và quốc-nội mà báo nào cũng đăng cả.

Vẫn theo thói thường, người ta thích tiên đoán cho năm sau, hoặc là dựa trên các yếu tố chính trị khách quan hay chủ quan, hoặc là thăm dò những khoa học tuy chẳng là thần bí nhưng cũng chưa phải là đích xác. Càng lo âu bao nhiêu, người ta càng thích bói toán và tiên đoán bấy nhiêu. Một dấu hiệu khách quan của một tình trạng bệnh hoạn là có nhiều người đi xem bói để tìm một giải đáp cho những lo âu chủ quan, nhưng nói về kết quả thực tế thì người ta không trấn an tinh thần được bao nhiêu.

Các bệnh trầm trọng biến chứng, không thể lường trước được vì bên các yếu tố khách quan còn có các yếu tố chủ quan rất phù động. Một thầy thuốc dám tiên đoán chắc nịch về một bệnh nhân nặng là một người lạc quan. Một người viết báo dám nói chắc nịch về tương lai trong khi quốc gia đang phải vừa đi tìm những kiến thức để ổn định một tình trạng nội bộ rối beng, là một người bạo đoán.

Có thể nói rằng mối lo âu chung của dân tộc Việt-Nam gồm hai yếu tố :

1) Một là chiến tranh. Người ta lo âu vì sợ thua. Từ hai năm nay, VĂN-HỌC vẫn phát biểu ý kiến rằng Việt-Nam chỉ là một quân cờ trên bàn cờ quốc tế nhưng con cờ ấy có một giá trị quyết định vì những lý do địa dư chính trị và địa dư kinh tế không chối cãi được và khiến cho hai khối lực lượng mạnh nhất trên thế giới hiện tại đều muốn thu hút, rằng ngày nào mà trên lục địa Trung-Hoa còn có một chính thể theo đuổi một chính sách bá chủ Á-Đông thì ngày ấy nước Việt-Nam không thể yên được. Chính sách bá chủ có thể đưa đến một chiến tranh lan rộng, Việt-nam chỉ là chiến địa phát khởi. Các củng cố trong chính sách quân sự và ngoại giao của Hoa-Kỳ trong năm Ất-Tỵ đều không phủ nhận ý kiến mà VĂN-HỌC đã trình bày, từ và trong hai năm nay. Có lẽ trong năm Bính-Ngọ, chiến tranh Việt-Nam sẽ quyết liệt hơn, và đó là một hiện tượng dĩ nhiên. Một nhọt bọc phải nung nấu mới có thể vỡ mủ được. Chiến tranh cũng thế, phải qua một thời kỳ quyết liệt mới kết liễu được.

2) Hai là chính trị nội bộ. Và đây và mục đích của bài này

(... 68 chữ)

Hoài-Nghĩ, đó là nguyên nhân chính yếu tạo thành mối lo âu của người thường dân Việt-Nam.

Hãy bỏ qua một tình trạng kinh tế

(... 9 chữ)

mà người thường dân giác cảm thấy kết quả trong đời sống hàng ngày, khỏi cần nhắc lại, ai cũng biết rồi, nhưng không tiện phân tách.

Cũng xin bỏ qua luôn tất cả các lập luận lẻ tẻ hay có hệ thống, thực tế hay lý tưởng hay giáo điều, của các giới trí thức mà có người muốn phủ nhận giá trị họ cho rằng giới trí thức Việt-Nam không xứng đáng, dễ liên lụy, hoặc thiếu quả cảm và quá dè dặt khôn vặt, dù sao cũng không phải là đa số nhân dân.

(... 8 chữ)

Ngoài các suy sụp kinh tế củng cố thêm mối hoài nghi của người thường dân Việt-Nam, có hai lý do hoài nghi chính,

a) một là hoài nghi vì không biết chiến tranh sẽ kết liễu ra sao. VĂN-HỌC chỉ xin sơ tóm các ý kiến đã trình bày rồi và xin phép giữ nguyên cho năm Bính Ngọ. Cộng Sản không thể thắng ở bán đảo Đông Dương vì lẽ Hoa Kỳ và Thế-Giới Tự-Do có thừa sức đề ngăn cản và không có cách nào khác là ngăn chặn. Một là Cộng-Sản đại bại trên các

đấu trường chính trị và quân sự. Hai là họ sẽ phải thay đổi chính sách để tránh một đại bại. Trong cả hai trường hợp, thiết tưởng dân tộc Việt-Nam không có đủ lý do để nghi hoặc đến mức mất tin tưởng và lơ là với các nỗ lực tranh đấu trên mọi loại chiến trường. Trên phương diện quân sự, thiết tưởng người thường dân Việt-Nam có thể gạt bỏ mọi lo ngại sợ thua (Đây là đứng trên phương diện dân tộc; trên phương diện cá nhân tất nhiên vẫn còn các lo âu về an ninh, chưa thể giải quyết được).

b) hai là hoài nghi về khả năng ổn định nội bộ của Việt-Nam. Nói một cách khác là hoài nghi về các thói xấu cố hữu và về trình độ trưởng thành chính trị của các người lãnh đạo, của các chính khách, của mọi tầng lớp nhân dân.

Ai cũng cho rằng trong hai năm 1964 và 1965 đã xảy ra quá nhiều lộn xộn, đặt tên mọi lỗi, nhưng tựu chung vẫn chỉ là lộn xộn. Không phải là loại lộn xộn tiền ảnh của một ổn định, mà là những lộn xộn tấp nham, đầu voi đuôi chuột, chẳng có một định hướng nào cả,
(... 17 chữ)

Người thường dân hoài nghi sợ rằng nếu cứ lộn xộn mãi như thế thì các quốc gia đang giúp ta để chống lại khối Cộng-Sản Á-Đông sẽ phải nản trí và rút lui, VĂN-HOC đã trình bày ý kiến nhiều lần rồi, trong thời kỳ lộn xộn nhất, tức là thời Nguyễn-Khánh và Trần-Văn-Hương. Các chính phủ ngoại quốc đã trưởng thành chính trị không nản trí đâu. Họ coi tình trạng lộn xộn ở Việt-Nam chỉ là một hiện tượng thông thường, trước giai đoạn ổn định chính trị sau một đảo chính hay một cách mạng (xin nhắc lại một ý kiến đã trình bày rồi: đảo chính chỉ là nhằm cướp chính quyền, dù không đổ máu cũng vẫn là đảo chính; còn cách mạng thì cũng có mục đích cướp chính quyền nhưng ngoài ra còn có sẵn một đường hướng để xây dựng tương lai sau khi nắm được chính quyền. Đường hướng ấy không phải là những chương trình dài hay ngắn hạn, soạn thảo vội vàng và ẩu tả sau khi cầm quyền, mà là những chủ trương nguyên tắc, những « ý niệm » rõ ràng không những phản ánh tin tưởng của người làm cách mạng mà còn long trọng ghi vào những văn kiện căn bản của chế độ).

Mối hoài nghi này (sợ bị các quốc gia đồng minh bỏ rơi) không còn ám ảnh đại đa số nhân dân Việt Nam nữa, từ ngày Hoa Kỳ quyết liệt đưa thêm quân nhân và quân trang sang Việt Nam,

(... 9 chữ). Trên thực tế, Hoa Kỳ đã tăng cường nỗ lực ở Việt Nam đúng lúc tình hình đang rối loạn nhất, trước khi Nội các Chiến tranh ra đời.

Một thiểu số hoài nghi và sợ rằng được các đồng minh giúp nhiều quá—trên thực tế là điều khiến quân sự và tài chính—thì sẽ mất

độc lập dần dần. VĂN HỌC đã trình bày tin tưởng rằng việc đó không thể có được trong hiện tình thế giới. Vả chăng không còn thời kỳ để khur khur ôm lấy những định kiến quốc gia cực đoan vì lẽ loại quan niệm ấy đã bị trào lưu lịch sử cuốn trôi rồi, một nước Việt Nam nhỏ bé không chống lại nổi được. Độc lập không phải là mục đích tối hậu. Mục đích cốt yếu là hạnh phúc của nhân dân. Khi nói Hạnh Phúc là nói cả tinh thần và vật chất. Bảo toàn được các nguyện vọng tinh thần, và vật chất thì còn cố chấp làm gì với những hình thức mà người chung quanh không còn coi là tiêu chuẩn thiết yếu?

(... 10 hàng)

Vì vậy người ta tự nhiên sinh ra hoài nghi. Mối hoài nghi này chính là yếu tố khiến cho chưa có chính phủ nào có đủ điều kiện khách quan và chủ quan để có đủ uy tín đăng ổn định tình hình chính trị nội bộ trong khi đồng minh hoạt động ngoại giao. «Đoàn Kết» là hai chữ được nhắc đến hàng ngày. Làm thế nào để đoàn kết trong khi người ta hoài nghi và sống trong một không khí hoài nghi?

Trong khi người dân hoài nghi, chính quyền vẫn có nhiều giải thích, nhiều hiệu triệu. Tại sao các cố gắng giải thích của chính quyền lại không tiêu diệt được hoài nghi? Bởi vì người dân đối chiếu các lời nói với các việc làm, có khi chỉ so sánh lời nói trước với lời nói sau, cũng không biết được đâu là thực đâu là hư, đâu là chân, đâu là ngụy. Vấn đề đặt ra là làm thế nào để người dân có một ý niệm rõ ràng về cái Chân và cái Ngụy rồi cứ căn cứ vào đấy để phê bình các sự thực. Khi nào người dân thấy cái gì cũng là «chân» cả thì sẽ hết hoài nghi.

Ngụy là đối trá, là giặc. Ngụy là phản thực, là không tôn trọng sự thực. Vì trái với Chân và Thiện, nên Ngụy là Tà. Dù cố gắng trá hình hay che đậy, Tà cũng không thể thành Thiện thành Chính được.

Quyền Hành có hai cách để thành một Ngụy Quyền. Một là nguồn gốc của nó là ngụy. Hai là nó làm việc ngụy

Ngụy là yếu tố tác loạn. Sự Thực là căn bản của Công-Bằng. Nếu không có công bằng thì có loạn. Ngụy bất chấp sự thực, do đó Ngụy không thể công bằng và các ngụy chế tất nhiên phải bất công và sinh loạn.

Một Ngụy Chế là một chính thể không tôn trọng các nguyên tắc chính yếu định nghĩa và đặt tên cho chế độ. (... 53 chữ)

Trong một ngụy chế, quyền hành chỉ có thể là ngụy quyền. Ngụy quyền thường thích dùng các ngụy pháp, ngụy thuật. Họ ngụy danh, ngụy tạo, ngụy biện, ngụy luận, ngụy ngôn.

Chính vì trước khi có Nội-Các Chiến-Tranh đã có vài chính phủ, nhất là Chính-Phủ Trần-Văn-Hương, đã dùng nhiều ngụy thuật và ngụy ngôn (kể cả ngụy tạo bằng chứng và vút khí giới vào chùa và một đám tang, ngụy ngôn các tài liệu đề ngụy danh và «chụp mũ» các người đối lập), nên người dân phải hoài nghi.

Nhưng «ngụy bắt yếm chân». Thế nào quốc dân cũng nhận ra đâu là Chân, đâu là Ngụy, đâu là Thiện, đâu là Tà. Nội Các Chiến Tranh có rất nhiều Thiện-ý.

Chúng tôi muốn tin tưởng rằng sang năm Bình Ngô, Chính-Phủ sẽ làm được nhiều Điều Thiện, việc thiện trước tiên là cải thiện nền tảng pháp lý của chế độ Cộng-Hòa Việt-Nam.

Sau khi đã thực hiện đủ điều thiện để diệt trừ các điều tà, chắc chắn sẽ không còn hoài nghi. Chấm dứt hoài nghi là điều trị thắng lợi con bệnh Việt-Nam vì hoài nghi là căn nguyên của bệnh tình Việt-Nam. Hết hoài nghi, mọi người sẽ triệt để góp phần trong mọi công tác, người đánh giặc, người kiến thiết.

Để giải thoát khỏi hoài nghi, nước Việt-Nam phải có một cơ sở pháp lý tối cao có đủ uy tín khả dĩ ban hành cho chính phủ một tư cách đại diện cần thiết để sử dụng thắng lợi quyền dân tộc tự quyết.

Chúng tôi vừa ước mong vừa e sợ rằng cuối năm Bình Ngô có thể là thời kỳ mà chúng ta phải dùng đến quyền dân tộc tự quyết. Trong hoàn cảnh phải cần đến sự viện trợ của ngoại quốc để đánh giặc, thì chỉ có một cách để cho tiếng nói của mình có giá trị, là tự tạo một chính thể và một chính quyền đứng đắn. Thời gian không chờ đợi ai. (... 35 chữ)

NGUYỄN HỮU DUNG



TRỞ LẠI VỚI

W. SOMERSET MAUGHAM

Trong VĂN HỌC số trước, chúng tôi đã đề cập đến cố văn hào lão thành W. Somerset Maugham, nhưng chúng tôi cho rằng vẫn chưa tạm đủ. Và trong số này, chúng tôi xin bổ khuyết thêm về những chi tiết thiếu sót của một nhà văn lớn nhất thế kỷ 20. Nói về cuộc đời và sự nghiệp của ông chắc người ta phải viết cả một cuốn tiểu luận may ra mới đầy đủ. Hoàn cảnh không cho phép chúng tôi thực hiện được ý muốn đó. Mục đích quát củi cố văn hào W. Somerset Maugham trong VĂN HỌC hai số liên đề giới thiệu cùng độc giả về khuôn mặt lớn lao của nhà văn Maugham trong nền văn chương Anh và thế giới. Và ngay sau số này, chúng tôi cũng xin dành một hay vài chuyện ngắn nổi tiếng của W. Somerset Maugham, trong số những chuyện đáng đọc trong thời đại chúng ta.

VĂN HỌC

Ngay sau khi nhà văn lão thành W. Somerset Maugham chết đi, dư luận văn học nghệ thuật thế giới đã bàn tán không ít. Người thì cho rằng ông đã tìm được tiếng nói đích thực của đời mình bằng cách để lại cả một kho tàng văn chương. Người khác lại quan niệm rằng Maugham qua đời vì tuổi già và ông không thể nào thoát khỏi tay của tử thần. Nhưng dù có thế nào đi chăng nữa thì W. Somerset Maugham vẫn là tiểu thuyết gia, kịch tác gia và nhà thăm định văn chương đứng đắn và thu hút được quần chúng thế giới trong hai thế kỷ 19 và 20.

Sau khi văn hào W. Somerset Maugham tạ thế, vài ngày sau, ông Alexander S. Frere, người độc nhất chuyên trách về các văn phẩm của Maugham cho biết là trước đây văn hào Maugham có yêu cầu S. Frere không cho xuất bản những cuốn tiểu thuyết hay chuyện ngắn mà Maugham đã viết trong 5 năm gần đây. Sở dĩ nhà văn Maugham đòi hủy bỏ những tác phẩm chưa xuất bản đó vì ông cảm thấy những điều ông viết ra trong những năm gần đây xa trời đều không có giá trị hay trong những cuốn đó chỉ là những mẫu đời chấp nối, những nhật ký của cuộc đời chính tác giả. Nhà văn Maugham đã yêu cầu như thế trong chuyến đi sang Nữ Ước cách đây không lâu, trước khi bệnh tim của ông trầm trọng và phải nằm liệt giường. Và S. Frere đã giữ đúng lời yêu cầu đó của nhà văn Maugham, vì có một số nhà xuất bản mong ước được cho ra mắt quần chúng thế giới những văn phẩm sau cùng của một nhà văn nổi tiếng trong nền văn chương Anh.

Qua các tác phẩm chính của Somerset Maugham, người ta thấy ông là hiện thân của một cậu bé then thùng và bị dấn vặt trong *Of Human Bondage*. Hay ông là một người trẻ tuổi đầy hứa hẹn trong *The Moon and Sixpence*. Maugham cũng còn là hình ảnh của một trong những người tình của Rosie trong *Cakes and Ale* cùng những nỗi tuyệt vọng và chán chường trong những nhân vật mà ông đã mang vào tiểu thuyết. Cuộc đời Maugham dính liền với viết văn. Có lần ông tuyên bố : «Tôi sinh ra để viết văn. Tôi cần viết văn như một đứa bé sơ sinh cần hơi thở» (1). Không những thế, nhà văn Somerset Maugham còn coi trọng cuộc đời dính liền với tiền bạc. Ông cho đó là lẽ thông thường của bất cứ con người tại một lục địa nào. Chính ông đã thú nhận : «Tôi đã khám phá ra rằng tiền

bạc như một giác quan thứ sáu, không có nó bạn không thể xử dụng gì được năm giác quan kia» (2)

W. Somerset Maugham thường đề cập đến một mặt trái của đời sống con người cùng những nỗi dằn vặt của giai cấp hạ lưu kể cả lớp người buôn hương bán phấn trong tiểu thuyết của ông. Trường hợp này có câu chuyện *Miss Thompson*, chuyện của những người đàn bà chuyên sống về nghề thanh lâu, bán chôn nuôi miệng. *Miss Thompson* sau này được đưa lên sân khấu kịch trường. Cho đến chuyện ngắn *Rain* (hay đây có thể coi là hình thức của một thứ tiểu thuyết ngắn), nhà văn Maugham cũng đã đưa ra cùng một đề tài về sự gặp gỡ và giao du thân mật giữa một cô gái làng chơi và một nhà truyền giáo tại Nam Hải. Điều quan trọng trong *Rain* là nhà văn Maugham đã nêu ra sự tranh chấp giữa sự chân thật, ngay thẳng và tội lỗi. Ông ám chỉ đến nhà truyền giáo và cô gái làng chơi. Nhưng đó chỉ là nhân vật tiểu thuyết của ông mà thôi. Ngoài đời thì ông khác hẳn. Ông là người trầm tĩnh nếu không phải là người ở mức độ lạnh lùng (bản chất cố hữu của người Anh). Nhân vật tiểu thuyết của ông cuồng nhiệt và đam mê bao nhiêu thì cuộc đời của ông trái ngược bấy nhiêu. Có lẽ vì ảnh hưởng đời sống cá nhân, với những tấn kịch trong gia đình của cá nhân ông, đã khiến ông nhìn cuộc đời nhân loại bằng đôi mắt bình thản. Bình thản trong bản chất nhưng sôi động bằng dòng chữ hay bằng ngòi bút. Về điểm này, nhà văn Somerset Maugham đã phải nói: «Có một số người không hiểu gì về tôi hết. Và họ không hiểu đến nỗi như họ tưởng tượng ra» (3). Thực thế, nhà văn Somerset Maugham chỉ là người biết cách nhìn ngắm, biết cách diễn đạt, chứ không phải là người hoàn toàn tham dự.

Nhà văn lão thành W. Somerset Maugham cũng đã từng viết các loại chuyện tình báo ly kỳ, nói về những âm mưu quỷ quyết quốc tế cùng những tranh chấp ảnh hưởng chính trị giữa quốc gia này quốc gia với khác. Chẳng hạn như trong *Secret Agent*, người ta thấy biệt tài của ông khi đưa ra mẫu người tiền *James Bond* (hình ảnh của những anh hùng mã thượng trên màn bạc hiện đại, thủ vai đấm đá kiểu *James Bond*.) Sở dĩ ông viết được những kinh nghiệm đó là vì ông đã từng phục vụ ngành nhân viên tình báo Anh một dạo trong thời Đệ Nhất Thế Chiến.

Nhà văn cũng Maugham cũng còn là một người khiêm tốn. Thiên hạ hay có thể nói quần chúng văn nghệ ca tụng ông, ông cũng chẳng quan tâm. Ông chỉ chăm chú vào nghề viết văn. Ông cho đó là một cái nghiệp của một nhà văn, ông phải hy sinh suốt 60 năm trời cho văn chương tiểu thuyết và kịch bản. Maugham bảo rằng : « Những sách mà tôi viết ra trong 10 năm đầu tiên đều là những cuộc thực hành theo đó tôi tìm cách học hỏi công việc của tôi. Viết văn là một cái nghiệp thường trực. Không có nhà văn chuyên nghiệp nào có thể đủ tư cách chỉ viết ra một khi nhà văn đó cảm thấy thích viết. » (4)

Trong thời gian những năm của Đệ Nhất Thế Chiến, nhà văn W. Somerset Maugham đã có mặt tại Hoa Kỳ. Tại đây, ông viết nhiều bài báo có tính cách tuyên truyền cho chính phủ Anh quốc. Chính trong giai đoạn này, Sir William Wiseman một nhân viên thuộc tòa đại sứ Anh tại Hoa Thịnh Đốn đã yêu cầu nhà văn Maugham nhận một sứ mạng sang Liên Xô cùng với một nhóm người Tiếp Khắc để tuyên truyền. Đây là một sứ mạng cực kỳ khó khăn và nguy hiểm đến tính mạng. Mục đích cuộc tuyên truyền của Maugham theo như chỉ thị của tòa đại sứ Anh là làm sao ông tìm cách bán đứng chính thể dân chủ của Alexander Kerensky cho thế giới bên ngoài (khối Tây Phương). Và kết quả là cuộc cách mạng vô sản Bolshevik bùng nổ tại Liên Xô năm 1917, đưa Kerensky lên nắm chính quyền. Nhưng khối quần chúng Liên Xô lúc bấy giờ (phần nhiều là giai cấp vô sản Bolshevik) đều không chấp nhận sự có mặt của Alexander Kerensky trong hàng ngũ cao cấp của chính quyền. Họ đe dọa Kerensky nên từ bỏ chính quyền vì họ thoảng thấy âm mưu của chính phủ Anh và Hoa Kỳ qua sứ mạng bí mật và tuyên truyền của nhà văn William Somerset Maugham và phái đoàn Tiếp Khắc.

Khi trở về Anh quốc, nhà văn Maugham mới khám phá ra rằng ông mắc bệnh lao. Ông phải vào tĩnh dưỡng tại một viện bài lao trong suốt một thời gian mấy tháng tại Banchory thuộc Tô Cách Lan, và sau đó ông trở lại thủ đô Luân Đôn để phục hồi sức khỏe.

Trong thời gian còn theo học tại Heidelberg ở Đức, nhà văn Somerset Maugham đã say mê đọc Goethe. Và cho đến những năm về sau ông vẫn không ngừng đọc Goethe. Những văn thơ trữ tình của Goethe, ông đều thuộc lòng. Sở dĩ ông say mê Goethe đến mức

độ đó vì không những ông đọc thi ca của Goethe, Maugham đã hồi tưởng lại những khu phố xa cổ kính tại Heidelberg, nhớ đến những lâu đài xưa, những vùng đồng bằng miền Neckar chạy dài xa tắp, mùa đông đầy tuyết phủ và mùa hè ấm áp. Ngoài thi ca trữ tình của Goethe, nhà văn William Somerset Maugham còn không quên đọc các tác phẩm tiểu thuyết của nhà văn Đức này. Trong khoảng thời gian từ 1950 đến 1958, Maugham đọc lại 3 tác phẩm chính của Goethe: *The Sorrows of Werther*, *Wilhelm's Apprenticeship* và *The Elective Affinities*. Nhưng ông không công nhận đường lối tiểu thuyết của Goethe vì tiểu thuyết của Goethe không thực bằng thi ca trữ tình và ông đã phê bình Goethe với tác phẩm *The Sorrows of Werther* như sau: « Trong tác phẩm này, Goethe đã phả vào nhân vật anh hùng của ông lối quyến rũ riêng biệt, tính cách vui tươi và tính cách trào phúng hay ho, sự thương yêu, tính cách giao du tình ái dễ dãi trong xã hội và lòng yêu thiên nhiên. Thực thế, ông đã đưa ra một hình ảnh vô cùng quyến rũ của chính con người ông » (5).

Về kỹ thuật chuyện ngắn quốc tế, nhà văn Somerset Maugham đã nhận định nhà văn Liên Xô Anton P. Chekhov là một trong những khuôn mặt văn chương khá nổi tiếng trên phương diện hình thức cũng như nội dung. Ông say sưa với thi ca trữ tình của Goethe chừng nào thì ông cũng say mê truyện ngắn của Chekhov chừng đó. Đã có lần Maugham đem so sánh kỹ thuật truyện ngắn của Chekhov với truyện của Guy De Maupassant. Đôi khi Maugham lại nghĩ rằng chính Chekhov đã mô phỏng hình thức của Maupassant. Ông chỉ nhận định khái quát như thế thôi, thực ra điều quan trọng đối với Somerset Maugham ở chỗ ông đưa ra những quan điểm ký thú về sự khác biệt giữa văn hào Chekhov và Maupassant. Guy de Maupassant đã tìm cách thâm kịch hóa các câu chuyện của mình còn Chekhov thì giải phóng tính cách thể thảm ra khỏi nhân vật trong truyện hay Chekhov để cho nhân vật của mình mang tính cách thâm kịch một cách hoàn toàn tự nhiên. Maugham nhận định rằng điều thiết yếu trong truyện ngắn của Chekhov ở chỗ Chekhov đề cập đến cuộc đời của quần chúng xung quanh ông, cuộc đời thật tầm thường của những người dân Liên Xô. Chekhov đã đưa ra những thực tại phi thường

đối với những biến cố mà Chekhov đã mô tả. Maugham bảo rằng Chekhov không phải là một nhà văn chỉ biết thu nhận, nhưng Chekhov có tài quan sát, lựa chọn, phỏng đoán và hòa hợp các thực tại vào với nhau như những dây tơ liên kết. Về Chekhov, nhà văn Somerset Maugham có viết: «Tôi không nghi ngờ gì nữa là những truyện ngắn của ông thật đáng thán phục. Tuy nhiên từ nhận định này về ông, tôi có thể kết luận rằng theo ý nghĩ của ông, một tiểu thuyết gia phải là một điều gì hơn cả một tiểu thuyết gia» (6).

Cho đến Katherine Mansfield cũng vậy, nhà văn Maugham chú trọng đến nữ văn sĩ Hoa-Kỳ này cùng đường lối tiểu thuyết cũng như kỹ thuật truyện ngắn được phổ biến sâu rộng trên thế giới. Nhà văn Maugham đã lớn tiếng bênh vực cho Katherine Mansfield khi nhiều độc giả thế giới nhận định rằng Mansfield đã bị ảnh hưởng sâu xa về kỹ thuật và nội dung truyện của Chekhov. Hơn nữa, nữ sĩ Hoa Kỳ Mansfield không bao giờ đọc Chekhov cả. Maugham cho đây là một sự sai lầm lớn lao của các độc giả hâm mộ Chekhov. Nhà văn Maugham quan niệm rằng nhân vật truyện của Mansfield phần nhiều là nhân vật phụ nữ khác khoải và bệnh hoạn, tâm hồn không bao giờ được bình yên. Ông cũng bảo là truyện ngắn của Katherine Mansfield mang một sắc thái riêng của những nhà văn Hoa Kỳ muốn đi tìm thân phận khác khoải và đón đầu vì những tấn thảm kịch trong gia đình của người Hoa Kỳ. Khi phê bình về Katherine Mansfield, nhà văn Maugham có viết: «Bà có một thiên tài thực sự đáng chú ý về sự quan sát và bà có thể mô tả những hậu quả của thiên nhiên, hương thơm của đồng nội, gió và mưa, đại dương và bầu trời, cây cối, hoa quả với một động văn tinh vi hiếm có» (7).

Qua vài nét đại cương về quan điểm của nhà văn Maugham đối với các tiểu thuyết gia trên thế giới, chúng ta có thể cho rằng nhà văn Maugham là một người luôn luôn quan tâm đến nền văn chương quốc tế, dù ông đã là một nhà văn chân chính. Tuy nhiên, Maugham cũng chủ trương rằng không có cuốn tiểu thuyết nào cũng hay, cũng đáng đọc. Nhà văn nào, theo ông, cũng có những khuyết điểm trong cách sử dụng ngôn ngữ, trong cách đưa ra những nhân vật xa rời thực tế hay trong đường lối phổ biến văn chương của mình. William Somerset Maugham bảo rằng khi đọc tiểu thuyết,

độc giả phải cảm thấy thích thú. Trong trường hợp không thích thú thì cuốn tiểu thuyết đó trở thành vô giá trị và người đọc cũng không thể nhận định một cách khách quan về những điều độc giả rút tĩa ra trong tiểu thuyết. Maugham nhận định rằng : « Mọi độc giả đều là người phê bình giỏi nhất cho chính mình bởi vì chỉ có người đó mới biết mình thích gì và không thưởng thức những gì. Làm gì có sự bắt buộc phải đọc một cuốn chuyện... Tuy nhiên, vấn đề đầu tiên là độc giả phải tự cảnh tỉnh rằng họ không nên tìm kiếm sự toàn thiện trong một cuốn tiểu thuyết. » (8). Nhà văn Somerset Maugham vẫn một lòng tin tưởng rằng tiểu thuyết gia chỉ là một người biết sử dụng ngôn ngữ theo một phương cách riêng để khiến cho độc giả nhập vào những biến cố cùng những cảnh tượng xảy ra trong tiểu thuyết. Ông đã đưa ra bằng chứng ngay trong nền văn chương Anh và nhất là Liên Xô đã có những nhà văn viết chuyện bằng tâm hồn thực. Ông nghĩ là những nhà văn của thế kỷ 19 đã không chú trọng mấy đến cảnh sắc, nhưng khi trường phái lãng mạn tràn ngập tư tưởng vào những nhà văn trong thời đại này, các văn gia lại thi nhau ca tụng cảnh sắc thiên nhiên. Nào là những cảnh tượng bình minh, hoàng hôn, đêm đầy sao bầu trời không một gợn mây, mặt trăng tròn và khuyết, đại dương chuyển động không ngừng, đỉnh núi đầy tuyết phủ hay những khu rừng âm u, đều là những trường hợp bất cứ nhà văn nào cũng biết khai thác những đề tài thiên nhiên đó. Và Somerset Maugham đòi hỏi rằng các nhà văn phải cần nhiều thời gian để có tài quan sát để diễn đạt tư tưởng mình trước thiên nhiên.

Như vậy theo quan điểm của Maugham về văn chương và tiểu thuyết, chúng ta có thể nói được rằng con người đòi hỏi một điều gì khác thường trong tiểu thuyết vì con người đã phải trốn tránh thực tại để bước vào một thế giới ảo mộng của tiểu thuyết. Nghệ thuật văn chương là nghệ thuật làm sống lại dĩ vãng, làm sống lại những hoài niệm của thời quá khứ. Cuộc đời riêng tư hay cuộc đời văn chương nghệ thuật của Maugham hình như nối liền vào thực tại. Hình ảnh của ông trong cuộc đời cũng là một phần hình ảnh của ông trong tiểu thuyết. Trong những năm cuối cùng, nhà văn Somerset Maugham đã quan niệm cuộc đời hoàn toàn vô nghĩa và ông không tin tưởng gì vào linh hồn hay Thượng Đế. Sở dĩ Maugham mất lòng tin như vậy vì ông cho rằng hành động của

còn người đều bắt nguồn từ tính cách vị kỷ, chỉ biết yêu mình mà không quan tâm đến tha nhân. Ông bảo đó là điều tệ hại nhất của con người. Dù cho William Somerset Maugham có bi quan về cuộc đời nhân loại cùng những nỗi tuyệt vọng, ông đã để lại cho chúng ta những kinh nghiệm quý báu về những luận cứ văn chương tiểu thuyết hay những đề tài quan trọng do tiểu thuyết đưa ra. Tư tưởng của Maugham về sự sống, về sự hiện hữu hay về tấn thảm kịch của xã hội trong hai thế kỷ 19 và 20 là một lời khuyến cáo thật tế nhị là chúng ta hãy nên kiến tạo một đời sống có thực, không nguy tạo, không giả dối, ngõ hầu tìm được ý nghĩa đích thực cho đời sống.

BÙI NGỌC - DUNG

Chú thích :

(1).—*«I was born to write. I took to writing as a newborn child takes to breathing» (THE NEW YORK TIMES. Dec. 17. 1965).*

(2).—*«I had found that money was like a sixth sense without which you could not make the most of the other five» (NEWSWEEK. Dec. 27. 1965).*

(3).—*«There are few people who know anything about me. And even they do not know as much as they imagine» (TIME. Dec. 24. 1965).*

(4).—*«The books I wrote during the first ten years were the exercises by which I sought to learn my business. Writing is a wholtime job. No professional writer can afford only to write when he feels like it» (TIME. Dec. 24. 1965).*

(5).—*«In it Goethe has given his own charm, his gaiety and good humour, his affectionateness, his ease in social intercourse, and his love of nature. In fact he has drawn a very engaging portrait of himself». (POINTS OF VIEW by William Somerset Maugham. p.8).*

(6).—*«I have no doubt that they are admirable. But from this remark of his I can but conclude that in his opinion a novelist should be something more than a novelist». (POINTS OF VIEW. by William Somerset Maugham. p 148).*

(7).—*«She had a truly remarkable gift of observation and could describe effects of nature, scents of the country, wind and rain, sea and sky, trees, fruit and flowers with rare delicacy» (POINTS OF VIEW. by William Somerset Maugham. p 158).*

8.—*«Every reader is his own best critic, for he alone knows what he enjoys and what he doesn't. There is no obligation to read fiction... But the reader must in the first place be warned that he must not look for perfection in a novel» (WILLIAM SOMERSET MAUGHAM selects THE WORLD'S TEN GREATEST NOVELS. p.12).*

xuân 1966

Xuân đến chậm giữa một trời bão tố,
Thôi từ đây mòn rỗng hết tâm tư
Tuổi thơ ấu một lần không gặp lại
Tiếng súng vang thay tiếng pháo giao thừa.
Nhìn quê mẹ đi buồn như cắt ruột,
Thương thân tàn từ thuở bước chân ra
Chiều đông lạnh mây bay về ngõ cũ
Tôi cô đơn ngay ở giữa quê nhà
Ôi thư viện, ôi học đường xa lạ,
Đói cơm rồi đói cả trí khôn ngoan
Đất nước nghèo bao nhiêu năm rồi nhỉ
Bão lụt còn vấy riết cảnh lầm than.
Xuân đến chậm như chưa cần phải đến,
Trông cây mai trụi lá cũng ưu phiền
Năm luống cù vườn xưa vàng héo ulla
Tre sau vườn lả ngọn xuống sâu lư.
Tôi muốn làm bác nông phu cần mẫn
Sau năm dài hoan hỷ đứng xoa tay
Mong mảnh đất của mình nhiều hoa lợi
Để sang năm bớt khổ hơn năm nay.

đóng cửa

Đêm ba mươi, anh em ơi, đóng cửa,
Anh em ơi, đóng kỹ, đóng mau
Anh em ơi, đóng chặt dùm nhau
Đóng tất cả nhà nhà phố phố.

Ba mươi đấy, anh em ơi, đóng kỹ,
Nhà nào còn đèn còn lửa tắt mau lên
Khóa đồng và cánh tay, vòng đai và ý thức
Chúng ta đóng mau, đóng kỹ
Anh em mình chúng ta đóng dùm nhau.

Như chúng ta đã đấm dùm nhau những tế bào
hoen rỉ,

Như chúng ta đã vuốt dùm nhau những gò má đôi
khô và nhục nhằn

Như chúng ta đã nhìn dùm nhau thân thể lo âu
và sợ hãi

Hận thù đã trở thành cơn mê sảng.

Chiến tranh đã trở thành định mệnh gánh quần vai
Sẽ cùng nhau

Chúng ta sẽ cùng nhau đóng cửa

Chúng ta đóng cửa và lặng im,
Lời không cần cất lên, nhạc không cần trỗi
Em đóng cửa những gì ta đã biết
Ta đóng cửa những gì anh em ta đều biết
Cha mẹ ta con cái ta đồng bào ta đóng cửa những
gì chúng ta đều biết.

Không cần nói, không cần nói,
Cứ đóng cửa và lặng im.

Cứ đóng cửa và lặng im,
Đóng mắt, đóng môi
Đóng tim, đóng óc
Như người xưa đóng cọc trên sông
Như cánh tay vòng quanh tình ái
Đóng kỹ cho nhau
Phố phố nhà nhà
Đời đời kiếp kiếp,
Đóng kỹ cho nhau cuối sông đầu núi
Trên đất nước này, trên tổ quốc này
Phải đóng cửa những gì sông núi biết từ lâu...

NGUYỄN-SA

số 1 và số 10

hai người ngồi uống rượu
nước mắt sông chảy mau
một người nhìn nước chảy
một người cúi gục đầu

hai người ngồi uống rượu
trời mùa hè cao-xanh
anh là number one
tôi là munber ten.

hai người ngồi uống rượu
trời mùa đông mỏng-ménh
người kia ôm bóng tối
người này hát hát thầm

hai người ngồi uống rượu
hai khuôn mặt khô-đau
vết hằn trên vùng trán
vết hằn trên mắt sâu.

hai người ngồi uống rượu
trong hoàng hôn mùa xuân
một người còn một tay
một người còn một chân.

hai người ngồi uống rượu
uống nước mắt phế-nhân
uống giữa vùng bom-đạn
uống giữa vùng chiến-tranh.

hai người ngồi uống rượu
nước dòng sông chảy mau
một người number one
một người number ten.

con ngựa trắng

lần mẹ mang thai con
ngoại hồi ấy vẫn còn
bảo mẹ cưới ngựa trắng
và cầm tên, bắn cung
hỏi ra mẹ biết rằng

■
ngoại mong thầm trong bụng
sinh đứa cháu đầu lòng
là con trai ngang dọc

■
rồi binh biến mùa thu
ai cũng chạy tản cư
ngoại nhất định ở lại
giữ con ngựa, chiếc cung

■
nhưng con ngựa đã chết
trong một trận dội bom
chiếc cung cũng đã cháy
thân ngoại cũng tro tàn

bây giờ con phần đấu
trong trận giặc khốn cùng
liệu làm sao ngang dọc
như lòng ngoại thầm mong.

bài xuân cho đồng khánh

bây giờ mùa xuân đậu trên sân trường
năm cũng vừa dứt
mùa đông ở Huế vừa hết
các em sửa soạn thay áo mới thay đổi cuộc đời
mùa xuân sẽ tặng những đóa hoa trắng
hãy cài lên áo và tiếp tục đi
về vùng mặt trời
mọi sự đón tiếp sẵn sàng ở đó
em sẽ được sắc phong hoàng hậu
và mùa xuân hôn trên tóc

■
bây giờ mùa xuân ngủ trên cỏ
vũ khúc bắt đầu
các em hãy ca mùa đón chờ hòa bình
kêu gọi sự thịnh vượng cho Việt Nam
chúng ta hợp ca bài tự do
tiếng hát vượt biển vượt núi

■
bây giờ mùa xuân đã tới
hoa đã nở và má đã hồng
em vừa thêm một tuổi
Việt Nam đầy một năm chiến tranh
ta sẽ không tường thuật plastic nỡ ở Saigon
sẽ không nói chiến cuộc xảy ra ở đây
và bạn bè đã chết
các em hãy vui một ngày
mai bắt đầu một năm
chiến tranh

Saigon
KIÊM - THÊM

nói với mùa xuân

có những gì vui thú
cho lời nói hôm nay?
thông điệp của tuổi trẻ
gởi theo cùng gió mây

trời cao và biển rộng
với đời sống mịt mù
đôi mắt đen sâu mòng
vẫn nhìn hoài âm u

bàn tay là củi mục
nén loài hoa điêu tàn
linh hồn đầy lá úa
nén màu xanh tan hoang

xin loài chim cứ hát
bài ca của đất trời
muôn năm người thèm khát
tiếng chim này đây thôi

xin loài hoa cứ nở
cho đẹp những nụ cười
loài sâu rồi sẽ chết
trong màu sắc xinh tươi

xin mùa xuân cứ đến
tôi ngồi đây đón chờ
nắng có đủ thiêu đốt
tôi vẫn còn làm thơ

tiếng ai ngoài lối gió
nói thầm với tình yêu
mắt nhìn qua cửa sổ
càng bàng hoàng bấy nhiêu

đành lang thang mà hát
bài ca kẻ độc hành
tuổi đời về phiêu bạt
như những dòng sông xanh

tôi sẽ chào mùa xuân
bằng lời thơ đẹp nhất
vang từ mái nhà tranh
với bao niềm chân thật

dù vòng đai nước mắt
phong tỏa một khung trời
dù tiếng rền bom đạn
đọa nát từng con người...

mùa xuân... mùa xuân ơi!

Tam-Kỳ

NGUYỄN NHỎ NHƯ ỢNG
(Hồi thơ miền nhiệt đới)

mùa xuân

TÌNH YÊU

thời tôi buồn cũng chưa vơi
gieo bay phố thị dòng mưa xuống rừng
trong đời thêm một mùa xuân
yêu em còn lại đôi lần vu vơ
phiền nhau biết đến bao giờ
nước luân lạc ấy hoài mơ dáng nguồn.

CUỘC SỐNG

săm se dấu hỏi sinh tồn
hàng năm cơm áo ôm tròn mộng du
tay giờ vọng đỉnh trời mù
lời ca bé dại đánh hư vô rồi
lòng người mấy chặng bồi vơi
thơ không chờ hết sầu trời xuân nay.

QUÊ MẸ

con chim vàng ngủ sau ngày
đã quên xuống đậu bàn tay đỡ dành
ngậm ngùi tiếng súng vầy quanh
dòng sông rồi chẻ bao ngành trơ vơ
nghe xuân đời lịm trong mờ
quê hương cát bụi bấy giờ gió lên.

Hội an
HOÀNG-LỘC
(Thơ anh bảy giờ)

con đường đến em

Thượng ngày nắng cũng tàn xiêu
theo em buổi đó lòng hiu hắt sâu
từ con nước nhỏ nguồn cao
chở hồn anh xuống núi vào biển hoang
một tay với thác thương ngàn
một tay gối sóng nghe lòng lênh đênh
bãi khô đợi nước dâng tình
còn em lòng có nghe mình băng khuâng
đường xa xói núi tiếp rừng
trong hiu quanh ấy chân ngừng dấu in
bây giờ bọt nước buồn tênh
chờ em xuống nắng bay lên nụ cười

Quảng Ngãi

HÀ NGUYỄN-THẠCH

(Miền biển động)

quê hương tình yêu

và

mùa xuân

em vào nước mắt xuôi xa
tình con nhện nhỏ la đà tháng năm
mưa về trắng phố thâm hiên
mắt đi ngơ nhớ tuổi năm lao xao
mãn khai rơi rã mai sau
ngỡ con chim nổi qua cầu bơ vơ
còn gì yếu cũ thương xưa
bóng nhòa bóng cũng dật dờ còn xanh
thối rồi hàm tiểu mịn manh
đồ đời lả tả vũng ghềnh cỏ phơi
ngậm đi pháo nổ theo lời
nín đi lửa khói theo trời giăng giăng
say vui ố rượu ngày xuân
nhỏ đàn nước mắt ròng ròng ngỡ vui
trường sơn sương khói ma hời
quê hương chợt cựa thân cười héo hon
em vào lòng dạ bỏ không
xuôi ra đau khổ từng bình ẩu nhi
kề vai tay chấp chận quì
xuân chỉ không nghĩa bảy giờ nữa đâu
dành cho một chút thương nhau
bỏ con yêu dấu cơ cầu thanh niên
hồn bay lả chã ưu phiền
phách chìm xáo xạc tuốt miền ngựa xe
còn gì ăn nói ngó nghe
ngủ thôi một giấc mẹ bà ru ru
ngủ thôi một giấc ngày thơ
xuân ồ
em bỗng vui ra cười cười

Qui-Nhơn

NGUYỄN PHAN-THỊNH

những ảo tưởng mùa xuân của loài rêu

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Khi anh tìm đến và được chấp nhận bằng hương vị đậm đà của nam
trân quê hương anh dịu ngọt của thanh trà quê hương em anh tưởng
anh trở thành một kẻ khác, một kẻ hành hương biết mình đang trên
con đường dẫn về đất thánh, ngỡ những lá vàng đau thương trên
cây đời anh rụng hết những con bọ rầy ý nghĩ đã ngủ ngon trong
đầu anh không còn rúc rủa những cây cỏ tin yêu đã cằn khô nhựa sống.

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Người ta bảo anh là nhà thơ — anh tự hỏi không biết có phải — chỉ
là một giống nhai lại mớ ngôn từ dẽ rách lừa dối thiên hạ bằng
những ảo tưởng mặc áo hoa những đau khổ vớt ra từ lò nhuộm những
hận thù súng đạn chết chóc viên vông.

Anh im lặng cầm diếc như một loài hến như một con sò muốn được
yên thân nằm thờ dài trên bãi cát quê hương nghe tiếng súng là tiếng
sóng đập trên thái dương đau nhói từng cơn những ngày những đêm
không nhớ hết.

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Biết nói thế nào với em khi trán anh vẫn kềm gai rào kín mắt anh nhìn.
tua tua bàn chông và người đời thì vẫn liên tiếp ngộ nhận dằng sau
mỗi lời nói nghĩ ngờ vẫn hằng hằng phục kích

Anh rơi tự đỉnh đau thương xuống vực sâu túi hồ dầu mặt nằm im không dám nhìn ngày lên vầng vọt sợ đồng loại nhận ra mình chỉ là một tên mồm mép nói hoài nói hoài về cuộc chiến tranh trong mỗi trái tim trên mỗi phần da thịt quê hương.

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Anh vẫn đánh lừa anh mỗi ngày nghĩ rằng người ta không quên vết thương càng lúc càng lở loét máu càng lúc càng đặc quánh cầm hờn và những ruộng lúa chết ngạt trong rừng mưa bom sâu vào thân thể.

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Chắc sẽ có một ngày khi anh quay về với một tay hay một chân còn lại đưa em ra bờ sông buổi chiều cúi nhìn mặt mình trong dòng nước đục ngầu và mặc áo cưới cho em bằng hai dòng lệ nóng

Em sẽ khóc, anh biết thế, nhưng em hãy khóc cho chính em mỗi chúng ta nên tự khóc cho mình vì đời đâu có dư thừa nước mắt.

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Sẽ có một ngày anh vẫn tự nhủ với lòng và hẹn hoài với em dù không tin ở lời mình nói nhưng biết làm sao hơn khi hạnh phúc bay xa và anh đã là một thân chim gãy cánh chới với gọi theo bằng mớ bất lực bò ngồn ngang trên ngày tháng đời anh.

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Anh gọi quê hương gọi mẹ gọi em nhiều lần đêm nay nhưng sao hồn anh vẫn mưa giọt thũng lạnh cóng hy vọng không có một vọng âm trong đầu anh thạch động.

Hỡi em, bao giờ thì chúng mình làm lễ cưới ?

Khi ta yêu nhau anh sáng lòa hạnh phúc nhưng ngờ đâu bài thơ vui viết cho em chỉ là cơn nghỉ mệt của con bò rừng chiến tranh chờ giờ trở lại đấu trường

Ngày mai anh sẽ cưới em dù sính lễ chỉ có trái tim đau thương đỏ tươi dòng máu vừa sôi ra tự buồng ngực cuộc sống đã chết hôm nay Ngọc Anh, hãy chờ đợi và hãy cưới i bằng hai hàng nước mắt để mùa xuân về làm quà mừng tuổi cho anh.

Huế
TÂN-HOÀI DẠ-VŨ

tình yêu
và
mùa xuân

nụ hôn đầu trên môi
với tâm hồn mới gọi
mùa xuân đi qua đời
em ngự trị bên tôi

ngày mai tương lai đến
hoa lá cỏ mọc đầy
màu hồng anh xin tặng
tình yêu và tự do

ngày mai là hôm nay
mùa xuân già trái ngọt
con tim mùi hạnh phúc
trời xanh rủ mây bay

mười chín năm đi qua
đời không còn bờ ngõ
đời không còn bờ vờ
tình yêu đi tương lai

em ca đời say đắm
anh ngủ dài ngắt ngày
tình yêu này xin tặng
mụ hôn đầu trên môi

Saigon
NINH-CHỮ

tiền thân của loài chim cánh đen

Từ thuở tôi đầu thai làm sinh vật Thượng Đế đã chuàng lên cho tôi một vòng hoa với tinh thần hòa dịu giữa đây hành lang im lặng đầy cảm giác

Ngài đã mớm vào môi vào tim vào hơi thở tôi máu huyết của loài chim giang hồ khát thèm những chuyến viễn du đi vào vùng đất lạ.

Cùng những ngón tay huyền diệu Ngài vuốt nhẹ lên mắt tôi rồi phán dạy : «Hỡi loài chim cánh trắng, người là Sứ giả, hãy dùng đôi cánh không bao giờ biết mỏi mệt bay đi kiếm tìm những vùng đất lành tràn đầy chất sống. Hãy lớn lên và mang sự hồi sinh vào cho nhân loại

Tôi cúi đầu nhận lãnh tưởng mình xa lạ xin quay về giữa hư vô cần phải trái chín với chất nước đậm đà và dịu ngọt chảy khắp quanh môi. Tôi biến thành cao cả hăng đứng trên đỉnh núi để nở nụ cười khoan dung với vạn vật.

oOo

Tôi mở mắt từ nghìn đời trong bóng tối ngượng ngập nhìn vào trần gian với niềm ngỡ ngàng của loài dã thú chưa một lần được gọi tên

Trên ngôi cổ thành bóng đổ xuống thềm lặng rồi tịch cờ nghe
hoa lá tỏ tình âu yếm. Tôi nhún đôi chân yếu đuối đôi cánh giăng
ra thử làm quen với cuộc hành trình tiền định

Tôi bay một vòng ngang qua dốc núi nơi đó loài người đang bám
vào bờ đá leo lên với hướng quay đều của lịch sử

Chúng nhìn tôi bằng ánh mắt ngưỡng vọng và điên cuồng gào
lên : «Hãy trả lời cho chúng tôi bức thông điệp của Thượng Đế và
báo tin về miền đất lành để chúng tôi nhận làm nơi định cư vĩnh
viễn.

Tôi vỗ cánh bay về phía mặt trời với niềm kiêu hãnh của loài
chim màu trắng và tin mừng tôi sẽ mang về đây.

oOo

Đề những ngày tháng lụn dần với niềm kinh hoàng thức dậy
trong hồn cùng với sự đói khát đi dần vào đời cánh rộng không mảnh
lực nào ngăn cản nổi

Tôi vẫn bay đi mà niềm kiêu hãnh không còn nữa với mùi rượu
nặng nồng trở về làm kẻ du hành quay lưng với quá khứ

Tôi âm thầm níu chặt lấy niềm vô vọng của tuổi nhỏ bất hạnh
để cho nước mắt rơi xuống mọc thành rêu trên tuyết, những cánh
hoa xương rồng trên Sa mạc

Không một miền hoang vu nào tôi không dấn đến : những cánh
đồng lúa chín đã biến thành đấu trường, những dãy nhà cao làm tù
ngục, những thành phố huy hoàng còn rất nhiều hận thù

Tôi chán ngán sà cánh xuống trên một tảng đá miền hoang đảo
dùng chiếc mỏ dài đào thành hố sâu chôn dấu niềm bí ẩn của riêng tôi

Tôi bước vào giấc ngủ rồi mơ đến vùng đất lành có loài chim
cánh vàng, loài hoa biết nói với giòng suối nhảy múa bên cạnh mặt
trời và tình yêu đang mọc dậy. Tôi một mình khiêu vũ trên cánh đồng
cỏ thơm với chiếc tù và liên hồi réo gọi ...

oOo

Tôi ngạc nhiên biết bao khi buổi sáng thức dậy nhìn xuống thân
thể đôi cánh trắng đã hóa thành màu đen của địa ngục

Tôi cay đắng khóc lên thành tiếng với niềm sợ hãi đời đời trong
lời chào vĩnh biệt và âm thanh làm kẻ xa lạ không bao giờ muốn lên
tiếng nhận mình là sứ giả trở về với đôi cánh đen báo tin chết chóc
và khổ đau

Tôi tung cánh bay đi như người lữ hành thêm khát cuộc chinh
phục tự hiến thân vào trong sự hy sinh cay nhọc mà chỉ có tôi được
biết đề loài người hoài hoài hy vọng về miền đất lành và tôi mãi mãi
là loài chim cánh trắng sẽ mang tin mừng về đây.

Qui-nhơn

SÂM THƯƠNG

(Cuộc lễ trên đỉnh núi)

cơn ho mùa xuân

Con đường này xuôi về đâu em có biết
Nơi nào một trận đánh cuối mùa vừa xảy ra
Nơi nào thằng bạn chúng ta vừa mới chết
Con đường này còn dẫn tới bao xa?

Một năm, hai năm, bao nhiêu năm rồi chớ
Em ơi em, nhân ái ở đâu giờ
Da thịt mòn hao, tâm hồn lửa đỏ
Da thịt chúng mình sao ướp mãi thối tha

Ngồi lại với anh thương về dĩ vãng
Dĩ vãng chúng mình giành giùm có chi đâu
Ngoài những buổi mai ngó đời tới chậm
Ngó quê hương gặm nhấm nát khoanh sầu

Con đường này xuôi về đâu em nhỉ
Nơi nào nước đã lờ bờ đất đã trôi
Hãy ngồi lại với anh xót xa cùng thở
Trong cơn ho chúng ta nhìn lần cuối cuộc đời

Rồi một sớm mùa xuân nào hy vọng nở
Thôi thực sự rồi hoài nghi ấy em ơi
Bấy nhiêu năm cầm hơi không thoát nỗi
Thôi thực sự rồi hoài nghi ấy em ơi

Kiến Phong
LAN SƠN-ĐÀI

ước muốn của chàng khi mùa xuân

xin làm loài hoa đẹp
nở trên đất nước này
xin làm loài bướm đẹp
lượn trong vườn hoa này
xin làm loài chim đẹp
bay trong khung trời này

xin làm mặt trời sớm
trái nắng vàng xuống đây
xin làm em bé nhỏ
hát những lời thơ ngây
xin làm mẹ già yếu
thương đàn con khó gầy
xin làm tấm màn sắt
che bom đạn trên đầu
xin làm cây cỏ thụ
ngăn gươm giáo đằng sau
xin làm hầm trú ẩn
cho người trốn niềm đau

xin làm màu nắng đẹp
trong mắt người em thương
xin em làm mùa xuân đẹp
cho đất trời quê hương

xin làm mùa xuân đẹp
cho đất trời quê hương
(chỉ là điều ước muốn
của người quá buồn).

Vĩnh điện
ĐYNH TRẦM-CA
(Thủ làm người)

thơ ơi, bay về đâu ?

*Thơ ơi, bay về đâu ?
Về bên người quen lâu ?
Về bên ai mới gặp ?
Thương Người Thơ dãi dàu.*

*Thơ ơi, bay về đâu ?
Tình thơ mấy nhịp cầu ?
Về bên hoa chớm nở ?
Về bên đá bạc đầu ?*

*Thơ ơi, bay về đâu ?
Bay vào trong đêm thâu ?
Bay ra ngoài ngày sáng ?
Bay vượt khỏi địa-cầu ?*

*Thơ ơi, bay về đâu ?
Ta còn đây u sầu !
Ta còn đây mơ mộng !
Ta còn đây thương đau !*

(Manila)

ĐÀO THANH-KHIẾT

đầu tay
mùa xuân

1.

Dẫu sao tôi cũng còn đôi điều muốn nói
đêm không thui chột bàn tay
đêm không lấp đầy tròng mắt
và rồi ngày đã đến đã đến bình thường như hôm qua
như hôm kia như hôm tôi ra đời và khóc
vậy chừ phải sức miệng đánh răng
trước khi chúc mừng bà con bạn hữu
ôi đó là mùa xuân
ôi đó là bài thơ trang trọng gửi tặng người uống rượu
mừng cho nhau còn nói còn cười
còn lịch-sử nhục nhằn sau này cháu con thừa hưởng
đó cũng là công ơn!
đó cũng là bổn-phận
chúng ta đang gầy vốn cho hậu-sinh
cho chú bé tương-lai mang mùa xuân mở mắt
mang cuộc đời lạnh lặn vết thương
đi giữa rừng cây xanh không biết cầm gọng nà
không biết cầm lòng thỏ lửa vào thơ...

2.

Kìa anh em, hãy uống đi
rượu ngọt
ai ngại chỉ xin nói thẳng ra

thăng như đường bay của đạn
thăng như giọng chim chót hót ngoài kia
ôi đó là mùa xuân
ôi đó là bài thơ đầu năm tôi khai bút
mừng cho nhau còn sống chia buồn
mừng cho nhau còn sống chung tay ôm tình thương
vun bón

đó cũng là lời ca
đó cũng là giọng hát
chúng ta xin nương tựa vào nhau
hỡi con em sớm mai mở mắt
mở cánh tay mở cửa ngục tù
đeo cho ba má con những vòng hoa giấy kềm nhọn
đeo cho ông bà con giấy võ đạn nổi dài con tìm gấp trên
đường đi trên cánh đồng trên khu vườn con
hẹn bạn

đấy là lời cảm ơn
đấy làm ơn quả trả nợ
tự bo...

3.

Kìa anh em, say thật chưa?
rượu ngọt
tôi run tay nên rót tràn ly
tôi run tay nên vô-tình mở mắt
rộng như lòng
cho giọt lệ rơi trên mùa xuân rượu ngọt
can gì đâu nào hãy uống thêm ly này nữa
đó chính là chúng ta
đó chính là cuộc đời trước mặt
vẽ vời chi khách-sáo anh em
tôi khôi-hài tôi tội-nghiệp thân tôi
mùa xuân có dao găm lựu đạn
lời đầu tay ai dám nghe chẳng ?
Mùa xuân Mùa xuân trời ơi đạn nổ cùng chúng ta

Đà-Nẵng
LUÂN-HOÀN
(Trót sông)



NGƯỜI EM ẤY

VÔ PHIẾN

Truy tri chàng vào độ ấy chuyện yêu đương dính líu đến một hình ảnh hèn mọn, mà chàng cả thẹn giấu giếm.

Nhà cậu chàng thật lui vào trong, so với những nhà hai bên. Như thế, tự nhiên được hưởng một khoảnh sân, điều rất quý hóa đối với những nhà không sang trọng ở thành phố.

Trên khoảnh sân ấy, cả bọn học sinh ở trọ chiều chiều lúi ghế ra ngồi tán dóc, cho mát, tối đến có cậu thích tách riêng một mình mang vở ra ngồi học dưới ánh đèn đường. Thường ngày, cũng trên khoảnh sân ấy có những gánh hàng rong dừng lại. Trong đó có chiếc xe của người chệt bán bánh tiêu.

Người chệt mang bột đến, làm bánh ngay tại chỗ. Lửa cháy dưới chảo dầu có khi tạt khói vào vách nhà bên tả có khi tạt vào vách nhà bên hữu, có khi hắt tắt cả khói vào nhà của cậu chàng.

Người chệt mỗi buổi đẩy xe đến cùng với đứa con gái. Năm Nguyên mới đến trọ nhà cậu, đứa con gái lên mười một tuổi. Năm nay nó được mười bốn. Cha con làm việc cặm cúi suốt buổi không dừng tay. Chàng đã thấy đứa con gái làm việc từ ngày nó còn là một con bé gầy nhom chỉ mặc một cái áo lá mỏng.

Tia nó ngắt bột ra từng đoạn, nắn bánh, thả vào chảo dầu. Nó trở bánh bằng hai cây đũa dài đã xuống màu đen nhánh. Mỗi miếng bánh mới thả chìm xuống tận đáy chảo, sôi ục ục, một lát bánh vừa nổi lên con bé liền đưa đũa gấp, trở. Nó làm nhanh thoăn thoắt, trở bánh liền liền sắp. ngứa, sắp, ngứa... Khi nào trong chảo có tới năm sáu cái bánh thì tay và mắt nó trông cực kỳ nhanh nhẹn.

Con bé đứng hàng giờ không nói một lời, mắt nó trông xuống không rời khỏi chảo. Khách hàng có người đưa tiền cho nó, đòi mua bánh; nó cầm lấy, chuyển tờ bạc sang tay tia nó, mắt không trông người khác miệng không nói gì. Tia nó nhận tiền bán bánh; nó tiếp tục trở bánh đứng mãi mãi, nó đổi chân; khói bay sang từ hướng này qua hướng kia nó tùy ngọn gió mà đổi chỗ đứng để tránh hơi dầu xông vào mũi làm ngạt thở. Những khi gió tạt khói vào nhà cậu Nguyên nhiều quá, nó quay lại, nhìn theo ngọn khói, trên nét mặt buồn rầu thấy rõ có sự ái ngại tế nhị. Nhưng nó vẫn không tìm gặp mắt ai, không phân trần.

Thỉnh thoảng tia nó nói với nó bằng tiếng Tàu. Nó có nghe cũng như không nghe, làm theo lời mà không cần đáp. Khi nào tia nó bận nhiều khách, không kịp bỏ bánh vào chảo nó rửa tay, ngược mắt lên, và chỉ nhìn ra xa. Một cái nhìn nghĩ ngợi. Nhìn gần thì mắt nó bao giờ cũng chiếu xuống thấp, không ngó tới ngực và cổ của những người đứng trước mặt.

Hàng tháng liền, cha con người chệt đẩy xe đến trước cửa nhà Nguyên đều đều mỗi buổi. Rồi bỗng nhiên một hôm người ta thấy vắng ông ta. Vắng liền tiếp một vài tháng: Ông ta đổi chỗ tìm đến một góc đường khác. Rồi một hôm nào đó, ông ta đẩy xe trở lại chỗ cũ. Học sinh trọ ở nhà cậu Nguyên thỉnh thoảng hỏi thăm ông ta dăm ba câu, ông ta nghe một cách khó khăn còn trả lời nhiều khi lạc lõng. Chẳng hạn hỏi:

— Tháng trước có phải chú đứng bán ở gần bên rạp Đồng hưng không?

Ông ta chồm tới, nghiêng tai đón đợi, tuy ông ta không nặng tai:
— Hả?

— Tháng trước chú đứng bán ở góc đường Tự đức, Rút-xô, phải không? Bên cạnh rạp hát Đồng hưng, phải không?

Ông ta nghe được, vui mừng:

— Phải, phải. Tổng hìng ! Pên rập Tổng hìng ?

Ông ta gật đầu, cười, mắt nhấp nháy, bày tỏ sự biết ơn.

Có khi hỏi :

— Độ này bán khá chớ ?

Ông ta đáp :

— Pánh dẫu chéo quấy pánh teo. Cái lầy chéo quấy, cái lầy pánh teo.

Mọi người cười ồ, ông ta ngàng đầu lên cười theo, tỏ ý xin lỗi về sự lảm lẩn.

Thường thường những học sinh mới đến trọ chưa biết tên môn hàng của ông ta, đến hỏi ; ông ta trả lời. Về sau, khi tất cả họ đã biết cả rồi, thỉnh thoảng người chệt vẫn nghe lảm, tưởng các anh học sinh hỏi về tên bánh.

Nghe tia nó trả lời lảm lộn, con bé cúi mặt xuống mỉm cười : Người ta biết nó thạo tiếng Việt hơn tia nó. Nó chỉ mỉm cười không cần tỉnh ; và nó chỉ mỉm cười một mình, không hề can thiệp vào sự lảm lộn của tia, để mặc tia nó xoay trở, cười hô hố, xin lỗi v.v...

Cha con người chệt đến trước nhà đều đều suốt tháng, rồi đi đâu vắng một đôi tháng, rồi trở lại, rồi đi... Con bé lần lần lớn lên. Nhất là đến tuổi mười ba mười bốn nó lớn nhanh trông thấy.

Nhưng đối với Nguyễn, nó đã thu hút chàng từ ngày còn là đứa con gái nhỏ, chưa có một dấu hiệu quyến rũ gì của tuổi dậy thì. Sự chăm tối thiết của nó, đối với chàng có một cái đẹp riêng, lạ lẫm trong sự giản thể nó phũ phàng không sao bắt được, không sao tiếp xúc được. Công việc lặp lại vô cùng kiên nhẫn suốt tháng suốt năm ấy khiến Nguyễn tưởng thấy bằng bạc trên khuôn mặt, trên cả người nó một vẻ chán nản, mệt mỏi, quá sớm đối với tuổi nó. Những lúc rảnh tay, nó ngó suông ra đường, cẩn thận chiếu tầm mắt ra thật xa hoặc hạ xuống thật thấp, tránh bất cứ cái nhìn của ai, tránh cả mọi khuôn mặt. Tại sao nó lại âm thầm, cố thủ trong sự cô đơn của mình như vậy ? Nó lại nhất định

Sự bí ẩn ấy thu hút chàng, ám ảnh chàng. Những thắc mắc, nghi ngại chàng cứ như là chôn vùi loay quanh đứa con gái mà không có nơi vào.

Trên khoảnh sân trước nhà cậu chàng có ngọn đèn đường trồng ở phía bên mặt, mỗi tối khi đèn bật sáng thắp lần qui tụ rất nhiều trên bức vách của ngôi nhà sát cạnh. Chúng tụ lại gần đèn để đớp bắt lũ phù du bay rối rít quanh đây. Máy người học trò lấy những sợi dây cao su nhỏ buộc vào que tăm bắn thắp lần. Mỗi con bị bắn trúng rơi xuống, cả bọn la vang.

Thỉnh thoảng tìm kiếm que tăm Nguyễn lượm lên một mảnh dăm củi. Mảnh dăm nhỏ bắn ra từ những thanh củi mà cha con người chết đã lửa ra trong ngày. Họ đi rồi, nhưng dấu vết cuộc sinh nhai thường nhật của họ vẫn lẫn quất gần bên cuộc sống của chàng.

Thỉnh thoảng, khuya khoắt, chàng ngồi dưới chân ngọn đèn, một mình ôn bài. Tay buồn rầu sờ rấm tìm kiếm trên mặt đất, xung quanh. Và Nguyễn lại bắt gặp một vài mảnh dăm nhỏ.

oOo

Làng của chàng ở tả ngạn sông Ba. Nhà chàng cách bờ sông chừng ba trăm thước.

Ngày Nguyễn còn nhỏ, mùa nước cạn, cả bọn trẻ trong xóm suốt ngày rủ nhau chơi lúc nhúc dưới lòng sông : vọc nước, vọc cát, chọn những hòn cuội đẹp do nước mài mòn, cất nhà, đập đập, hát xướng, và đánh nhau v.v... Có lần trong khi đào xới cát sông, chàng bắt gặp một đồng xu ; bọn trẻ xúm nhau bàn tán, ngờ rằng đó là đồng xu đã ném xuống để mua nước rửa mặt người chết. Chuyện có ghê rợn, nhưng gợi một tương quan thâm trầm lớn rộng giữa dòng sông với cuộc sống của dân làng.

Lớn lên, Nguyễn vẫn tìm thú vui trên sông ; nhưng cùng với hoạt động của dân làng, thú vui của chàng thành ra có tính cách vụ lợi. Chàng thường câu cá.

Dân làng ai nấy đều tìm cách bắt cá. Câu thụt mỗi ngày được chừng một *vợt* cá vụn, gồm những loại cá mương, cá lân cấn... (Những con cá lân cấn, mình tròn, màu đỏ, từ ngày xa làng chàng không gặp thấy ở đâu nữa). Mỗi năm bắt đầu từ tháng mười một, cứ năm ba nhà chung nhau dựng một *sân cá* : đóng rọc, đan liếp tre, chia nhau vây chặn một khúc sông. Cho nên tháng bảy tháng tám năm sau, nước lớn lên tràn sông, mọi người thu dọn sân cá.

Những trận mưa báo hiệu đầu mùa trận mưa bắt gặp chàng giữa đường từ nhà ông Thụ về, trận mưa chín mười giờ khuya bắt gặp chàng dưới chân ngọn đèn trước nên nhà cậu, đuổi chàng vội vã vào nhà — những trận mưa ấy nhắc đến sự sinh hoạt ở làng quê. Nguyễn nghĩ đến những buổi đứng dầm chân chờ cá hàng giờ, tê mề trong cảnh vắng vẻ hoang liêu, có cảm tưởng tiếng nước róc rách kin dao đèn đèn xung

quanh như chảy trong một giấc mơ dài đặc mênh mông. Nghĩ đến nét sống cần mẫn yên hàn, những đàn bà con gái ngày ngày dầm mình dưới sông nhúng cả quần, cả tay áo đến nách, và những cả vạt áo xuống nước, đề mò bắt ốc đá... Những con người quen với nếp sống như thế lâu ngày đều trở nên thâm lặng. Mỗi người cố thủ một chỗ suốt buổi, cách biệt nhau, không nói năng trò chuyện được gì với nhau, đàn ông chỉ khuây khỏa với điệu thuốc trên môi, như thể họ tập chịu đựng, đương đầu với cảnh vắng vẻ, cô độc. Và dần dà họ như là nhiệm độc vắng vẻ. Trên nét mặt, dáng người ở chỗ quê chàng. Nguyên thấy có cái gì quạnh hiu, âm thầm, lúc nào cũng âm thầm.

Nguyên nghĩ đến những buổi trưa chàng nằm trên một hòn đá sống trâu lòn, suốt người mát lạnh như tan thành nước, hai tay nhẩy đầy tiếng nước róc rách khiêm tốn và dai dẳng. Thỉnh thoảng trên cái bối âm đều đặn ấy rớt xuống năm ba tiếng chim kêu. Hai bên bờ sông thuốc trồng trên đất phù sa; có chỗ bờ sông sụt lở, dựng đứng lên như một vạt mây trải mình suốt buổi giữa trời không thêm trời, chàng nằm lơ mơ cho đến khi ngủ quên. Sự thức dậy, nghe léo nhéo một tiếng kêu lạc trong không gian mênh mông và mờ choàng mắt ra chàng thấy một người đàn bà đứng trên mỏm đất cao chỗ bờ sông sụt lở, một hình người nhỏ tí teo, trông như tả tơi ra, in lên nền trời sáng, một người múa may chơi với, bắt lửng, há miệng toát ra tiếng kêu bị không gian át đi, đánh lạc đi...

Hình ảnh ấy Nguyên đã trông thấy lúc nào? bao nhiêu lần? Một bà mẹ nào đó trong xóm chạy ra bờ sông tìm gọi đứa con chơi đùa dưới lòng sông; chuyện rất tầm thường rất quen thuộc, nhưng bỗng sáng lóa lên ở một vùng ký ức của chàng. Chàng như người đang ngủ chợt giật mình, bị ánh sáng ủa đập vào mắt và ngơ ngác trước cái hình người bé nhỏ chơi với bắt lửng trên mỏm cao, như bị dán lên nền trời sáng dán dính vào một đám trắng bất động...

Trong kỳ hè vừa qua, ngày ngày trên sông, chàng nghĩ đến đứa con gái Tàu, lần đầu tiên nghĩ đến nó với cảm xúc của một người con trai chớm trưởng thành.

Trong tiếng nước róc rách xô đầy triền miên từ giờ nọ sang giờ kia chàng miệt mài xây dựng trong tưởng tượng một hình ảnh kỳ bí. «Sao mà nó khó hiểu vậy. Nó làm như không nhìn thấy gì hết, không nghe thấy gì hết, không thém biết gì quanh mình hết. Đóng kín cả năm cửa giác quan! Mà nó chỉ có chừng ấy thôi. Chừng ấy tuổi đáng lẽ là cái tuổi hăm hở vồ vập. Thế mà nó... như một người tu hành. Mọi vùng vẫy huyên náo của ngoại giới ngừng lại hết trước cái giác quan đóng kín của nó. Giữa cuộc sinh hoạt, nó tự xóa đi, nó lu lút như một hạt sao cảm nhúc trong sương... Bão

nó vô tri, không có tình cảm ư? Đứa trẻ vô tư lự thường cười mở chữ có đầu thu hút cả tâm trí vào bên trong như thế. Làm sao biết được những gì nó vẫn nghiền ngẫm? Hàng ngày nó nghĩ ngợi gì? Mơ tưởng đến những ai? Làm sao lọt qua được sự chọn lọc khắt khe của nó? Lọt được vào đó, hẳn là như lọt vào một cảnh chùa: thanh tịnh, yên hàn, tất cả đều lặng đọng... Trong cõi giăng sơn thanh tịnh, kín đáo ấy...».

Ngất quăng những ý nghĩ lòng dòng như thế, có khi Nguyên giật mình sức tỉnh vì một tiếng trẻ con hét lớn, một tiếng cười phát lớn ở đâu đó, cách một bụi cây, một khóm lá, một khuỷu sông..., có khi chàng tỉnh người trông lên vừa gặp hoặc một người đàn bà mò ốc chột ngàng đầu nhìn ngơ ngác một lúc rồi lại cúi gằm xuống sát mặt nước, hoặc một con đa đa hoảng hốt từ trong bụi bay ra quỳnh quáng rồi lại đâm lúi vào bụi rậm...

Cũng có khi ngất quăng những ý nghĩ lòng dòng về đứa con gái Tàu, chàng trông lên và thấy hoặc mái tranh nhà mình cất lên nền trời một lần ranh giới lồi thoi, không ngay ngắn, hoặc bóng cây cau cây xoài ở trước sân...

Nguyên đã nghĩ đến đứa con gái ở ngoài sông, nghĩ đến nó trong những giờ trần trọc nằm ở nhà, vào những đêm vắng vẻ ở quê. Ba tháng hè ở quê, cuộc sống nghèo nàn dành cho chàng nhiều thì giờ rảnh. Và tình cảm của chàng đã lần hồi thành hình như thế, nung nấu trong sự nhàn rỗi.

«... Nó vô tư lự?... đâu có thể vô tư lự, một đứa con gái như vậy! Trái lại. Một hôm mình đùa với con Thu, con gái út của cậu: «Nghe nói chú Tẩu Sầu thuê người quạt lò trà công bằng bánh bò. Con Thu, mày chịu quạt không?» Cậu nói bay đi, người chệt không nghe thấy, đứa con gái Tàu cũng không nghe thấy, không để ý đến. Thế nhưng một giờ sau đó, khi cậu ra ngồi ở phòng ngoài, chưa kịp cầm tách trà lên thì người chệt đã bưng vào đặt trước mặt cậu một đĩa bánh, biếu cậu và mấy đứa nhỏ. Một hôm khác, mình mang sách ra hè, tới bên cạnh một cái ghế định ngồi xuống, nhưng thấy mặt ghế có nhiều tro bụi, tro từ lò bánh của người chệt bay ra, mình quay vào nhà, lấy ra cây chổi lông gà, nhưng trở ra đến nơi thì mặt ghế đã được lau sạch.

Đứa con gái ấy, nó như không tham dự gì vào những hoạt động xung quanh, không hay biết gì cả; thế nhưng nó vẫn theo dõi từng cử chỉ, từng cái nhìn của mình, từng lời nói đùa của mình. Của mình, chỉ của mình thôi sao?... Nó bất động, đóng ngủ quan lại, nhưng kỳ thực xung quanh nó như có bùa giăng một màn lưới thật mỏng, thật tinh nhạy để bảo vệ nó, để báo hiệu cho nó biết tất cả... »

Những đêm trăng, khó ngủ, nằm trên chiếc võng trước hiên nhà chàng mỗi lúc mỗi bạo dạn hơn trong ý nghĩ. Sao vàng lợt lạt nhấp nháy, trên trời cao... Nguyên lạc xa hút vào những tình cảm mông lung do mình tự tạo cho mình. «Đâu phải biết tất cả! Chỉ biết về mình thôi... em chỉ giảng tầm lười lười nhậy kia để biết về anh thôi, phải không? Em đâu có lơ tai để nghe tiếng còi xe ngoài đường, tiếng ghế ngã trong nhà, chỉ thấy bóng anh ra vào... Có phải thế không? Anh biết, em đâu là tu-sĩ, đâu có hững hờ, tắt ngòi lòng trần... Anh biết, mắt em mờ nhắm lại, tai em vờ bịt lại, nhưng kỳ thực các giác quan em bỏ ngỏ hết, lĩnh thức vô cùng, bên nhạy vô cùng... Nhưng tại sao em lại làm ra như thế? Sự áp bức gì, mối mặc cảm gì đã khiến em tự xoá đi, tự thu nhỏ lại tội nghiệp xẻ vơi em... Mà sao em lại không chia xẻ được vơi anh? Chúng ta đã cảm thông với nhau đến thế...»

Những lúc như thế, sao động dăng lên ừ trần, Nguyên tự cảm thấy đầy ảm áp, như rung rung muốn chảy, như một gọt nước rung rinh muốn rụng, như một cái gì hết sức mong manh dễ vỡ...

Một hôm chị Lê bắt gặp những câu thơ viết vội vã lằng nhằng, chị đang đọc một cách khó khăn thì chàng chụp xé đi. Bức thơ đó, bây giờ chàng cũng không nhớ hết, lầm nhảm mãi chỉ gọi lại được mấy câu:

Thức vơi trăng long lanh

Một đêm vàng áy náy

Lòng anh thao thức khổ thấu canh

Bao giờ anh có người em ấy...

«Khổ thấu canh»! Nguyên cười thầm: Đâu có! Thật là vì từ hại ý. Lo làm văn dữ quá, không nói được sự thực. Cảm xúc như vậy gọi là «khổ» sao? Không khổ, cũng không bảo là sướng được. Một cảm giác rung rung, không ai biết được là khổ hay sướng.

Và những cảm xúc không tên gọi như thế lại làm cho Nguyên thấy mình cách biệt mọi người.

oOo

Thật vậy, khoảng gần đây, từ ngày trải qua những cảm xúc rắc rối ấy, chàng tự thấy mình cô độc, không gần gũi được ai. Không có chút gì gần với cha mẹ, với cậu chàng với mấy đứa bạn... Cũng không thể gần với chị Lê. Chị Lê, lúc chàng giật xé bức thơ, chị ngược mắt lên nhìn, đột nhiên chàng cảm thấy trong vẻ tò mò chăm chỉ ngay thực của chị, trong cái cười của chị sau đó, một vẻ gì quá đỗi đơn giản thô sơ! Chàng cảm thấy chị không thể nào thấu hiểu câu chuyện của mình, và ngượng với các ý nghĩ đem chuyện mình nói với chị.

văn học

Đến một tuổi nào đó, tự dưng người con trai thành ra cô độc với cái tâm sự riêng của mình. Chỉ có mình chàng miệt mài với hình ảnh đứa con gái.

Một mình chàng với hình ảnh ấy. Tiếng nước róc rách triền miên giữa lòng sông cạn mùa nắng, những bông hoa vàng trắng muốt, những trái lòn đên lẩn trong bụi rậm với tiếng rừ rì thăm thẳm của những con ong bầu, tiếng con ó rần giữa trưa, tiếng đàn dơi lóc chóc đêm khuya tranh ăn trái bàng ở góc vườn, cơn gió nửa đêm xô lịch kịch cách cửa sổ bên giường chàng nằm, những vạt mây sáng ngừng lâu giữa trời những buổi trưa vắng vẻ, những con nhện nước trượt tới trượt lui trên mặt nước ven bờ, trận mưa đầu mùa ở thành phố v.v... Những cái đó thỉnh thoảng, chúng bất ngờ bắt gặp chàng đang miệt mài với hình ảnh ấy, và những cái ấy, tiếng cánh cửa lịch kịch đêm khuya, tiếng nước róc rách... chỉ có chúng là thân thiết với chàng. Thình lình gặp nhau, chúng đánh thức chàng, các giác quan của chàng chợt bừng tỉnh, thao, thức, xôn xao. Không thể biết được là khô hay ướt.

VÔ-PHIẾN
(trích Về đâu)

sóng ngầm

năm phút trước tôi còn được bao phủ bởi hơi ấm của mền nệm và của em. Bây giờ là gió lạnh và sương sớm. Trời vẫn còn tối đen. Năm phút trước gian phòng hẹp và thân thẽ em. Bây giờ hành lý trên tay bên xe đồ trước mặt cùng nổi bơ vơ.

Tôi đến đây với một cảm giác lưu đầy rõ rệt. Không gian bị thu hẹp một cách bất ngờ. Tôi đi giữa phố nhỏ-khu phố chính của tỉnh lý-chung quanh phần lớn là tiệm buôn của người trung hoa. Thăm thía vô cùng sự xa lạ lạc lõng. Bóng tối đồ dài bò sát trên mặt đường một cách thắm hại. Bị giăng co giữa quá khứ và hiện tại, tôi đi giữa tiếc nhớ quá khứ và ngập ngừng tương lai. Sự cần thiết còm áo đã đưa tôi đến đây và tôi đã chịu đựng một cách ngoan ngoãn thế sao? Tôi nghĩ đến người giáo thụ quốc oai và đôi câu đối. Trời nắng và nóng bức. Mệt mỏi và chán chường. Tôi vào quán kêu bia uống. Vẫn lẻ loi dù ở phương trời nào. Phải vượt một đoạn đường dài, qua những chiếc cầu hẹp có khi bị kẹt xe hàng giờ, qua bắc trên con sông nước đục với không khí nhộn nhịp của chiến tranh và tản cư, qua những khoảng đường xấu bị đào bị đắp mô bị giứt mìn. Phải chịu đựng trên dưới nửa ngày trời những dằn xóc tâm hồn và thẽ xác. Giam mình trên chỗ ngồi chật hẹp của chiếc xe đồ đến một nơi hoàn toàn xa lạ. Khoảng đường đang đi qua với những bất ngờ có thể xảy đến. Và đoạn đường đời sắp trải qua. Ôi những thời gian đã mất những kỷ niệm đã qua.

Bến xe đồ nào cũng buồn. Thời gian nào cũng buồn, từ mờ sáng hay giữa trưa. Mệt mỗi xuống xe. Những tiếng động bao vây. Những chiếc taxi, xích lô máy được thay thế bằng những chiếc xe lôi, một hình thức của xe kéo ngày xưa được văn minh hóa bằng cách thay thế những gong xe do người kéo bằng một xe đạp hay khá hơn một xe gắn máy. Dù văn minh sự dã man vẫn chưa giảm được bao nhiêu.

Ở đây, đại lộ là con đường hẹp trải đá

Thời dụng biểu: điềm tâm, cơm trưa, cơm tối, tắm rửa, đi cầu.

Nhịp điệu thường trực chậm buồn đó gây sự chóng mặt.

Muốn ngủ sớm, muốn dậy trễ, muốn thu ngắn thời gian.

Mặt trời đã lặn, mặt một người đã qua, nụ cười của em quá đủ. Nụ cười đón chờ vỗ về nỗi mệt mỏi mỗi chiều anh trở về. Nụ cười sau khung cửa sổ trên tầng lầu kia anh ngược nhìn và bước tới. Nụ cười phảng phất từ xa, hiện hiện khi lại gần. Một mặt trời đang mọc trong khi một mặt trời đang lặn

Thôi tôi tạm gọi con đường này là đại lộ và bãi cỏ kia là công viên dù không một chiếc ghế đá nào. Tôi đã tự vuốt ve mình bằng những ảo tưởng. Ít ra tôi còn có cái quyền đó.

Một con đường đá cắt ngang phố chính. Một ngõ cụt với giây thép gai và cỏ hoang. Một khúc quanh ngắn. Rồi một con đường trùng tên với con đường nơi tôi đã rời bỏ với rất nhiều kỷ niệm. Công trường chiến sĩ, trại lính, tòa án và những thân cây cao. Đó là khoảng đường đã làm mòn gót giày anh từ nhà đến nơi anh làm việc. Một khoảng đường ngắn phải vượt qua từng ngày, từng tháng, từng năm dài. Sự đi về chóng mặt. Tôi đứng nhìn ngày tháng trôi qua như nhìn giòng sông chảy xiết. Chợt muốn lao đầu xuống đó. Và cảnh vật đó, hỡi em, đã mài dũa tâm mắt anh

Sự cần thiết cơm áo đã đưa anh đến đây và anh đã chấp nhận, chịu đựng ngoan ngoãn?

Tôi nhớ đến từng người thân yêu. Sự hiện diện của các người là cần thiết. Tôi thêm khát và chờ đợi sự viếng thăm. Những lúc này mới biết mình cũng có thể khóc như một người con gái.

Đón chờ tập chí như bạn thân. Cho tôi những hình ảnh quen thuộc. Cho tôi những khuôn mặt? những quán nước, những con đường. Đọc cả những mục nhỏ. Những câu chuyện phiếm với người cô đơn. Đón chờ tập chí như đón người tình trên sân ga.

Dạo phố là một điều khôi hài. Đi phố có nghĩa là đi ăn một tô hủ tiếu, mua một bao diêm hoặc một tờ nhật báo. Sự lang thang vô nghĩa ở đây. Bờ sông, tiệm kem, rạp chiếu bóng, nhà sách, những phương tiện lấp đầy khoảng trống thời gian, phần nào làm lãng quên những ngày tháng mệt mỏi của kiếp người. Những niềm vui nhỏ nhất tâm thường đó là của một thời vàng son đã mất. Quá khứ bỗng trở thành có ý nghĩa. Hiện tại là khát vọng. Tôi ngồi đây co ro ôm tròn những hình ảnh xa vời. Sau hàng cây kia là nơi tuổi xuân tôi trôi nổi. Và phía chân trời kia là nơi tôi muốn trở về.

Không tìm kiếm một sự an nhàn. Con chim đại bàng muốn trở về đỉnh núi lạnh lẽo với đôi cánh lớn và sự cô đơn.

Giòng máu du mục không chấp nhận sự định cư. Nhưng rồi cũng có lúc chán chường muốn trở về khởi điểm. Làm sao tránh khỏi ít nhiều ràng buộc và những thói quen?

Và cảnh vật đó, hỡi em, đã mài dũa tâm mắt anh.

Từ đỉnh núi cao kia, con chim đại bàng kiểm soát những vùng trời bao la và dự định những chuyến đi lớn. Hỡi chim nhà người đã bao lần bay không mỏi cánh và đã bao lần trở về an nghỉ trong niềm kiêu hãnh lạnh lùng. Hỡi chim, ta muốn sống như trong cò tích, được ngồi giữa đôi cánh của nhà người cho dù sẽ bị bỏ rơi vào biển cả. Hỡi chim, nhà người có khinh bỉ và thương hại cho thân phận con người?

Tôi nghĩ tới thân phận một người biệt xứ, một người tù lỏng. Tôi nghĩ tới những vùng cấm địa. Tôi nghĩ tới không khí tôi thở, thời gian tôi xài phí, những con đường tôi phải đi qua và không gian giới hạn đó. Những bài thơ về chí làm trai của Nguyễn công trứ là một sự sỉ nhục mỉa mai. Tôi lại nghĩ đến người giáo thụ quốc oai và đôi câu đối. Vẫn nghe những nhạc điệu thuần túy dân tộc: tiếng phi cơ và đại bác. Nay em, anh muốn ca những bài ca khờ nhục của dân da đen.

Phía trước trường học là trại lính và ty cảnh sát. Phía trước trường học là giấy thép gai. Gần đó là xa trường. Đây các em, những tiếng súng là âm ảnh thường trực của thời đại của chúng ta. Có nghĩa gì không những câu thơ tôi giảng cho các em khi tiếng súng làm rung cửa lớp. Đây các em, chiến trường và học đường chỉ cách nhau nửa bước. Một ngày rất gần, sẽ đến lượt chúng ta, tôi và các em sẽ ở bên kia hàng rào giấy kẽm gai. Một ngày kia không còn giấy trắng và bút mực. Chỉ còn máu và sắt thép. Ôi những bãi cỏ xanh và tâm hồn các em

không còn nơi trú ẩn trong những hang hốc tâm hồn. Tất cả đều trống trải trong suốt, trơn trượt, trần trụi. Số phận của từng người đã được định đoạt. Một mối, buông xuôi, đầu hàng, chịu đựng. Hãy cúi đầu hoặc giơ tay không lên chống đỡ và nhận lấy những vết thương, nhận lấy sự tàn tật. Và nhận lấy cái chết.

Thôi đừng thương hại cười chỉ thân cá chấu chim lông.
Đó là đồng loại của mình.

Rất nhiều lỗi lầm và bây giờ là hối tiếc.

Ôi thân phận một người với những dằn vặt nội tâm. Đừng nên phê phán từ một vị trí khác. Sự ganh tị hiểm khích bi đỗi hơn chiến tranh. Số phận của từng người đã được định đoạt. Và ưu đãi thiên vị là một sự bất công. Căn định nghĩa lại thế nào là con người. Sự mạo danh là một điều khốn nạn. Lớp vỏ ngoài cùng những danh từ đã trở thành vô hiệu bấp bênh. Nhân danh tài nhục, hãy phản kháng.

Phân loại vạn vật học : loài nhai lại, loài bò sát, loài không có xương sống. Và con người?

Rùng mình trước lối sống tạm bợ của những thằng bạn. Ăn cơm tháng ngủ ghế bố, quần áo bừa bãi, những nụ cười nham nhở, bi đỗi, buông xuôi. Rồi ngày ngày, tháng tháng, năm năm bị chìm ngập trong lòng chảo, xoay tít quanh nếp sống tầm thường an phận mà tiền bạc một lo là mối lớn. Nhân danh tuổi trẻ, hãy phản kháng, nguyên rửa chính mình và tất cả.

Biết sĩ nhục tất được tha thứ. Hãy ngó mặt trời.

Những con đường mòn bao giờ cũng dễ đi. Tách rời một bước là ngăn ngại. Kiêu gọi mời mọc ưỡn cong. Thôi hãy nhận làm người độc hành vô định. Nghe tiếng ve kiêu và tiếng tictac của đồng hồ. Muốn hét lên, Cơn hoảng hốt kéo dài.

Ngày xưa trung thần nếu không chết cho một lý tưởng, ít ra cũng chết cho vị minh quân và như thế không hề ân hận.

Ngày xưa rất ít oan hồn.

Nghĩ đến những bài công dân giáo dục: địa vị con người trên trái đất, bốn phận và quyền lợi của người công dân. Nay các em, có gì để giảng, hãy học thuộc lòng để tôi cho điểm và sau đó hãy quên. Lời khuyên này hữu ích nên tìm đọc truyện kiếm hiệp, ăn và ngủ cho ngoan.

Con vẹt không bao giờ biết sự trơ tráo của nó. Dầu sao vẫn chưa đến nỗi đáng khinh.

Em nép mình trong vòng tay anh, nũng nịu như một trẻ con muốn khóc để đòi quà. Em vuốt ve khuôn mặt gầy của anh. Anh nghĩ đến ngày anh hấp hối. Anh nghĩ đến ngày anh chết. Chưa chắc đã có một bàn tay vuốt mắt cho anh.

Những ánh đèn đường khi còn tờ mờ chưa tối hẳn hay chưa sáng hẳn gây một nỗi nhớ nhung kỳ lạ, gợi những chuyển đi, hình ảnh bến xe đò, bát phở đêm tâm vôi vữa, ly cà phê uống dở dang và những điều thuộc tiếp nối. Sự lạnh lùng mang theo cùng nỗi hoang mang.

Chịu đựng thường xuyên những chu kỳ là một sự can đảm. Máy móc hóa con người, đồng hồ hóa đời sống. Con người hốt kéo dài trong tiếng ve kêu và tictac.

Từng đàn cò trắng đậu đầy trên những ngọn cây cao trong thành phố. Đó là dấu hiện của thanh bình tái lập hay chiến tranh kéo dài? Giữa sự xuất hiện bất thường của đàn cò và đàn quạ, có một điểm tương đồng nào chăng? Tại sao những người dân quê từ giữa làng mạc và những đàn cò rời bỏ cánh đồng xanh.

Đây là một phần đất của quê hương. Quê hương với nhiều khuôn mặt lạ. Họ vẫn là những người miền, người tàu dù họ có được mang danh hiệu người việt gốc miền hay gốc hoa. Tôi tự hỏi họ tha hương hay chính tôi tha hương?

Tôi trôi nổi bồng bềnh trên những tiếng động bên ngoài. Tâm mắt bị vướng bởi giấy điện, những nóc nhà lô nhô và những chòm cây cao phía xa. Căn nhà nhìn thẳng về phương tây, đón trọn vẹn ánh nắng buổi chiều và sự nóng bức. Những giấc ngủ trưa hăm hấp mồ hôi, nỗi mệt mỏi chập chờn luân phiên cùng những cơn mê sảng. Và như một ám ảnh bàng

hoàng ray rứt, tôi im lặng chứng kiến cơn hấp hối của mặt trời hừng hực đỏ sau chòm cây. Sự tàn tạ của một ngày rã rời tẻ liệt. Rồi bóng tối vây phủ lấy tôi trong tiếng muỗi vo ve. Trên thính không còn mơ hồ một chút ánh sáng.

Những cơn mưa lớn làm làm thức giấc giữa đêm khuya. Đôi mắt mở lớn nhìn nóc mùng trắng nhạt lò mờ. Tiếng mưa trên máng nước và nhịp tim trong lồng ngực. Gió lạnh qua khe cửa. Sấm chớp trong tâm hồn. Mặc anh với cơn bão tố. Em hãy ngủ ngoan. Ngủ ngoan và mơ thấy mưa dịu dàng mưa kỷ niệm.

Phiên chợ sớm với tiếng gà đầu tiên. Những quán tôn được kéo lê trên những bánh xe sắt nhỏ hằn học nghiêng mạnh mặt đường đá lồi lõm chồm. Âm thanh của chiến xa. Tiếng động của đời sống quá phũ phàng. Ôi các người đã lôi kéo tôi ra khỏi cơn mê mải dũa tàn nhẫn tâm hồn tôi. Tôi phải nằm đây thức đợi mặt trời?

Nhịp hai : ăn ngủ. Hành khúc đó tôi thường xuyên đọc tấu như một nhạc công chuyên nghiệp chán chường.

Em không là tất cả. Xin em đừng buồn, xin em đừng hỏi. Anh còn nhiều mối bận tâm. Hãy an ủi vỗ về anh, anh còn cảm động. Khuôn mặt em, nụ cười em, chiếc giường nệm trắng tinh và đôi bàn tay sẵn đón, ôi anh còn có thể ca tụng được nếu cần. Em đừng buồn, không bao giờ anh muốn thế, anh đã trót là anh. Vẫn còn những khoảng trống mà sự chăm sóc ngày thơ của em không bao giờ bù lấp được. Vòng tay anh trống rỗng khi em rời khỏi, và mỗi khi anh ngồi một mình, ôi những cơn sóng ngầm và lòng chảo. Thôi cứ để anh im lặng chịu đựng. Đừng hỏi khi anh thần thờ trong bữa, cơm, đừng hỏi khi anh nằm im chưa ngủ, mắt mở lớn nhìn vào khoảng tối đen. Anh đã trót là anh, hỏi em, xin em đừng buồn. Cứ an ủi vỗ về anh anh còn cảm động.

Vẫn cô đơn dù ở phương trời nào. Này em, anh muốn ca bài ca khổ nhục của dân da đen.

LÊ VINH THỌ

le jour est une insulte

Le jour est une insulte et l'azur n'est que cendre,
Le rire d'un enfant blesse comme un sanglot ;
Sur ce monde voué sans trêve au même lot
Voir l'ombre enfin descendre !

Ailleurs cette clarté, ailleurs tout ce vain bruit
Et ces mots ne servant qu'à créer la souffrance !
O mon coeur frissonnent, couvre-toi de silence
De silence et de nuit !

PAUL SCHNEIDER
" A Deux Voix "

chân trời mới

Anh đưa em vào tương lai màu xanh
Đôi chim vành khuyên gọi bình minh hồng
Ngọn cỏ qua đêm sương còn lóng lánh
Kìa trên nụ hoa dập dềnh bướm ong

Sau lưng em mười tám năm trẻ thơ
Em nhận ra em vòng-tay-anh-bây-giờ
Đoạn đường đời ta cùng nhau sánh bước
Chao ơi ngày mai tràn đầy ước mơ

Dịu mềm lụa tơ sổng tóc chảy dài
Trở về một lần xác nhận Ngày-Hai
Trên má em hồng thẹn thùng cúi mặt
Khung trời này anh nghĩ rằng Thiên-Thai

Những đứa con rồi dần dần ra đời
Nụ cười trẻ thơ ngày đầy-tuổi-tôi
Thời tráng mát như triển miên bất tận
Minh mở lòng tay đón trái chín đang rơi

PHÙNG KIM CHU

MỘT THIỆN DÃ SỬ

DOÁN QUỐC-SỸ

Hội nghị các sử gia quyết định ghi sự nghiệp của học giả Thái Hiền Hoa, vị cứu tinh của dân tộc họ, bằng một thiên dã sử. Dã sử đây không phải là những truyền kỳ hoang đường mà là một thứ chính sử chủ tâm ghi chép hết mọi vẻ đẹp dưới muôn ngàn khía cạnh khác nhau trong công cuộc phục hưng đất nước dưới sự lãnh đạo của vị học giả lỗi lạc uyên thâm đó.

1 Ánh sáng đã về với dân tộc.
Người ta chỉ có thể giữ nguyên được nhân cách mình bằng cách trọng nhân cách kẻ khác

Đúng lúc đất nước nhường như bị xoáy xuống đáy vực của tuyệt vọng thì dân tộc được tin hồi sinh : học giả Thái Hiền Hoa về nước ! Hàng vạn đồng bào thủ đờ đã nghe theo lời hiệu triệu ở mấy phát thanh kịp ra đón học giả tại nhà ga chính, một số nhân sĩ lão thành được cử làm đại diện tiếp đón. Một vị đại diện ngỏ lời yêu cầu học giả đến trước máy phóng thanh tuyên bố đôi lời để thỏa lòng ngưỡng vọng bấy lâu của cả dân tộc. Học giả đượm vẻ buồn rầu, thoát khước từ nhưng

sau thấy không đành lòng trước những lời cầu khẩn thiết tha bèn đến trước máy phóng thanh.

Học giả nói :

— Người xưa nói : «Hễ mở miệng ra là thần khí tán, uốn đầu lưỡi là thị phi sinh. Lẽ ra đồng bào miễn cho tôi lời nói mới phải ! Các đồng bào đều biết có đi mới tới, có làm mới hưởng. Dịp này tôi về nước để cùng làm với đồng bào, cũng tiến bước với đồng bào. Chúng ta cần tự giải phóng khỏi mọi nghi kỵ, có như vậy mới tận dụng được mọi khả năng của mình».

Thế là ánh sáng đã về với dân tộc ! Bộ mặt Hồng Sa đổi mới từ giờ phút đó. Dân tộc Hồng Sa cự mình lớn mạnh từ giờ phút đó. Một chính sách thắm ngát tình người, huy hoàng như vùng hồng báo rạng đông khởi đầu từ đó. Và cũng kể từ phút học giả chấp chính đến lúc người lâm nạn không một phút nào bánh xe lịch sử Hồng-Sa ngừng tiến bước trên con đường hoàn thiện.

Trước khi học giả lên xe về dinh, một cụ già đồng hương tiến tới nắm lấy tay người khóc nức nở. Học giả cũng nắm lấy tay cụ toàn thân run run trong niềm thông cảm. Giây lâu cụ già đồng hương cất lời :

— Thừa hiền giả, đất nước chúng ta tồn tại được nhờ ở người dân, vinh quang được nhờ ở người lãnh đạo !

Hiền giả cũng nắm lấy hai cò tay của cụ già đồng hương mà rằng :

— «Lịch sử của một kiếp người, của một dòng họ chỉ là một khoảng thời gian vô nghĩa so với lịch sử của cả dân tộc. Chúng ta luôn luôn ý thức được khả năng mình, trách nhiệm mình, luôn luôn thêm khát chân lý, lửa thiêng của chuân chuyên, gian khổ vẫn thường nung luyện nên những kim cương tâm hồn».

Ngày buổi chiều hôm ấy, trước đông đủ các đại diện báo chí trong và ngoài nước học giả tuyên bố ngắn gọn như sau :

« Trong giai đoạn tạm thời được nắm chính quyền tôi chỉ xin công bố một ý nghĩ hằng ấp ủ là : Người ta chỉ có thể giữ nguyên nhân cách của mình bằng cách tôn trọng nhân cách của kẻ khác. »

Cùng một lúc các đại diện báo chí giải tán, người ta cũng không còn thấy học giả Thái Hiền Hoa trong dinh của người. Học giả đi đâu mà vội vã thế ? — Người đi thăm thi sĩ An-Ba-Tư !

Nhưng ngay lúc đó nào ai đã biết.

2 Một cuộc hội kiến lịch sử.

Khi còn ở hải ngoại học giả đã hay nhiều tin về tiết tháo của An-Ba-Tur, đệ nhất Hồng Sa thi sĩ, con chim họa mi của dân tộc. Học giả thích thú nhất câu chuyện sau này của thi sĩ :

Ngày đó — cách đây không bao lâu — người đại diện chính quyền Hồng Sa viết thư mời thi sĩ tới đàm luận. Thi sĩ viết thư trả lời : « Xin đa tạ nhã ý, nhưng vì một lẽ riêng tôi không thể đến đàm luận cùng ông được ».

Người đại diện chính quyền đích thân tới túp lều ngoại ô của thi sĩ.

Người đại diện.—Thưa vì ông không tới nên tôi phải đích thân tới.

Thi sĩ An-Ba-Tur. — Xin cảm ơn ông đã đích thân tới, nhưng chúng ta vẫn chẳng nên gặp nhau.

Người đại diện.—Ông vẫn nổi tiếng là người có tư tưởng xây dựng.

Thi sĩ An Ba Tur. — Chính vì thế mà tôi nói chúng ta chẳng nên gặp nhau.

Người đại diện. — Vì sao vậy ?

Thi sĩ An-Ba-Tur- Vì nếu chúng ta cùng đàm luận thiên hạ sẽ dị nghị : « Chính quyền mua chuộc nhà thơ và nhà thơ đã bị mua chuộc. Như vậy chẳng có lợi gì cho cả đôi bên.

Người đại diện.— Họ dị nghị là một chuyện, sự thực ông vẫn giữ d. nh tiết có sao đâu ?

Thi sĩ An-Ba Tur. — Có những lúc dù chỉ là lời dị nghị chúng ta vẫn nên tránh.

Đã hiểu ý chí cương quyết của nhà thơ, người đại diện cúi đầu chào, hòa nhã ra về.

Vì vậy người bước chân về cố quốc, học giả lật đật sửa soạn tìm gặp thi sĩ ngay. Người đi nửa đường thì gặp thi sĩ cũng đương định tới gặp người. Những tâm hồn chân thành, giản dị gặp nhau chẳng cần một chút nghi lễ khách sáo. Hình như họ đã gặp nhau nhiều từ những kiếp người an tọa đối diện.

Thi sĩ cúi đầu cảm tạ rồi nói :

— Nếu quan niệm hiện tại là cái quả của cái nhân mà chính ta đã gieo thì ở mọi hoàn cảnh đau đớn chúng ta chỉ nên tự trách mình mà tự xua bằng hành động. Tiên sinh hẳn đã thừa hiểu vậy, duy có điều húng ta cần tự hỏi : lấy gì làm kim chỉ nam cho hành động bây giờ ?

Học giả trả lời ngay :

— Quân binh trong tổng hợp !

Thi sĩ mỉm cười sung sướng :

— Thật vậy, quân binh ! Không nhìn một chiều ! Không xét đoán phiến diện ! Đối phương của chúng ta họ chỉ nhìn thấy phần phá hoại của mâu thuẫn mà không biết còn phần xây dựng nữa. Còn gì ghê sợ bằng sự chết, nhưng sự chết phải đến với thế hệ già thì sự sống mới phong phú ở thế hệ hậu lai. Sự sống tái sinh không ngừng mà sự chết là trung gian. Chúng ta luôn luôn giơ hai tay tiếp nhận mọi dữ kiện của thực tại để sáng tạo nên một hòa điệu mới với thái độ đạo đức, trong sạch, chân thành.

Học giả nói lời :

— Ngày nay phía nhân loại tự do đã có được cái nhìn toàn diện để ý thức rằng giúp người là giúp mình, dù sao bàn tay cho bao giờ cũng ở trên bàn tay nhận ; nếu chúng ta đòi tham dự sản xuất thì đòi bàn tay trao và nhận sẽ là đôi bàn tay giao duyên. Chỉ khi nào đã tham dự, đã đóng góp thực sự vào bước tiến kỹ thuật của nhân loại, chúng ta mới thực sự giải hết tự ty mặc cảm cho mình và tự tôn mặc cảm cho người. Người Hồng Sa quyết chứng minh với thế giới : Đạo đức Trong sạch, Chân thành là giấy thông cảm kết hợp keo sơn Đông - Tây để phong phú hóa văn minh nhân loại. Người Hồng Sa phải là tên linh tiên phong trong việc này, đó cũng là cách cống hiến, cách đóng góp, với nhân loại trên con đường dài tiến tới Chân-Thiện-Mỹ.

Câu chuyện trao đổi xoay quanh những tư tưởng trên giữa học giả Thái Hiền Hoa và thi An-Ba-Tur kéo dài chừng một tiếng đồng hồ. Trước khi cáo biệt học giả nói :

— Muốn cảnh địch vĩnh viễn phải phát triển ngay khu rừng văn hóa của ta. Quân địch không thể dẫm lên khu rừng này mà chiếm được đất. Quân địch lại không thể san phẳng khu rừng vì nó bắt rễ tự trong tim óc của con người, chặt đi, lập tức với cảnh máu đào xương trắng nó lại mọc lên xanh tốt hơn bao giờ hết. Nhiệm vụ to tát đó xin nhường thi sĩ. Tôi sẽ trở lại đây để lĩnh ý của người, giờ đây hãy xin tạm biệt.

Không một giọt máu chảy ngoài huyết quản.

3

Ở đây cái gì cũng cấp cứu.

Dân tộc đã đi chậm hàng thế kỷ rồi.

Một ủy ban giám sát tối cao bộ não của chính quyền được thành lập gồm những cụ già trăm tuổi, những người trẻ nhiệt thành. Họ từng nức tiếng là những bậc quân tử như những cây tre đốt cứng không chịu khuất phục dưới bão tố thời đại, như những bông sen thơm ngát giữa bùn lợ thời đại.

Lời học giả Thái Hiền Hoa :

— Máu bần thì người ghê lở, ủy ban này là thuốc lọc máu đề tai thính mắt tinh ngũ quan luôn luôn thức tỉnh ! Tắm gương đề vậ dù trong đến mấy cũng mờ vì bụi trần, ủy ban này là kẻ lau gương !

Tối cao là Bộ, xuống thấp là Phòng, mỗi cấp bậc hành chính đều có bảng danh sách gồm chừng ba hoặc bốn danh sĩ phụ khuyết. Người cầm đầu nào có tai tiếng sa ngã, lập tức người kế tiếp lên thay ; người cầm đầu cấp cao được mời tới Ủy ban giám sát tối cao, người cầm đầu cấp dưới được mời tới ủy ban giám sát cấp tương đương ; các vị đó đến đề tự giải thích về lời dị nghị. Nếu xét thấy đó chỉ là sự lầm lỗi của dư luận, người cầm đầu lại trở về nhiệm sở cũ. Sự kiểm soát chặt chẽ và thân ái đó đã tránh được biết bao sa ngã. Ủy ban giám sát tối cao có tuyên bố vào ngày ra mắt :

— « Một chén nước chẳng thể cứu nổi đám cháy lớn !
Sự liêm khiết phải là một nếp sống, một phong trào rộng lớn
lôi cuốn toàn thể thì dân tộc mới sống hùng, sống mạnh mà
tiến nhanh.

Các ngành chuyên môn kế tiếp nhau họp để cùng hoạch định chương trình tiến đều trong sự nghiệp kiến quốc. Mọi người tận tâm nức lòng làm việc vì ai nấy biết rõ lần này làm việc để tiếp máu cho Mẹ, đề gìn giữ tuổi trời của Mẹ.

Khắp thành thị đến thôn quê nơi đâu cũng thấy ghi ba khẩu hiệu.

— Không một giọt máu chảy ngoài huyết quản !

— Ở đây cái gì cũng cấp cứu !

— Dân tộc ta đã đi chậm hàng thế kỷ rồi !

Học giả nói với những người thân cận :

— Đường lối Hồng Sa phải như vậy người dân Hồng mới góp được phần mình trong việc kiến tạo một thế giới mới nhân ái thái sự, bình đẳng thật sự.

— Không một giọt máu chảy ngoài huyết quản !

— Ở đây cái gì cũng cấp cứu !

— Dân tộc ta đã đi chậm hàng thế kỷ rồi !

Ban đêm những khau hiệu trên tháp bằng đèn sáng rực và nhấp nháy. Ánh đèn có thức trắng đêm đề nhắc nhở hoài, nhắc nhở mãi, nồng ấm, đôi khi lóe lên một tia sáng như một niềm tin có thể lay chuyển núi sông.

4 Tình mẫu tử.

Người dân Hồng Sa trước đây vẫn từng kêu lên thiết tha với thi sĩ An-ba-Tur :

« — Hỡi người hiền triết nhất, công bằng nhất, đức hạnh nhất người hãy giữ mình trong thời ngậm máu phun độc ! Hỡi người hiền của nhân loại, hãy giữ mình ! »

Nhưng thi sĩ nói với họ :

— «Đạo đức chẳng phải là chỉ nâng cao tâm hồn mình mà còn cúi xuống kê vai giúp kẻ sa ngã nâng cao tâm hồn họ.

Lời thơ có hào quang của thi sĩ kể lại những chuyện xa xưa hoặc những chuyện của thời đại : tình cha con, tình mẹ con, tình anh em, tình trai gái, tình đồng loại... Có khi kết cục vui, có khi kết cục buồn. Nhân vật ở miền tự do có, nhân vật ở miền duy vật có, tình cảm thi sĩ biểu lộ hồn nhiên như con cá bơi từ vùng này sang vùng nọ do một phản ứng linh tính trong sạch, hợp lý. Đi vào thế giới của thi sĩ, mọi người thấy thanh thoi, nhẹ nhàng, sung sướng như đi vào một bức thành trong suốt có thần lực gạt lọc mọi nhơ bẩn của đời, tưởng chừng kẻ cả loài sài cừ quen ăn thầy người, khi bước chân vào đây, phần lương tri cũng được thời cho bừng sáng rực rỡ để biến thành những con cừ thiên thần, lông rử trắng muốt, bước đi lanh lẹ mà hiền. Thế giới ngôn ngữ của thi sĩ là cả một lời thách thức với cái vô thường của Tham vọng ở mọi hình thức...

Đừng tưởng vươn lên cõi cao khiết như thế thi sĩ không đau khổ. Tâm hồn người đã bị nhàu nát nhiều : Nỗi đau khổ của cuộc đời bản bách bản thân, nỗi đau khổ của cuộc đời của kẻ đã từng bị lợi dụng trao kho tình cảm cao quý cho những bàn tay yêu tinh, nỗi đau khổ của kẻ đã từng chứng kiến những phản bội lịch sử... Quý giá bao nhiêu khi chúng ta biết rằng những lời thơ có hào quang bất tuyệt của người chính là con đẻ của những sầu khổ, những uất hận, những căm hờn kia, chúng từng vô xé tâm can thi sĩ, làm nhàu nát tâm hồn thi sĩ ; sự vô xé, sự nhàu nát đó thể hiện trên khuôn mặt vô vàng của người.

Rồi học giả Thái Hiền Hoa về nước... Rồi hai người gặp nhau. Vừa đúng lúc mọi người dân Hồng miền tự do xôn xao vì hay tin tại khu vực duy vật trên ba đảo miền Bắc họ đã thành công trong việc huấn luyện một đám người tôn Đảng làm Mẹ, và dưới ánh sáng lý thuyết duy vật đám người đó dám hy sinh Mẹ để tỏ lòng tuyệt đối suy tôn Đảng và lấy thế làm vinh hạnh. Vì vậy ngay sau buổi hội kiến lịch sử đối với học giả Thái Hiền Hòa, thi sĩ ngược đường lên miền ranh giới. Nơi đây thấy triều triều đầy ngược các đồng sông để tiến sâu vào nộ

địa của cả hai miền. Phe duy vật thường lợi dụng con nước này để thả thuyền tải liệu tuyên truyền sang đất tự do. Lần này thi sĩ cũng chủ tâm dùng phương sách đó đối phó lại. Người làm một bài trường thi kể lại một câu chuyện cổ tích Hồng Sa, cho in thành hàng vạn bản xếp đầy trên nhiều thuyền nhẹ cho theo con nước trôi sang bên kia vĩ tuyến.

Nhìn những thuyền thơ của mình bập bênh theo dòng nước thi sĩ nhắc lại một lời kinh thánh :

« — Với lũ người duy vật đó chúng ta phải nham hiểm như rắn độc nhưng vẫn dịu hiền như chim bồ câu ».

Sau này nhiều nước đã dịch bài thơ Hồng Sa đó ;

TÌNH MẪU TỬ

xưa có một cậu bé Hồng Sa,
Bị yêu tinh đem vào núi tự thúở mười ba.
Lúc trưởng thành nó sai về quê giết mẹ,
Anh vui lòng tuân theo, chẳng hiểu vì sao lại thế.

oOo

Nhưng đêm hôm đó, anh vừa chợp ngủ,
Anh chợt mơ thấy mình trở về quê cũ.
Anh đã gặp người mẹ hiền,
Anh sống lại những ngày xa xưa như trong chuyện thần tiên.
Và buổi chiều, anh đứng đầu nhà chờ mẹ,
Anh chờ mãi, đến lúc đêm tàn trăng xế ...
Mẹ vẫn không về.
Anh ngồi im kia như pho tượng đá,
Nhìn về phía mẹ ra đi mà cắn khớpn tắc dạ.
Quanh anh lá rụng nước trôi,
Và trên trời có những ánh sao rơi.
Chợt,

lòng anh tê tái

Vì có chiếc xe tang từ xa đi lại.
Chiếc xe dừng trước cửa dưới trăng,
Rồi tiếng gõ cửa ...
Trời !

mẹ hiền ngộ nạn rồi chăng ?
Lòng anh quặn đau, hồn anh giá lạnh.
Vì anh đoán mẹ anh đã qua đời.

ôi, số mệnh !

Anh gục mặt vào lòng bàn tay nước nở,
Thương mẹ hiền từ nay không còn thấy nữa.
Nhưng,

kỳ lạ thay,

khi anh ngừng đầu lên

Mẹ anh đã tươi cười đứng ở ngay bên.
Người cầm một trái thơm nhìn anh mắt hiền vời vời.
Rồi trao cho anh y như hồi xưa, hồi anh còn nhỏ dại,
Và chiếc xe tang đã hóa thành xe nhỏ,
Chiếc xe chở hàng của mẹ già sớm hôm cầu chợ.

oOo

Sực tình —

Nghẹn ngào —

Lòng anh nung nấu.

Giấc mơ xúc động đã đưa anh trở về thời thơ ấu,
Đã nhắc lại ơn sâu nghĩa nặng
Của mẫu tử tình thâm như biển trời cao rộng.
Hai dòng lệ lăn đều trên gò má héo hon
Của một người vừa sức nhớ tới bồn phận làm con.

oOo

Ngày hôm sau,
Yêu tình đến khi mặt trời vừa hé,
Nó muốn đưa anh về quê để thi hành độc kế.
Anh đã khỏi u mê ! Anh đâu còn ngơ ngẩn ?
Anh cương quyết khước từ. Mặc cho yêu tình nổi giận.
Yêu tình đòi chặt tay anh.
Anh bằng lòng.

— Đường gươm vung mạnh !

Yêu tình đòi chặt chân anh.

Anh bằng lòng.

— Nhất kiếm đưa nhanh !

Than ôi, trông anh khi đó vuông như khúc gỗ,
Nhưng là khúc gỗ có hồn không bị loài ma cám dỗ.
Sau hết yêu tình tiến lại bảo anh :

— «Cố hai hình phạt cuối cùng, ngươi phải chọn
nhanh,

«Hoặc ta sẽ moi óc ngươi vớt ra ngoài núi,

«Hoặc ta sẽ chặt đầu ngươi quăng vào trong bụi.

«Ngươi chọn cách nào ?

«Ta sẽ dùng dao

«Làm theo ý muốn

«Hết giống thanh cao !»

Anh trả lời chững chạc :

«Ngươi hãy chặt đầu ta !»

Vì anh nghĩ :

Dẫu mình có thác

Vẫn cần giữ bộ óc trong đầu

Đề khi xuống suối vàng ...

Anh còn nhận ra mẹ mà ghi nhớ ơn sâu.

DOÁN QUỐC SỸ

MÙA XUÂN TRÊN ĐỒI

L O I T A M



I.—Thiệu cúi đầu thuốc lên thành cửa, quay mặt vào phía trong hơi thở của Phụng phả nhẹ trên má chàng. Trong bóng tối, khuôn mặt người con gái trở nên thanh thoát. Thiệu đặt bàn tay lên vai nàng. Bờ vai trẻ thơ tròn và mềm. Đôi mắt Phụng khép kín dưới hàng mi. Nàng run người như một con mèo nhỏ dưới những ve vuốt của người yêu. Từng rung động lan trên da thịt nàng như cơn gió nhẹ lướt trên lớp cỏ mượt.

— Em còn thấy lạnh xương sống không ? Thiệu hỏi.

Phụng úp mặt xuống gối :

— Dạ còn.

Lần đầu tiên khi Thiệu vô tình chạm bàn tay lên đùi Phụng — lúc ấy Phụng đang chích thuốc cho chàng. Thiệu cảm thấy mũi kim chợt xoay một vòng, đau nhói trong mạch máu. Bao giờ cũng vậy, sự gần gũi xác thịt khiến Phụng e sợ. Nàng gọi đó là cảm giác « lạnh xương sống ». Thiệu cho rằng cảm giác này đã giúp Phụng có được một thái độ e dè vừa xa cách, vừa quyến rũ.

Buổi chiều đã xuống hẳn. Ánh sáng trong phòng không đủ rọi sáng mặt đồng hồ. Từ căn nhà hàng xóm đã có tiếng trẻ con ríu rít

quanh bàn ăn. Thiệu nghĩ đến bữa cơm chiều và vị ngọt của ly rượu trái dâu. Bỗng nhiên chàng thấy thêm một cơn mưa : Sự thay đổi thời tiết thường gây cho chàng những phản ứng bất lợi về cơ thể nhưng lại tạo được cảm giác bình an. Những đêm chợt thức giấc, nghe tiếng mưa rào đổ bên ngoài, Thiệu cảm thấy một thay đổi lạ lùng. Nhịp sống như mới bắt đầu, tách biệt hẳn với thời gian đã qua.

— Anh nghĩ gì vậy ?

Phượng hỏi. Mấy ngón tay nàng đùa nhẹ nhàng trên lớp vỏ nhựa của chiếc máy thu thanh. Có tiếng xe vút qua rồi xa hẳn. Thiệu để bàn tay mình chạy xuôi theo chiều nghiêng của cánh tay người con gái.

— Anh đang nghĩ cách giữ Phượng ở lại đây đêm nay.

— Bậy. Phượng đáp. Anh còn phải đi ăn cơm nữa chứ.

Thiệu kéo Phượng xoay về phía mình. Nàng thu người lại nhưng vẫn nương theo đà tay của Thiệu. Mái tóc che lấp khuôn mặt nàng. Thiệu mỉm cười, ghé vào vai Phượng nói khẽ :

— Anh không đói.



II.—Tiếng còi xe làm Thiệu ngẩng lên. Chiếc Dodge lao nhanh vào cổng. Mặt kính chắn gió sáng chói ánh nắng. Quang nhảy hai bước lên bậc thềm.

Thiệu quay vào phía trong gọi người giúp việc :

— Tâm chú, mang thêm ly ra đây.

Bàn tay Quang sẫm sấp ướt. Khí nóng buổi trưa như ào vào căn phòng theo Quang. Thiệu với tay khép cửa sổ.

—Tôi có lệnh thuyền chèo—Quang vừa nói vừa lấy tay trái quạt mồ hôi trán. Bàn giao xong rồi. Từ giờ cho đến mai sẽ ở đây tâm sự với anh.

Thiệu hơi bàng hoàng. Quay về gần chàng mới được vài tháng. Trong những giờ rảnh hai người vẫn thường gặp nhau. Ở vùng này, bạn bè trở nên một nhu cầu thiết yếu. Sự giao tiếp mau đi đến chỗ thân tình.

— Tên nào đến thay anh đây ? Thiệu hỏi :

— Một thứ «blanc bec». Tuy nhiên tính tình có vẻ dễ thương. Nếu cần chiều nay anh và tôi cùng sang bên ấy. Tôi cũng có mấy việc cần dặn dò hẳn.

Người giúp việc đặt thêm chiếc ly trước mặt Quang màu la-ve vàng óng. Những giọt nước đông lại vì gặp lạnh, chạy ngoằn ngoèo theo thành

ly. Xa xa, có tiếng trọng pháo ròi rạc. Dãy núi im sững trước mặt gây cảm giác bị dồn ép. Thiệu nghĩ đến một câu trong bức thư chàng gửi cho Uyên : «Buổi trưa quận ly, trời nóng và chật.»



III.— Thiệu bước vào căn lều dành cho sĩ quan chỉ huy. Vẫn là căn lều Quang ở trước đây nhưng mọi vật bên trong đã được sắp xếp ngăn nắp. Một lớp vải trắng phủ lên trên chiếc giường gỗ. Người sĩ quan đối diện chàng có cái nhìn xa vắng và khuôn mặt thanh tú.

— Anh Quang có nói về ông. Tôi định sang bên ấy nhưng vì mới đến, còn phải thu xếp mọi việc nên chưa đi được.

Thiệu mỉm cười. Bên ngoài, binh sĩ đang sửa soạn cơm chiều. Hiệp gọi người phụ tá ra lệnh chuẩn bị cuộc tuần tiễu buổi tối, Thiệu lơ đãng nhìn quanh phòng. Trên chiếc thùng đạn dùng làm bàn viết có đặt chiếc ảnh bán thân của một người con gái. Khuôn mặt thiếu nữ mang những nét quen thuộc nhưng không đủ gọi cho Thiệu một hình ảnh rõ ràng. Hiệp bảo mang bản đồ ra và thảo luận với Thiệu về tình hình trong vùng. Câu chuyện làm Thiệu quên hẳn sự nghi ngờ gây ra do bức ảnh :

Nửa giờ sau, lúc tiễn Thiệu ra xe, Hiệp đột ngột nói nhanh :

— Cách đây một tuần, tôi có gặp chị Uyên.

Thiệu vụt quay lại. Những ý tưởng lơ mơ trở nên rõ ràng. Uyên có nói với chàng về một người em gái đang sống ở cao nguyên. Câu chuyện không làm Thiệu chú ý nên chàng quên đi.

— Thế ra anh quen với Uyên.

— Vâng, tôi là bạn của Phượng. — Hiệp đáp giọng hơi ngập ngừng.

Thiệu siết tay Hiệp, cười :

— Hôm nào chúng mình sẽ thảo luận về việc này.

Chàng cho nổ máy. Chiếc xe khê rung lên lúc vượt qua khoảng đất lồi lõm. Trên nóc lều truyền tin, mấy cần antenne khẳng khiu vươn lên như những cánh tay chờ vờ.



IV.— Khu biệt thự đứng trơ vơ trên đồi. Cỏ may mọc đầy hai bên lối đi. Trên những khóm hoa rải rác, một vài bông hoa yếu đuối lay động trong ánh nắng.

Thiệu xuống xe ở đầu đường và đi dọc theo sườn đồi. Trời cuối đông nhưng tạnh ráo. Nền trời xanh và cao. Khung cảnh gây cảm giác êm ả lạ thường.

Thiệu ngừng lại ở bậc thềm. Mặt đá lát đã có nhiều chỗ rạn nứt. Cỏ mọc len vào tận bậc cấp. Cửa mở rộng và Phượng hiện ra trong vùng ánh sáng mờ nhạt. — Mái tóc nàng uốn cao nhưng khuôn mặt vẫn mang nét trẻ thơ. Một chiếc ruban màu vàng nhạt ôm lấy mái tóc

— Mời ông vào.

Nàng đi trước. Bước chân nhẹ lướt trên mặt thảm trải nền. Gian tiền sảnh vắng lặng. Chiếc giá mũ đứng lẻ loi trong một góc.

— Trước khi sang Pháp, chị Uyên có ghé về đây mấy hôm. Chị ấy có nhắc đến anh. Phượng nói, giọng trong và rõ.

Hai người đã vào đến phòng khách. Phượng loay hoay pha trà. Thiệu nhìn lên tường. Một bức tranh lớn treo ở mé trái. Có lẽ là một họa phẩm sao lại của Vinci,

— Kia, mời ông ngồi đi chứ. Phượng ngược lên. Chiếc bình nhỏ còn giữ trên tay nàng. Những ngón tay không đánh móng khiến Thiệu nghĩ đến những cánh trắng của một loài hoa hiếm.

— Tôi có nghe Uyên nói nhiều về căn nhà này nhưng lúc đến vẫn thấy ngỡ ngàng. Tất cả mang một vẻ huyền hoặc kỳ lạ.

— Tất cả ? Phượng tỉnh nghịch lặp lại. Kể cả tôi nữa sao ?

— Vâng, kể cả cô. Thiệu đáp.

— Tôi đã thấy ông từ lúc ông ngừng xe ở đầu đường. Tại sao ông phải đỗ xe xa thế ?

— Tôi không muốn làm xao động sự yên tĩnh ở đây. Trở về từ một nơi có tiếng súng nổ suốt ngày, sự yên tĩnh thường dễ khiến người ta e sợ. Vả lại.—Thiệu mỉm cười. — Uyên có dặn tôi phải cẩn thận vì cô khó tính lắm.

Phượng nhẹ lắc đầu. Thiệu nhìn thấy ánh reo vui trong mắt nàng. Chàng chợt nhớ đã bỏ quên gói thuốc lá trong xe.

— Trước hôm về nghỉ, tôi có ghé thăm Hiệp. — Hiệp nhận lời hỏi thăm cô.

Phượng lơ đãng hỏi lại :

— Thế à ?

Thái độ của nàng khiến Thiệu ngạc nhiên. Phượng tiếp :

— Tôi chưa thấy người đàn ông nào hiền bĩ như Hiệp. Chúng tôi chỉ quen nhau hồi còn học ở Saigon. Bẵng đi mấy năm không gặp. Lúc gặp lại, Hiệp vẫn chẳng thay đổi gì.

— Hiệp còn giữ một chiếc ảnh của cô.

— Tôi biết. Của chị Uyên cho anh ta đấy. — Phượng lại khẽ lắc đầu. — Nhiều lúc tôi đến bực mình vì chị ấy.

Câu chuyện xoay quanh những kỷ niệm, những thói quen của Uyên. Giọng Phượng dịu dàng khi nhắc đến người chị. Giữa Thiệu và nàng, Uyên chiếm được một vị trí tình cảm đặc biệt nên cuộc đối thoại trở nên dễ dàng, tự nhiên.

Trời sầm tối lúc Phượng tiễn Thiệu xuống đường. Gió lạnh nhiều hơn. Phượng choàng thêm chiếc màng tổ màu đậm. Lúc từ giả Thiệu nàng nói, giọng tự nhiên:

— Mỗi buổi chiều, anh cứ tới đây. Phượng chỉ có giờ dạy vào buổi sáng. Còn một ít thuốc bổ do anh André gửi cho, Phượng sẽ chích cho anh. Trông anh gầy và xanh lắm.



V.— Phượng đứng tựa vào lan can, người hơi nghiêng về phía trước. — Chiếc áo choàng đàn ông làm nàng bé nhỏ hẳn lại. Bên dưới là bãi đất trống. Máy con ngựa già, không còn được chăm sóc, lặng lẽ gặm cỏ. Bên kia khu đất là con lộ. Mặt đường đồ xuôi theo chiều nghiêng sườn đồi. Những ngọn đèn đường rọi ánh sáng yếu đuối trên từng khoảng vắng.

— Ngày chị Uyên chưa về Saigon, đêm nào hai đứa cũng ngồi ở đây đến khuya. Dao ấy khu nhà bên kia chưa có. Đứng ở đây có thể nhìn thẳng ra bờ hồ. Những đêm có trăng, mặt hồ sáng loáng như bạc.

Thiệu nhìn theo tay chỉ của Phượng. Khu nhà đồ sộ đứng im lìm trong bóng đêm. Máy ngọn thông vươn lên trên màu đen loáng của nền trời.

«... Em đứng ở đây cho đến hừng sáng. Trời già rét và sao long lanh. Em chỉ nghĩ đến anh. Không phải những kỷ niệm riêng lẻ. Không phải những hình ảnh còn đường nét. Sự suy niệm là một khối thuần nhất. Mái tóc, khuôn mặt, mùi khói thuốc, màu nhựa vàng trên từng đầu ngón tay ... Tất cả là của anh, thuộc về anh, mang tên anh ...»

Máy con ngựa xê dịch gây những tiếng động nhỏ. Phượng ngả đầu về phía Thiệu. Chàng ử bàn tay người con gái giữa hai bàn tay mình.

«...Anh bỏ đi thật rồi. Tiếng bước chân anh nhỏ dần trên con đường xuống phố. Bây giờ quanh em chỉ còn tiếng gió lạnh đuổi nhau. Em không chịu được sự cô quạnh này. Ở đây, mỗi hạt sỏi, mỗi vì sao đều mang hình ảnh anh. Ngày mai em sẽ về với André. Câu chuyện giữa chúng mình đã chấm dứt. Một chuyện tình đẹp, thật đẹp, nhưng ngắn ngủi. Em sẽ ôm giữ cho riêng em những gì thuộc về anh, Những thói quen, những đòi hỏi lạ lùng...»



Căn phòng chìm trong ánh sáng màu đục. Bên ngoài cửa sổ, cảnh anh đào ướt sũng nước, nghiêng xuống đập vào mặt kính. Khi lạnh buổi sáng làm Thiệu hắt hơi. Chàng vớ tay lên đầu giường tìm chiếc áo ngủ. Uyên cũng vừa thức giấc. Nàng đưa tay dụi mắt. Chiếc chăn chỉ che một nửa thân thể phía dưới. Thiệu chống một tay lên mặt nệm, đắm đuối nhìn người đàn bà. Uyên mỉm cười lấy cánh tay che mắt. Thiệu cầm tay nàng đặt sang một bên, xoay mặt nàng về phía mình.

— Anh ác lắm ! Uyên trách.

Đôi môi nhỏ khẽ rung động. Vành môi nũng nịu. Thiệu cúi xuống. Vòng tay nuột nà của Uyên quấn chặt lấy đầu chàng. Chiếc chăn mỏng chuôi xuống trên mặt thảm. Thiệu nghe rõ tiếng cọ siết của cánh anh đào vào thành cửa sổ. Và tiếng mưa rơi.

— Thôi anh. Em còn phải sửa soạn bữa ăn sáng !

Uyên oằn người ra khỏi tay Thiệu xuống giường đi chân không say phòng tắm. Thiệu nhìn theo dáng đi uyển chuyển của nàng. Chàng bỗng nghĩ đến André. Một cảm giác kỳ lạ đột ngột xâm chiếm và chàng giận giọng :

— Uyên, trở lại đây !



VI.— Thiệu ngừng xe tất máy. Phụng mở cửa chạy nhanh lên con đường đất. Mái tóc nàng tung bay trong gió. Thiệu còn ngồi ở tay lái. Chàng châm một điếu thuốc và lặng lẽ nhìn theo người yêu. Dáng Phụng rõ lên nền trời. Đến lưng chừng đồi, nàng dừng lại vẫy Thiệu.

«... Có lẽ anh sẽ thay đổi khi gặp Phụng. Phụng là loại người Thượng đế tạo ra để dành cho những người đàn ông như anh. Đã đến lúc anh cần nhìn vào tương lai bằng một thái độ nghiêm chỉnh. Vì một mỗi, vì hoài nghi, anh cứ cúi đầu bước theo một lối mòn vạch sẵn. Nhưng rồi con đường sẽ đưa anh đến đâu ? »

Thiệu bước đến cạnh Phụng, đặt tay lên vai nàng :

— Em về phòng thôi, gió lạnh lắm.

Phụng tựa đầu vào vai chàng. Thiệu dìu người yêu đi ngược lên phía biệt thự. Nền trời loáng thoáng sao. Khói thuốc ngọt lịm. Phụng hát nhỏ, Giọng hát tròn trĩnh. *I've got a funny feeling, that fall in love with you... Ev'ryday and night... I dream of dreams of you...*

oOo

Thiệu trở xuống đường một mình. Mặt lộ phẳng phiu. Chàng cho xe lùi thật nhanh. Chiếc xe lướt êm trong đêm. Tiếng hát của Phụng còn tản mạn quanh chàng. Đêm Đà Lạt thật tuyệt Thiệu nghĩ.

LÔI-TAM

mười lăm

Biết em thuở mười lăm
Môi em mới chớm hồng
Tóc chưa đầy nửa búi
Trời trong trong mắt trong

Rồi em mười sáu tuổi
Anh cho chiếc khăn hồng
Em buộc lên mái tóc
Trời hời hợt mùa đông

Chiếc áo len ngày trước
Em ước thử chắt rồi
Khuy bấm cài không kỹ
Lấy tay che, em cười ...

Năm ngoài em mười bảy
Anh tiếc tuổi mười lăm
Lá bàng bay trước ngõ
Môi em có trắng rằm

Em cắp sách đến trường
Bướm bướm bay dọc đường
Anh nhìn theo hờn tủi
Lòng se sắt yêu đương

Anh yêu nhưng chẳng nói
Từ thuở em mười lăm
Sợ hoàng hôn vào mắt
Sợ môi hôn phai hồng
Năm nay em mười tám
Mùa lúa chín vừa xanh
Em không đi học nữa
Nhìn trời không nhìn anh
Ngày vui em đốt pháo
Đâu chiếc pháo ngày xưa ?
Em đưa anh em nhặt
Xác pháo hồng ngày thơ
Em chào anh thiết tha
Anh biết em thương nhớ
Thương nhớ một người anh
Tiếng hát ru em ngủ
Em đi theo tình em
Nói cười còn ngỡ
Anh về chôn tình anh
Trong vầng thơ sâu khờ

Một đời em chinh chiến
Có bao giờ em ngủ
Người anh cho khăn hồng
Người anh ru em ngủ
Yêu em thuở mười lăm
Đến giờ đành để lỡ
Vườn nở nụ tâm xuân
Mưa bay ngoài cửa sổ
Em đã đi lấy chồng.

DƯƠNG-KIẾN

Ven lối sa mù

con phố nhỏ từng vĩa hè loang lổ
đón âm thanh rời rã bước vu vơ
trong nắng sớm bàng khuáng chiều rạn vỡ
từng đêm sương bàng bạc lớp sao mờ.

đôi dấu hỏi lân tinh còn thoáng hiện
trong âm u tiềm thức đặc sa mù
niềm hốt hoảng thủy triều ôm bãi lạnh
chiều thu tàn trong ánh mắt hoang vu

vẫn dấu hỏi từng vụt tan vụt hiện
cơn sóng ngầm khua đáy biển tru tư
nẻo vô định hư không và giới hạn
cảnh bèo hoang lơ lửng cuối giòng chưa ?

khí sóng gió chợt bùng cơn phẫn nộ
sẽ còn chỉ đủ bọt biển xanh xao
sẽ còn chỉ đủ khiêm nhường ngấn lệ
sẽ còn chỉ đủ lá cỏ lao xao.

và mái tóc liễu trai huyền hoặc ấy
còn lung linh vàng ảo giác hoang đường
đề trang điểm khu vườn trơ cổ cháy
dù xa khơi như dĩ vãng phai tàn.

chợt ngoảnh lại bãi sầu heo hút gió
mơ hồ in đôi dấu vết sơn ca
con phố nhỏ mùa xuân về bờ ngõ
lặng âm thanh tàn tạ bước hư vô.

Quảng-ngãi
ĐYNH HOÀNG SA
(Lời hư vô)

thư mùa xuân

Và mùa xuân về rồi đó em
Anh nghe thương nhớ dầy mối mềm
Tuổi hoa bướm ngủ trong dòng tóc
Có tiếng chim cười trong liếng chim.

Con đường ngày xưa anh vẫn qua
Vẫn ôm kỷ niệm thuốc phai nhòa
Vẫn gọi tên em từng phố biếc
Vẫn nhớ mùa xuân trăm thiết tha.

Con én dòng xuân mang bóng xuân.
Vườn ai hoa lá nở hoài mong
Hồn anh thổi cũng trôi như nước
Nước của bờ sông lạnh tuổi vàng.

Bây giờ mùa xuân em ở đâu ?
Có nghe trời lạnh chắc e sâu ?
Ngày đi, tắt ngấm đời hương lửa
Anh một mình trông theo xòt đau.

Bây giờ mùa xuân anh nhớ em
Thư ngày xuân viết chắc thêm buồn ?
Ngực mộng còn căng dòng sữa ngọt ?
Mắt hiền em vọng đến phương anh ?

Huế
TRẦN DZA-LỮ



Thư gửi anh Roger

NGUYỄN XUÂN HOÀNG

Michèle chỉ tay vào tấm ảnh lớn đặt trên bàn giữa phòng khách nói với tôi: đây là anh Roger mà Michèle đã kể trong thư. Anh Roger tốt nghiệp trường võ bị Saint-Cyr và đã chết một nơi nào đó ở mặt trận Algérie. Người thanh niên trong ảnh có một khuôn mặt dài, xương ở hai gò má cao, một đôi mắt sâu hút thả cái nhìn ngơ ngác, hai vành tai hơi lớn vênh ra như đang lắng nghe những tiếng động chung quanh. Michèle nói anh Roger có đôi tai của một nhạc sĩ lúc nào cũng như nghe ngóng và chụp bắt những âm thanh. Và đây là chị Marthe, Michèle nói tiếp, anh có thấy Michèle giống

chị Marthe như hai giọt nước không? Marthe có đôi mắt to, chiếc môi dưới hơi trễ xuống và một đồng tiền duyên dễ thấy in hằn một bên gò má trái. Tóc Marthe đen và dài, gói từng lọn bỏ chày xuống ngực. Tôi muốn nói hai người giống như hai chiếc lá cây trong rừng. Nhưng tôi đã kịp dừng lại. Cũng chẳng biết tại sao. Kể về mấy cái fossettes sâu hút như vực thăm cuốn chìm người ta trong đó thì khỏi phải nói, hai chị em giống nhau như đúc. Michèle nhìn tôi cười, bộ anh sợ mấy cái fossettes sao? Michèle, tôi chợt kêu lên. Gì thế anh? À, à,... không có gì hết, Michèle lật sau khuôn ảnh lấy đưa tôi tấm hình một người đàn ông da đen nói: đó chồng chị Marthe đó anh. Anh ta quen Michèle trước mà rồi đi cưới chị Marthe, nghĩ có buồn cười không anh? Chuyện thực còn lạ lùng hơn nữa, anh ta theo kháng chiến và bị chết trong trận phục kích một trung đội nhảy dù. Dường như Tôger chỉ huy trung đội này. Nghĩ có tệ hại không anh? Michèle ghê tởm chiến tranh quá chừng. Chiến tranh thật chẳng ra cái quái quái gì hết. Bây giờ, chị Marthe làm nữ trợ viên hàng không ở phi cảng Orly. Còn đây là papa của tụi này đó. Ông cụ có già quá không anh? Tôi nhìn kỹ người trong ảnh. Tóc ông cụ bạc trắng và dày. Râu ở cằm cũng rậm và trắng toát. Một vầng trán rộng mông mênh in hằn những vết nhăn như những luống cày. Hai con mắt làm tôi nhớ tới mắt của Michèle, thật to và đen. Nhưng nổi nhìn đã thấy một mối và như bị vắn đục. Tôi dừng thật lâu trên đôi mắt đó và không trả lời. Michèle kêu lên *T'es malade*, non? Không, không, tôi nhìn ông cụ, ông cụ có cái nhìn lạ lùng quá. Michèle nói tôi không hiểu anh nói gì cả. Tôi kéo ghế ngồi lại bàn Michèle đến bên chồng đĩa nhạc hỏi anh có thích *Les beatles* không? Tôi lắc đầu. Francoise Hardy nhé? Không. Et alors, Tôi nhắm mắt nhớ lại giọng hát của người nữ ca sĩ da đen trong phim *Mirage de la vie*. Tôi nói Mahalia Jackson. — «He's a light unto my pathway.» «Không.» «Khó thể.» — Tôi đứng dậy đến bên cửa sổ, lơ đãng nói *Trouble of the world, Trouble of the world*. Tiếng nhạc cất lên và giọng Jackson thê thảm. Michèle ghét nhạc buồn lắm, chẳng ra làm sao hết. Đã thấy chiều rồi. Những hạt mưa nhỏ giăng qua ánh điện. Buồn vậy sao? Anh dùng cà phê nhé? Michèle hỏi. Tôi nói, không cảm ơn Michèle, tôi sợ thức khuya lắm. Mai còn phải đi dạy học nữa đấy. Thôi đừng có làm bộ đi

ông. Uống cà phê như nước lạnh mà còn kêu không ngủ được. Nghĩ có kỳ không? *Tell the world about this*, anh có muốn nghe tiếp bài này không? Tôi nói chán quá, thôi đi về đây. Cám ơn Michèle đã cho tôi một bữa cơm ngon và một buổi tối vui vẻ. Bao giờ lên đường nhớ cho tôi biết.

Khi tiễn tôi ra cửa Michèle đưa tay cho tôi bắt nói à demain. Tôi trả lời lí nhí trong cổ họng cho xong chuyện rồi đóng cửa thang máy, bấm nút trở xuống.

Trời đã tối hẳn. Những hạt mưa như những hạt bụi bám trên áo tôi. Có thể mưa lớn không? Tôi bỗng nhớ đến câu nói của ông tôi sáng nay với mấy người thợ làm nhà. «Buổi sáng của mình, buổi chiều của trời mà». Quả thực là mấy hôm nay chiều nào trời cũng mưa. Saigon kỳ cục như vậy đó. Những cơn mưa như có định kỳ và dường như theo một nhịp điệu riêng biệt nào vậy. Lúc khởi đầu mưa như xối rồi tạnh hẳn, sau đó những hạt nước nhỏ như tơ buông xuống thật êm và thật buồn. Tôi nói thật buồn và nghĩ đến ghế đá gốc cây dừa ở bến tàu. Nhưng bến tàu trừ cơn gió cũ từ Thủ Thiêm thổi qua còn lại chỉ là những chiếc xe nhà binh, giấy kẽm gai và những súc gỗ, tôi cũng chẳng biết là nó đang rở xuống hay là sẽ chất lên nữa. Dường như có một cái gì trong thâm tâm tôi muốn nói với tôi, với chính tôi, nhưng tôi không biết cái đó là gì. Giống như ông tôi cầm ống pip trong tay mà lại cứ sục sạo đi tìm và cầu nhau không biết cái ống pip nó thất lạc ở đâu. Một cái gì đó, thật khó mà gọi tên nó. Tôi như một người đi tìm mình, đi tìm mãi mà vẫn không thấy mình.

Khi ngồi trong lớp học buổi sáng nhìn những hạt mưa rơi trên tàu lá chuối, sự trơn trượt của những giọt nước trên lá khác nào những ý nghĩa đuối bắt và trơn trượt trong tôi. Tôi như còn nghe tiếng máy bay phản lực vút qua, cắt ngang bài giảng nửa chừng và tôi bỗng thấy lời nói của mình như lạc lõng trong một thế giới nào khác. Michèle. Tôi gọi thầm tên của người con gái có đôi mắt màu hạt dẻ với hàng lông mi đen dài và cong vút để chỉ nhớ lại khuôn mặt già nua của một người đàn ông có vầng trán rộng mênh mông và những vết nhăn như những luống cày. Papa của tụi này đó. Papa. Mà sao lại papa?

2. Lúc bấy giờ khoảng chừng bốn giờ chiều nhưng trời tối sầm, lại như đang đêm. Sau lưng tôi là chân ngọn Hòn Lớn, ngọn núi cao với một vết thẹo dài đỏ nước trắng xóa trong những ngày tạnh trời. Trước mặt tôi là cánh đồng mênh mông ngập nước. Những bờ ruộng chìm chìm thấp thoáng giống như lưng của một con rắn dài uốn khúc. Một căn nhà hoang đầy vết đạn và vắng lạnh đến lạnh người. Tôi thấy mình đại đột. Muốn quay về trại nhưng trại quá xa. Phải băng qua sau vườn ông Năm với bầy chó dữ sủa như sủa ma. Phải lội qua con suối Chim với dấu chân cộp chiều nào cũng về làng vắng. Không, không, không quay lại được. Hồi chiều khi sửa soạn ra đi cha tôi có nói tối rồi mai hãy đi. Mẹ mày cũng không dám đi đâu, tao dè mày tao biết tính mày mà. Tôi biết cha tôi nói khích nhưng tôi đã trả lời con dám mà cha. Mà tại sao con lại không dám chớ? Có cái gì làm cho con sợ đâu? Chiều nay thế nào cũng mưa. Tao biết chắc mà. Mày không về nhà kịp đâu. Dọc đường còu tụi lính partisan, tụi da đen gạch mặt và bọn lính lê dương cắt cổ người như cắt cổ gà. Mày không sợ mấy rồi. Thôi thì một liều ba bảy cũng liều tôi nói con đi liền bây giờ nghe cha! Ờ, thằng này bữa nay coi bộ bảnh ta. Mày giống tao rệu lên cho tao nhậu. Nghe không? Tôi lội qua Suối Chim, băng qua trại ông Năm đi một mạch không hề ngoái cổ lại. Bây giờ tôi thấy hối hận về những liều lĩnh của mình. Đường về nhà má tôi lính da đen gạch mặt. Người ta còn nói tụi này bắt được con nít ngon lành. Ái chà? Chỉ mới nghĩ đến cũng muốn chết rồi. Còn quay trở về? Ngại con Suối Chim với dấu chân cộp và nhất là cái chặc lưỡi của cha nghe muốn bẻ lòng tự ái vốn mong manh như thủy tinh của tôi. Tôi như bị chôn giữa chốn này. Ngọn Hòn Lớn sau lưng đứng sừng sững như một ông thần khổng lồ. Cánh đồng ngập nước cản ngăn trước mặt. Trời vẫn vũ mây đen trên đầu. Chân tôi như có đeo chì. Mày giống tao hồi nhỏ đó. Mày giống tao hồi nhỏ đó. Hồi nhỏ cha đâu ở trường hợp như trường hợp con

bây giờ mà giống. Vượt quá cánh đồng này là đến làng Tân Hưng. Hãy đến Tân-Hưng cái đã. Tôi nghĩ thầm trong bụng có lẽ mình phải chạy nhanh mới được. Tôi vừa chạy vùn vút vừa lầm bầm: đến Tân-Hưng, đến Tân-Hưng, đến Tân-Hưng... Tôi nghĩ đến căn nhà đầu làng, những trái cam mọng nước và một bữa cơm đủ cả thịt cá mà từ ba năm nay tôi chưa hề nếm đến một lần. Đến Tân-Hưng, đến Tân-Hưng... Hãy đến Tân-Hưng cái đã.

Đêm như ngả xuống hoàn toàn. Tôi chạy đã thấy đuối sức. Một cành cây nhỏ cũng làm tôi ngã chúi về phía trước. Tôi cứ tưởng mình đụng phải hàng rào dâm bụt của cái quán đầu làng. Nhưng ruộng nước cứ còn mông mênh, mỗi lúc như một dải và rộng thêm ra. Tôi hình dung con đường đầy phân trâu, hai bên đường những bụi cây thấp đen như những con chó ngồi trước cửa nhà. Sao tôi thấy cần tiếng sữa của một con chó. Con chó mực đầu tiên vừa sữa vừa chạy theo tôi vẫn là con chó của bà Chín. Bà Chín thường hay mắng yêu tôi: tồ mẹ cái thằng chó, có đói không, vào đây ăn cơm với bà. Nếu tôi lắc đầu bà gõ lên đầu tôi một cái và vào buồng trong lục lạo một lúc sau mang ra dúi vào tay tôi mấy quả xoài chín dúi, có khi là những trái mận rụng sau một cơn mưa và tặng tôi một cái gõ đầu thứ hai với cái câu mắng yêu cũ kỹ: tồ mẹ cái thằng chó. Tôi thấy hai con mắt của má như hỏi han: con có đói không con? Tôi muốn ôm lấy má khóc một trận cho hết nước mắt. Nhưng má nói xấu quá, con trai ai lại khóc bao giờ. Nhớ lần đầu tiên về thăm má dưới phố, thấy bọn lính da đen, da trắng đi chật ních đường xá mà ghê. Gian nhà đã bị cháy hoàn toàn phía sau, trơ lại nền gạch đen đúa, và cái giếng nước lâu ngày không ai chăm nom phủ đầy rêu xanh. Phần còn lại rộng không bằng căn buồng nhỏ. Ở đây má dùng làm phòng ngủ, phòng ăn, nhà bếp, phòng khách... Ban ngày Má mở một hàng xén phía trước sân bán đủ thứ mà một người nhà quê có thể cần dùng trong thời kỳ chiến tranh. Chị hai bán vải ngoài chợ và nuôi một đàn con nheo nhóc. Ban đêm cả nhà quây quần chung quanh một ngọn đèn Hoa kỳ và bao giấy kín bốn phía đủ đề cho tôi có thể đánh vần đọc cho Má nghe truyện *Tam Quốc Diễn Nghĩa*. Bọn lính Lê Dương say rượu ở một dãy nhà điểm gần đó say sưa hát nghêu ngao ồ ồ đến đập cửa từng nhà tìm gái.

Một đêm Má đã phải tắt đèn liệng sách xuống đất nói như nói cho một mình Má nghe: giặc giã, loạn lạc bao giờ mới yên thân đây? Trong bóng tối, tôi sờ soạng trên khuôn mặt khô héo của Má và chạm phải những giọt nước nóng hổi... Chồng ở một nơi, con trai lớn ở một nơi và thân mình cô đơn một nơi, cảnh chia ly như thế làm sao Má có được nụ cười trên môi. Tôi nhớ có lần cha nói tao với Má mày là hai thái cực. Hai thái cực, mày hiểu chưa? Tôi không hiểu hai thái cực là cái gì nhưng tôi biết hòa khí không có giữa hai người. Tôi nghĩ mình giống như con thoi chạy xuống Má trở lên cha, chạy xuống Má trở lên cha đều đều như thế gần một năm trời nay. Má gửi cha thức ăn và rượu. Cha gửi Má bắp khoai và ít thứ trái cây khác. Không một lời hỏi han sức khỏe, không một lời âu yếm vợ chồng. Chỉ có đồ ăn là được trao đổi. Việc giao dịch hoàn toàn có tính cách buôn bán. Cha nói mày giống tao hồi nhỏ. Má nói con có khuôn mặt giống hệt má, lớn chỉ khổ thân mày thôi con ơi. Tôi giống ai? Tôi nghĩ chắc mình không có quyền giống ai hết. Mà giống ai thì rồi chuyện gì sẽ xảy ra cho tôi? Sao như có tiếng suối chảy róc rách trong đầu. Tôi vẫn chạy lúp súp và đọc thầm: đến Tân Hưng, đến Tân Hưng, đến Tân Hưng cái đã... Tôi nghĩ đến chiếc lò cốt mà mình phải qua, những tên lính da đen và những hàm răng trắng di chuyển trong buổi chiều khi trời vừa sắp tối. Những hình ảnh đó có khác nào những hình ảnh Má thường dọa khi em tôi khóc, Ôi những ngày chạy loạn buồn thiu và đói khổ. Cha ở trong một căn trại, tôi gọi căn chòi của cha tôi và tôi ở bằng một danh từ lớn như thế cho nó có vẻ. Má tôi đã phải cười rũ ra khi nghe tôi giải nghĩa căn trại mà cha con tôi sống như thế nào. Ban ngày cha vào rừng đốn củi, trồng cây. Tôi có phận sự chăn hai con bò con và mỗi chiều tưới đúng một trăm cây ớt của cha. Cha nói tao có thể nhịn đói nhưng không thể nhịn thì ớt mất ngon. Ban đêm cha uống nhiều rượu, rượu làm cha say và cha lăn ra đất ngủ. Mẹ lại càng xa hơn, sống âm thầm giữa hoi quận lý nhỏ đầy bọn ăn cắp, ăn cướp, giết người...

Những người nhà quê mà tôi đã gặp, áo quần lam lũ của họ mà tôi đã thấy (thực ra tôi có hơn gì họ đâu!) những thái độ cử chỉ của họ, những cái nhìn không một lần dừng lại trên mặt tôi... làm sao tôi có thể nói họ

vui hay buồn. Anh tôi đã đi xa nhưng ở nhà má, cha và chị tôi mỗi người nghĩ về anh một khác. Tự trung anh vẫn là hình ảnh đẹp nhất và trong sáng nhất tỏa xuống căn chòi của cha và căn nhà cháy một nửa của má. Hình ảnh đó giúp cho chị tôi yên tâm côi cút với má trước những gian nguy của đời sống. Với tôi chuyện của anh chẳng khác gì chàng Alibaba và cây đèn thần mà tôi nhớ đã có lần anh kể cho tôi nghe. Chàng Alibaba mỗi đêm bước vào cơn mộng của tôi và cho tôi mượn cây đèn thần ôm ngủ một giấc

dài đến sáng hôm sau. Đến Tân Hưng, đến Tân Hưng, đến Tân Hưng cái đã . . . tôi vừa chạy vừa lằm nhằm trong miệng như đọc thần chú . . . Có những tiếng súng nổ đằng xa nghe lộp độp như than trong lò đang reo vui. Tôi bỗng ngã chúi về phía đằng trước, một tiếng súng nổ to hơn làm tôi mất thăng bằng. Những tia lửa lóe lên trong đêm tối bay vút và tắt ngấm. Tôi bỗng chạy chậm lại. Dường như có lửa cháy phía nhà bà Chín. Súng cũng nổ dồn về phía đó. Thôi chết rồi, nhà bà Chín cháy. Tôi kêu lên và chân như muốn khựng lại. Một đám cháy bốc ngút lên bất ngờ, soi rõ hàng rào dâm bụt và căn quán đầu làng. Tiếng súng nổ đã thật gần và tôi nghe có tiếng người la lớn. Tôi mỗi chân muốn ngồi thụp xuống, nhưng bờ ruộng thấp làm tôi cuống cuống. Trong bóng tối, tôi ngã xuống bờ đất và đầu tôi va vào một vật cứng đau điếng. Tôi sờ lên đầu thấy hơi rát và ướt nước, tôi cũng không biết là nước ở ruộng hay là máu nữa. Tôi mò mẫm chung quanh và biết mình đang ngã trên một ống cống dẫn nước. Trong

cánh đồng mông mênh hiu quạnh này! Ống cống là vật duy nhất mà tôi có thể ăn náu một cách yên tâm. Tôi luồn mình chui vào cuộn tròn ở trong đó run vì lạnh và run vì sợ. Tôi nói trong đầu: nhà bà Chín cháy, nhà bà Chín cháy. Và tôi khóc, nước mắt dàn dụa trên mặt không biết vì sao. Trong bóng đêm tôi nghe tiếng nước khua và một bóng đen trước mặt tôi. Cảnh tượng diễn ra hoàn toàn trong bóng tối, tôi chỉ nghe, tim đập liên hồi hộp và không thấy gì ngoài tầm mắt của mình. Hình như có tiếng người rượt đuổi đằng sau. Một tiếng nổ như vút qua đầu tôi và những tiếng lên cò súng lác cắc. Tiếng người la: Đây rồi! Nó đây rồi. Một tràng tiếng nổ đuổi nhau. Nước văng ướt mặt tôi. Bóng đen

như bị một bàn tay vô hình nâng bổng lên rồi vật ngã ẹp xuống như một khúc gỗ. Tôi bỗng khóc to lên. Tự mình không ngăn nổi mình. Má ơi! Má ơi! Ông cống bỗng chao qua một bên làm tôi lộn người. Ai đó? Bỏ súng xuống! Bước ra! Bước ra ngay. Ông lớn bắn chết bỏ mẹ bây giờ! Có tiếng lên đạn. Tôi điếng người, cứng cả họng, nói không ra tiếng. Tiếng một người ngoại quốc nói theo sau đó và tôi thấy một vật lạnh chạm vào mặt tôi. Tôi lo sợ nghĩ đến cái chết và thu mình nhỏ lại. Bước ra! Mau lên! Đồ chó đẻ! Tôi run như cây sậy. Ông bắn bỏ mẹ mày bây giờ. Mau lên! Nghe không? Tôi khó nhọc chui ra ống cống. Một ngọn đèn sáng chiếu vào mặt tôi làm tôi hoa cả mắt. Tôi nghe tiếng cười thật to của tên vừa chửi tôi. Thằng bé. Nhãi con. Tên đó nói xong lại chụp cồ tôi xô tôi ngã chúi xuống ruộng. Thằng chuột nhắt mày làm ông hết hồn. Có tiếng nhiều người cười. Xung quanh tôi những bóng đen to lớn vẫn đông như đàn quạ. Tôi định thần tìm chỗ hờ và giật tay bỏ chạy. Đứng có đại đồ chó đẻ! Ông bắn chết cha mày! Tôi nghe đau nhói ở hai bên gò má và mắt thấy những tia lửa nhầy múa với vô vàn vì sao bay tua tủa. Tôi ngã xuống đám bùn và thấy con cộp đang uống nước bên bờ Suối Chim. Tôi thấy tôi trôi trên dòng thác lũ.

oOo

— Thế nào? Khỏe chưa chú bé?

Tôi mở mắt nhìn gian phòng rộng đầy những súng là súng. Súng lục, súng trường, súng liên thanh... Chiếc giường thật êm, vải trải giường trắng toát.

— Thế nào? Khỏe chưa chú bé?

Tiếng nói ngờ ngợ, phát âm không rõ ràng vào hơi to. Tôi đảo mắt nhìn khắp gian phòng nhưng không thấy ai. Tôi nghe tiếng nước chảy ở phòng trong và tiếng xát xà phòng vào người. Tôi nghe rõ cả tiếng hơi thở gấp mạnh. Tôi không hiểu gì cả. Tôi như còn văng như sắt của nó giáng xuống đầu tôi. Tôi thấy mình ngã xuống ruộng nước, đầu lại một lần nữa va vào ống cống xi-măng. Tôi muốn ngồi nhồm dậy, nhưng không sao cất đầu lên nổi. Tôi thấy choáng váng và đau đớn như có ai đập búa lên đầu... Trong cơn

một môi tôi thấy lơ mờ một khuôn mặt to lớn, mái tóc bạc trắng, những nếp nhăn như những luống cày trên một vầng trán rộng, và đôi mắt màu nâu nhạt cười âu yếm cúi xuống gần thật gần. Một bàn tay to và thật mát vỗ vào má tôi.

— Thế nào khỏe chưa chú bé?

Tôi không hiểu gì cả. Có thể nào cái ngôn ngữ đó lại phát ra từ cửa miệng của một ông già Tây phương cao lớn trong một gian phòng đầy súng? Tôi nhắm mắt lại tự hỏi thăm trong miệng, sợ sệt: Ông là ai? tôi ở đâu? Ông là ai? Ông là ai? Tôi không kiểm soát nổi mình nữa và tôi la to lên. Ông là ai?

— Hà?

Thật là lạ lùng. Tôi không còn hiểu gì cả. Nhớ lời cha nói bọn lính Lê Dương ăn thịt người, tôi điếng người. Nó sẽ ăn thịt mày. Nó sẽ ăn thịt mày, con ơi. Rồi nó sẽ ăn thịt tôi sao? Tôi muốn mở mắt ra nhưng tôi không dám.

— Chú bé cứ gọi tôi là papa. Papa nghe không? Ở đây ai cũng gọi tôi là papa. Chú bé ở đây với tôi, tôi yêu chú bé lắm.

Thật là lạ lùng. Tôi yêu chú bé lắm. Tôi nghe bàn tay to lớn và êm ái kia nâng đầu tôi lên và những giọt sữa trắng thơm ngọt trôi qua cổ họng tôi.

oOo

Papa Chopin?

Hà?

Có phải papa tên thật là Chopin không?

Không.

Sao ai cũng gọi papa là papa Chopin?

Papa không biết đâu.

Chopin là cái gì?

Chopin là một nhạc sĩ.

Papa cũng là một nhạc sĩ, phải không?

Không.

Vậy thì tại sao gọi Papa là papa Chopin?

Không biết. Đừng có hỏi nữa.

- Papa đi lính Lê Dương phải không ?
- Phải.
- Papa ở Việt Nam mấy năm ?
- Ba năm. Mà hỏi làm chi vậy ?
- Ấy ! Đề biết mà. Mà ai dạy papa nói tiếng Việt Nam vậy ?
- Ông Tam thông ngôn đó.
- Papa có thích Việt Nam không ?
- Thích lắm. Nhưng...
- Sao lại «nhưng». Papa không thích Việt Nam à ?
- Thôi, đừng có hỏi nữa.
- Papa Chopin ?
- Hà ?
- Ông Chopin có đến Việt Nam không ?
- Ông Chopin chết rồi. Chết lâu lắm rồi.
- Tôi thương ông Chopin
- Tại sao ?
- Tại tôi thương ông Chopin.
- Papa cũng thương ông Chopin.
- ...
- Jean ?
- Pa gọi tôi ?
- Ừ.
- Tôi đã nói tôi không phải tên là Jean mà.
- Pa muốn nói với Jean chuyện này.
- Không.
- Jean có thương Pa không ?
- Có chứ.
- Vậy là chịu Jean rồi phải không ?
- Không.
- Jean ?
- ...
- Mai Pa đi Hà Nội.
- Hà Nội ở đâu Pa ?
- Hà Nội ở xa lắm. Xa thật xa.
- Pa làm gì ở đó ?

- Đang có cuộc hành quân lớn ngoài đó. Thật ra thì Pa đi Điện Biên Phủ kia.
- Điện Biên Phủ ở đâu Pa?
- Xa nữa. Xa hơn Hà nội nữa.
- Để làm chi vậy? Pa chán ở đây rồi sao?
- Không, Pa được lệnh, cả tiểu đoàn di chuyển hết.
- Pa cho tôi theo nghe.
- Không được. Về với Má đi. Ông Tam đã tìm được địa chỉ của bà rồi. Pa có nhờ ông Tam lo liệu giấy tờ cho Jean. Gửi Má lời chào của người không quen và ngàn lần cảm ảm.
- Papa Chopin?
- Há?
- Pa đi thật sao?
- Thôi mình đi ăn cơm đi. Pa đói rồi.
- Tôi theo Pa đi Hà nội được không?
- Không nhớ Má à?
- Nhớ lắm.
- Thế thì đi theo làm sao được?
- Tôi theo được mà.
- Ông Tam sẽ đưa Jean về gặp Má. Pa đã gửi thư cho thiếu tá Duval săn sóc và trông nom Jean khi Jean cần. Đến nơi Pa sẽ gửi thư về cho Jean. Ở nhà nhớ đi học chuyên cần.
- Tôi không đi học đâu.
- Jean muốn gì?
- Muốn đi lính với Pa?
- Đừng nói bậy.
- Pa gọi tên thật của tôi đi?
- Jean đâu có gọi tên thật của Pa?

Phúc Yên ngày . . . tháng . . . năm 1953
Cận H.

Tháng trước papa có gửi thư về cho cậu không? Tôi đã theo tiểu đoàn khác cũng gần tháng nay rồi. Thiếu tá Duval cũng đã đi ra đây, và tôi hiện làm việc với ông. Trong cuộc hành quân ở Phúc Yên, thiếu tá Duval bị thương nặng. Phải về Pháp sáng nay. Chắc ông không qua khỏi. Tôi cảm thấy như vậy thôi. Chiều hôm qua khi nhờ tôi gửi bức thư này cho cậu, tôi thấy ông có vẻ buồn. Ông nói những gì liên hệ đến papa Chopin, về đến Pháp ông sẽ gửi cho cậu. Tôi không được rõ gì cả. Có lẽ tháng tới tôi cũng về lại Saigon. Không khí ở đây khó thở lắm.

Chúc cậu thành công trên đường học vấn.

TAM

Kèm theo đó là lá thư của thiếu tá Duval. Thư ông viết thực dài, khuyên tôi chăm chỉ học hành và nhất là phải sáng suốt. Ông nói cuộc chiến tranh này thế nào rồi cũng chấm dứt, phải chấm dứt. Bởi vì không thể kéo dài mãi như thế. Có ai mãi mãi sống trong hận thù đâu? Và chẳng những người đã chết cũng chẳng biết tại sao mình bị chết. Lý tưởng nào đã dẫn họ tới cái chết đó. Tội nghiệp cho những bà mẹ cứ khóc và chờ đợi con trai mình không bao giờ về . . . Thực ra bà chẳng biết tại sao con mình lại không về nữa. Ông cho biết địa chỉ của ông, và khuyên tôi hãy giữ liên lạc với ông đều. Cuối thư ông cầu mong chiến tranh sớm chấm dứt. Ông cứ nhắc đi nhắc lại mãi sự sớm chấm dứt chiến tranh.

Tôi nghĩ có lẽ ông đã mệt mỏi lắm rồi. Lúc xếp thư trả vào bao tôi thấy như còn một vật gì ở trong. Tôi nghiêng nhìn bao thư xuống lượm tấm giấy nhỏ cứng và đọc thấy hàng chữ in :

MAX KALTENMARK

Phía dưới hàng chữ in là hai dòng chữ viết tay, ngòi bút như bị rã và nét chữ bị nhoè.
né à Vienne en 1893
mort à D.B.P. en 1953

3. Ở nhà Michèle ra, ghé tòa báo gặp Thịnh và Dung. Hai đứa cho tôi đọc bản tin: «Hỡi các tay tồ trong làng cao thủ võ lâm thuộc cựu binh đoàn Lê Dương của Pháp! Các bạn hãy đứng lên một lần nữa đem tấm thân bách chiến ra xông pha nơi mũi tên hòn đạn! Các bạn sẽ được trả lương hậu... bằng đô la Mỹ!»



Nhớ lúc nhận được thư của thiếu tá Duval, tôi vẫn không nghĩ là Papa Chopin đã chết, cho dù sau đó một lần nữa từ Pháp ông Duval có gửi về tôi những di tích của Papa. Tôi cứ nghĩ rằng Max Kaltenmark là một người nào khác. Người đó không phải và cũng không bao giờ là papa Chopin... Trong giấc mơ tôi đã nhiều lần gặp lại papa và tôi cũng nghĩ là mình còn có thể sẽ gặp lại papa trong cuộc đời nữa. Nhưng đồng thời tôi cũng thực tình không mong gặp lại ông chút nào giữa đám người mà nhà sản xuất phim Seltzer đã kêu gọi... Trường hợp này tôi có một ý tưởng hơi ác độc: như trên dòng thác lũ ông hãy chết đi, hỡi papa yêu dấu!

NGUYỄN XUÂN-HOÀNG



THE QUIET AMERICAN
GRAHAM GREENE

BÙI NGỌC DUNG dịch

NGƯỜI
MỸ
TRẦM
LẶNG



CHƯƠNG II

(tiếp theo)

Buổi sáng hôm ấy Pyle từ khách sạn đến ngã tư tôi thấy rõ các bạn đồng sự người Hoa Kỳ trong ngành báo chí; họ to lớn, ồn ào, mang vẻ trẻ con và những người cỡ tuổi trung tuần đã kịch liệt đã kích người Pháp khi người ta cho hay người Pháp đang chiến đấu cho cuộc chiến tranh này. Sau cuộc giao tranh, những người bị thiệt mạng được tản thương khỏi mặt trận để sẽ được đưa về Hanoi bằng phi cơ và phải mất bốn giờ bay theo như lời của viên tư lệnh khi viên tư lệnh này ngủ đổ một đêm tại trại báo chí. Nơi đây người ta khoe khoang gã phi công là người giỏi nhất Đông Dương, hẳn để cho phi cơ bay ngang ngay

trên mặt trận với độ cao 3000 bộ (khoảng giới hạn với tầm súng đại liên) rồi sau đó viên phi công an toàn trở lại khách sạn Continental tại Saigon như một nhà trường tốt.

Pyle là người trầm lặng, hình như hần khiêm tốn. Đôi khi, vào ngày đầu tiên tôi đã phải phỏng đoán trước những gì hần nói. Và hần là người rất đứng đắn. Nhiều lần, dường như hần chịu nhịn nhục vì tiếng ồn ào của phòng báo chí Mỹ ở tầng trên, từng lâu mà người ta tin là bình dân và khỏi bị lựu đạn ném vào. Tuy nhiên hần không chỉ trích một ai.

Hần hỏi :

— Anh đã đọc sách của York Harding chưa ?

— Không, không. Tôi không đọc. Ông ta viết về cái gì thế ?

Hần nhìn sang một quán giải khát bên kia phố và nói mơ màng :

— Trông như giòng suối ngọt ngào.

Tôi tự hỏi nỗi nhớ nhà thăm kín nằm sâu trong sự lựa chọn kỳ cục của hần về những gì phải quan sát tại một nơi không thân thuộc này. Nhưng liệu tôi có thấy lần đầu tiên đi trong phố Catinat, nhìn cửa hàng với mùi nước hoa Guerlain và tôi tự an ủi với ý nghĩ cho rằng cuối cùng thì Âu Châu cũng chỉ cách đây có 30 giờ đồng hồ ? Hần lơ đãng nhìn quán giải khát và nói :

— York đã viết một cuốn sách dưới nhan đề *Sự Bành Trướng Của Trung Cộng*. Đó là một cuốn sách thật sâu sắc.

— Tôi chưa đọc cuốn sách đó. Anh có quen ông ta không ?

Hần cúi đầu một cách trịnh trọng và yên lặng một lúc lâu. Nhưng sau đó hần diễn tả cảm nghĩ của mình. Hần bảo :

— Tôi không quen ông ta nhiều đâu. Tôi nhớ mang máng gặp ông ta có hai lần.

Tôi thích kiểu nói đó của Pyle-hần khoe là quen ông ta nhưng tên thằng cha đó là gì ? York Harding. Sau này, tôi lại được biết hần được kính nể vô cùng nhất là điều là hần mệnh danh là những nhà văn đứng đắn kính trọng hần. Điều này hần muốn nói đến việc khai trừ những tiểu thuyết gia, các nhà thơ và những nhà chuyên môn viết bi kịch, chừng nào họ có hần điều mà Pyle gọi là đề tài hiện đại thà như thế đọc trực tiếp hơn là cái kiểu đọc sách của York.

Tôi nói :

— Anh hiểu không nếu anh sống tại một nơi nào lâu rồi anh sẽ ngưng đọc loại sách đó.

Hần trả lời một cách thận trọng :

— Lẽ dĩ nhiên, tôi luôn luôn tìm biết người sống tại chỗ đã nói những gì.

— Và rồi có nên chấm dứt cái vụ York không đây?

— Có chứ.

Có lẽ hẳn nhận thức được sự mỉa mai vì hẳn nói thêm bằng một động lịch thiệp thường xuyên của hẳn :

— Tôi cho đó là một đặc quyền lớn lao nếu anh có thể có đủ thì thì giờ cắt vấn tôi về những điểm chính yếu. Anh có biết là York đã sống ở đây hai năm không?

Tôi ưa sự trung thành của hẳn đối với York — dù York Harding có là người như thế nào đi chăng nữa. Đây là một sự thay đổi đường lối chuyên môn đi nơi xấu của những anh chàng thông tin viên và sự xuống xã vô ý thức của họ.

Tôi nói :

— Anh uống thêm một chai bia nữa đi, tôi gắng cho anh biết nhiều điều lắm.

Trong lúc hẳn nhìn tôi chăm chú, như một cậu học sinh được phần thưởng, tôi bắt đầu giải thích cho hẳn về tình hình miền Bắc, Hà Nội và hải cảng duy nhất về phía bắc là Hải Phòng. Còn ở đây thì nhiều lửa và khi mùa gặt sẵn sàng thì các cuộc giao tranh đánh lúa gạo bao giờ cũng khởi sự.

Tôi nói :

— Miền Bắc như thế đó. Tội nghiệp thật, người Pháp có thể giữ được nếu bọn Trung cộng không giúp đỡ bọn Việt Minh. Một cuộc chiến tranh trong rừng rậm, chiến tranh trên núi và đầm lầy, một cuộc chiến tranh tại những ruộng lúa, nơi đây anh vừa thò đầu lên cao là địch quân biến ngay, bọn họ chôn khi giới liên và mặc quần áo như nông dân . . . Nhưng anh có thể chết mục trong bầu không khí ẩm ướt tại Hanoi. Người ta đầu có đội bom ở đó. Chỉ có trời mới biết tại sao lại thế. Anh có thể gọi đây là một cuộc chiến tranh có tuyên truyền.

— Và đây là miền Nam phải không?

— Pháp kiểm soát các con đường chính cho đến 7 giờ tối ; sau phần của bọn họ. Thế không có nghĩa là anh được an ninh đâu hay là sẽ không có những tấm lưới sắt tại trước các quán ăn.

Trước đây làm sao tôi có thể giải thích được mọi điều này. Tôi là một chiếc đĩa hát, luôn luôn quay vòng tròn để chờ đợi những

người mới tới — chẳng hạn một nghị sĩ quốc hội đến viếng thăm hay một vị tân bộ trưởng Anh quốc. Đôi khi tôi tỉnh giấc trong đêm khuya và nói rằng : « Lấy ngay trường hợp của những người theo đạo Cao Đài ». Hoặc là Hòa Hảo hay Bình Xuyên — tất cả những quân đội riêng đã bán hồn phận để lấy tiền hay là trả thù. Những người ngoại quốc thấy họ thật tuyệt diệu, nhưng thực ra chẳng có gì là tuyệt diệu trong sự lừa lọc và nghi ngờ lẫn nhau cả.

Tôi nói :

— Và giờ đây có Trương Thế. Ông ta giữ chức tư lệnh quân đội Cao đài, nhưng người ta đưa ông ta lên đồi núi giao tranh với cả hai phe, một bên là Pháp một bên là Cộng sản.

Pyle nói :

— York có viết rằng những gì Đông Phương cần đến là một lực lượng thứ ba.

Có lẽ người ta chỉ cho tôi thấy rõ cái tia sáng cuồng tin đó bằng cách trả lời thật nhanh qua một câu, những âm thanh ma quái của những danh từ nào là Lực Lượng Thứ Ba, Đệ Ngũ Lộ Quân, Ngày Thứ Bảy. Tôi có thể cứu vãn chúng tôi ra khỏi mọi rắc rối, kể cả Pyle, nếu tôi ý thức được chiều hướng của thứ trí óc trẻ trung, không biết mệt mỏi của hắn. Tuy nhiên tôi đã để mặc hắn với những tư tưởng rắc rối về tôi tiếp tục ra phố Catnial như thường ngày. Chính hắn sẽ tự biểu lộ mình về tư tưởng thật sự : màu vàng óng của những cánh đồng lúa dưới ánh nắng nhạt của mặt trời chiều ; những bộ xương của các nông dân rải rác khắp các ruộng lúa, trông như những con muỗi ; những tách trà với cha bề trên già lụ khụ hay với những tấm lịch bán đầu đường ; những chiếc nón của những thiếu nữ đang sửa đường bị mìn nổ tung ; những chiếc áo dài màu vàng óng ánh hay màu xanh da trời trẻ trung của các cô gái miền Nam và tại miền Bắc có những bộ quần áo màu đen hay màu nâu xám và những cuộc bao vây của địch quân trên miền núi và những tiếng đều đều của phi cơ. Khi tôi đến đây lần đầu tiên, tôi đã tính toán khỏi sự bất tay vào việc như một cậu học sinh đánh dấu ngày thi ; tôi nghĩ tôi đã bị dính liền với công trường Bloomsbury và dính liền với bến xe buýt số 73, băng qua khu vực Euston và mùa xuân đến tại địa phương Torrington. Giờ đây, những tàn cây hình nón tỏa rộng trong khu vườn gần ngã tư, và tôi cũng chẳng đề ý. Tôi mong muốn ngày tháng trôi chảy đều đặn với những tin tức nhanh chóng chẳng hạn như một chiếc xe hơi bị nổ tung hay bị ném lựu đạn. Tôi muốn giữ lại hình ảnh của những chiếc quần lụa dài đẹp, chuyển động nhẹ nhàng vào buổi trưa âm thấp, tôi thêm muốn Phượng và quê hương tôi cách xa đây, tính theo đường bộ là 8.000 dặm.

Tôi tạt lại nhà của viên cao ủy, bọn lính Lê Dương đội mũ lưỡi trai trắng và cầu vai đỏ đứng chào; tôi băng qua ngôi giáo đường và quay trở lại với bức tường đen thui của Sở Liêm Phóng Việt Nam, nơi đây người thấy toàn mùi nước tiểu và bất công. Đây cũng chính là một phần của quê hương như những hành lang tối tăm trên những nhà nhiều tầng mà mọi người đều muốn tránh trong thời niên thiếu. Những cửa hàng bán thịt lẫn lộn với những hàng sách gần bờ sông nào là *Tabu* và *Illusion*; và những thủy thủ ngồi uống bia trên vỉa hè, thứ chai dùng để chế tạo bom nộ hóa thật dễ dàng. Tôi nghĩ đến Phụng, người chuyên môn mặc cả từng đồng các về giá tiền cá tại cửa chợ số ba phía bên trái trước khi nàng đến quán (tôi thường hiểu rõ nàng ở đâu trong những ngày đó), và lẽ dĩ nhiên tôi không nghĩ gì đến Pyle. Tôi không nhắc nhở gì đến hẳn cho Phụng nghe khi chúng tôi ngồi ăn cơm trưa trong phòng trông ra ngoài phố Catinat và nàng mặc áo dài hoa đẹp nhất vì đã hai năm nay rồi chúng tôi mới gặp nhau, lần đầu tại tại vũ trường Grande Monde ở Chợ Lớn.

(còn tiếp)

GRAHAM GREENE



Chuyến buồn ngày tết

LÊ VĂN PHONG

Chuyến tàu cuối cùng đến ga Inage vừa dừng lúc Phương đọc hết đoạn cuối quyển tiểu thuyết «Yêu» của Chu-Tử. Xếp sách, Phương nhẹ nhàng bước ra khỏi cửa tàu, lần thân đi về phía nhà ga. Phương nghĩ thầm: Yêu có nghĩa lý quái gì đâu khi con người chưa có một sự nghiệp...

Liên tưởng vẫn vờ với những ý nghĩ không đâu, Phương cứ đi, theo chân và hòa mình với đoàn người trở về chuyến tàu đêm này. Người soát vé nói nhỏ nhỏ mấy câu tiếng Nhật với người hành khách trước mặt chàng, Phương sực nhớ mình chưa trả vé; với một cử chỉ bực tức, Phương trao cho ông ta rồi đi thẳng.

Phương cảm thấy hơi vô lý. Đối với người soát vé mình có oán hờn gì đâu? Mà ngược lại, vẻ mặt đầm chiêu và vui vẻ của ông ta bao giờ cũng gây được cảm tình với mọi người, như mỗi ngày hai buổi Phương đã thấy. Cũng gương mặt ấy, những buổi mai sương mù đi học những chiều tắt nắng ở trường về, đã dành cho chàng những nụ cười hồn nhiên, triu mến và có một tí gì là lạ... bởi chàng là người sinh viên ngoại quốc.

Ánh sáng đèn Neon lạch lạch trên con đường về cư xá; như một chất xúc tác mãnh liệt, đã có tác dụng làm cô đơn thêm tâm hồn chàng Phương đâm ra oán đời, hờn trách. Tiếng chào của người bạn Pakis tan cùng lớp đưa Phương về hiện tại. Khẽ cúi đầu đáp lễ, Phương đi dọc hành lang và thẳng về phòng.

Căn phòng nho nhỏ với lối trang hoàng theo sở thích, cộng với ánh sáng vàng của ngọn đèn để bàn làm Phương cảm thấy vui. Chàng mỉm cười một mình.

Phương tìm ra nguyên nhân sự bức tức. Suốt ngày mòng một Tết toàn là những chuyện vui. Chung qui chỉ tại quang cảnh ga Tsudanuma, với chuyến tàu cuối cùng. — Câu chuyện những người say rượu.

Thoạt đầu, khi mới đến ga Tsudanuma, Phương cảm thấy có vẻ rộn rịp, vui hơn mọi ngày. Những chiếc áo Kimono rực rỡ, đặc biệt dùng vào những ngày đại lễ, thi nhau khoe sắc dưới ánh đèn đêm. Một dịp hiếm có, họa hoằn chỉ có Tết, các cô gái xứ Phú tang này mới mặc Kimono một lần để rồi suốt năm trong bộ đồ đầm của phương trời Âu.

Lại cảnh Tết của xứ người (người Nhật hiện nay ăn Tết theo Dương lịch, chỉ trừ những miền thôn quê hẻo lánh): sửa soạn đón Xuân (Kadomatsu) với những cây tùng, tre bó, bánh Mochi làm bằng gạo nếp; những bó rơm, những trái đào, cam, quýt, ... Những cánh thiệp chúc tết đơn sơ, món quà qua lại giữa bạn bè, thân hữu. Bữa tiệc quên năm cũ Bonenkai, bát mì Toshi-koshi-Soba tượng trưng cho sự thịnh vượng trong năm mới. Chén trà xuân, ly rượu Toso.

Những tiếng Omedeto chúc mừng năm mới hạnh phúc. Tiếng chuông giao thừa vang lên ... Cảnh biên người ở Minh Trị Thần cung, với những đồng tiền kim loại thi nhau bay vào đèn của những người đi cầu may mắn. Cảnh tấp nập ở các đền đài và ở các ga lớn Ueno, Ginza, Shinjuku, Shibuya không làm cho Phương ngạc nhiên. Cái cảnh tượng nghệt thờ đó đối với hơn mười triệu dân Tokyo có thấm vào đâu.

oOo

Ngồi trên ghế đợi tàu Phương mãi mê với quyển tiểu thuyết của người bạn cho mượn mấy ngày qua. Những giòng chữ Việt thân yêu lướt nhanh trước mặt chàng; Phương đọc nhanh để bớt cảm thấy lạnh

Ban đêm nhiệt độ xuống quá thấp, gió nhiều. Chiếc áo «Đại hàn» và đôi găng tay làm chàng dễ chịu phần nào. Tuy nhiên mặt và tai hình như vô cảm giác, cứng đờ. Chiếc bao tay vương vãi, Phương khó khăn lắm mới lật được một trang sách.

Những tiếng buồn nôn của người đàn ông trước mặt làm Phương bực tức. Bực tức vì Phương cố tìm yên lặng mà người kia đã vô tình phá đi. Phương ghép sách nhìn quanh. Chỉ có mấy mươi phút, hai ý nghĩ khác nhau thể hiện trong tâm hồn chàng. Bây giờ Phương mới thấy cảnh ghê tởm của sân ga này: Những người đàn ông còn nặc mùi rượu Sake-Năm ngồn ngang. Ngáy ngủ. Ồi mưa. Mặt đỏ ngầu. Những ngày thường cảnh ấy không phải là thiếu đối với chàng, mà sao hôm nay tự nhiên Phương thấy chán ghét lạ. Dù sao vào những ngày Tết họ cũng cố gắng tránh những cái gì tầm thường kia chứ? Phương lầm bầm: Một nước văn minh! Một quốc gia nào chẳng có cái xấu xa với bộ mặt bên trong của nó. Nước Việt Nam với bóng dáng những người ăn xin đói rách tại bến xe công cộng làm chàng không khỏi buồn... Nước Nhật. Khi còn ở quê mẹ, chàng đã không ca tụng ngót: Giàu mạnh; hùng cường, xinh đẹp. Xứ Phù tang với hoa Anh Đào, núi Phú Sĩ... Cảnh tượng ấy đã biến mất trong đầu chàng, vào những đêm như đêm nay. Bây giờ Phương chỉ nhớ lại những gì, đối với chàng... sao sao ấy.



Câu chuyện một người thanh niên dành chỗ ngồi của một thiếu nữ trên tàu, hoặc dằng phía có hành lang khi đi xuống cầu thang. Trên tàu vợ đứng chông ngồi. Đó là những chuyện thường tình, đã trở thành quen thuộc đối với chàng. Ở xứ Nhật hình như người con gái bị thiệt thòi thủ phận. Có mấy người con trai Nhật biết nịnh đầm bao giờ. Danh từ từ nịnh đầm ở đây Phương chỉ muốn nói đến ý nghĩ tương đối của nó: Một chút lịch sự tối thiểu với phái yếu.

Nhiều người Nhật vô cùng ngạc nhiên khi đặt câu hỏi cho một người ngoại quốc đang sống ở xứ mình. «Anh có yêu nước Nhật không? «Lúc đầu Phương thành thật trả lời dễ mền». Nhưng dần dần hình như người Nhật nào cũng hỏi chàng câu ấy. Có lẽ đến thứ mấy trăm lần. Phương đâm ra chán ngán; chỉ trả lời vắn tắt «Núi Phú Sĩ và hoa Anh Đào đẹp». Hẳn người hỏi không thỏa mãn với câu trả lời ấy, riêng Phương, chàng cũng chẳng vừa ý chút nào. Một dịp tình cờ Phương gặp một sinh viên ban Sử Địa, sau vài câu chuyện nhỏ về quốc gia, người bạn Nhật hỏi chàng: Ở xứ anh «Ông Saigon» làm gì mà nổi tiếng thế? Trời? Sinh viên ban Sử Địa...

Có lần Phương bắt gặp ông sinh viên đang học Pháp văn trên tàu. Giọng phát âm kỳ lạ của anh ta làm Phương chú ý. Phương thử thể chỉ mấy chỗ lầm. Anh ta cảm ơn rồi cùng Phương nói chuyện: Anh ta mượn

Phương cắt nghĩa mấy ngữ vựng trong bài. Phương cắt nghĩa bằng tiếng Nhật, anh không chịu, đòi Phương cắt nghĩa bằng tiếng Anh. Phương bằng lòng nhưng muốn tìm hiểu lý do. Anh chẳng chút e ngại đáp lời: Tôi muốn được "thực tập" cả bài thứ tiếng. Phương sửng người. Vừa lúc đó con tàu đi vào sân ga Akihabara, Phương chào từ biệt, bước xuống xe, mặc dầu chưa đến ga chàng đã định.

Rồi đến câu chuyện một người sinh viên Nhật có về ta đây, hiện ngang ngồi gác chân lên bàn, liếc nữ sinh viên ngoại quốc trong phòng ăn của cư xá Phương ở. Hay cái lối tán gái của các cậu ấy cũng có vẻ mới lạ. Đi «cua» một cô gái (người ngoại quốc) mà trước hết lại hỏi sức khỏe; tuổi tác, bề cao của cô ta bao giờ...

Còn rất nhiều chuyện nhưng Phương đã tạm quên. Riêng câu chuyện những người say rượu đêm nay, Phương không thể nào quên được nó đã vô tình làm giảm bớt cảm nghĩ vui vui thích thú của chàng ngay hôm nay. Một ngày đầu năm nơi đất khách quê người.



Phương nghĩ lại câu chuyện những người say rượu đêm nay. Rượu đã làm cho trí óc họ mất thăng bằng, tạo nên những cử chỉ bất thường, có đôi lúc ngộ nghĩnh, họ không hoàn toàn chủ động lấy mình.

Tiếng còi chuyển tàu cuối cùng vang lên như xé nát bầu không khí ngọt ngào lúc bấy giờ. Chuyển tàu về Chiba từ từ đỗ lại sân ga. Cánh cửa mở, Phương bước lên, nhưng một ý nghĩ từ xa vụt đến làm chàng đứng bước. Mong một Tết! Những người say rượu đáng thương, xa gia đình. Cảnh sân ga vắng lạnh, nguy hiểm. Phương vội vàng xuống tàu, đi đánh thức họ. Có những người tỉnh giấc, ngoan ngoãn bước lên tàu, cũng có những người, đã không biết ơn lại còn nguyên rửa chàng. Phương kiên nhẫn tiếp tục công việc của mình. Khi đánh thức được người cuối cùng thì cửa tàu cũng vừa khép kín. Phương thất vọng, cảm thấy thù oán người trước mặt chàng hơn bao giờ hết... Nhưng cửa tàu lại mở lần thứ hai, Phương dìu người bạn đường lên xe. Ông ta lại bắt đầu ngủ. Tiếng ngáy đều đều như hòa nhịp với tiếng tàu đêm.

Phương ngồi ôn lại hành động của mình. Vui buồn. Nếu chẳng may, chuyển tàu cuối cùng đã đi, trên ga chỉ còn vồn vện có hai người. Và có lẽ đêm nay chàng đã ngủ lại ga Tsudanuma, giữa sương gió trong lúc các bạn đang yên giấc dưới lớp nệm ấm cúng ở cư xá chàng. Rồi Phương nghĩ miên man đến ý nghĩa cái Tết của người Nhật và những gì chàng đã được chứng kiến trong mấy ngày qua...

Quang cảnh Tết Nguyên Đán nơi quê nhà hiện đến với Phương. Những đòn bánh tét ngon lành. Nào lá bánh chưng, bánh rò, bánh ô.... Những khay mứt xinh xinh do bàn tay đưa em gái ngoan của Phương, làm, những chén chè Mai-Hạc thơm phức mùi hoa lái... Phương cảm thấy nhớ ba má, nhớ gia đình, nhớ quê hương vô hạn

Phương liên tưởng đến màu nước u buồn, hờn oán của giòng sông Bến Hải. Huế đẹp và thơ với lăng tẩm đền đài, sông Hương núi Ngự. Những buổi mai trắng cầu Tràng-Tiên, những hàng cây đứng yên đợi gió. Mái tóc thề, tà áo nữ sinh, chiếc nón bài thơ, bánh bèo Nam-phồ,.. Đất Duy-Xuyên với ga Chiêm sơn nhỏ bé. Hội An với Chùa Cầu, Cửa Đợi. Đà Nẵng với bãi biển Mỹ Khê. Tiên sa, núi Sơn chà, nước mắm Nam ô. Tam kỳ với chiếc cầu qua Kỳ Phú. Quảng Ngãi với kẹo gương, với mạch nha mộng nếp. Nha Trang với bãi cát trắng, có rặng Thuyền dương, có Hòn Chồng, Hòn Chữ. Sản phẩm đồi mồi Hà Tiên. Saigon kinh đô hoa lệ.... Ôi quê hương ! Đẹp và đáng yêu biết mấy...

Cái cảnh Phương ngồi giúp má gói bánh Tết của mấy năm trước lại hiện ra. Chàng sung sướng... với giấc mơ đầu năm. Ngoài kia trắng mờ mờ, gió lạnh, tuyết rơi. Chiếc đồng hồ điện trên bàn học gõ nhịp đều đều, ru ngủ Phương, như tiếng hát ru con miền quê mẹ.

Tokyo tháng giêng 1965.

LÊ VĂN PHONG



CÁT BIỂN

LÊ THỊ HÂN

Tokyo

Cát biển mùa mưa mát lạnh. Những cơn gió thổi dài qua bãi vắng người khiến Thiện rùng mình. Trãi tấm áo len lên [cát và] nằm dãi ra đây, Thiện thích những buổi chiều miền biển lạnh. Mặt trời xuống mau cho sao hiện về. Một vùng cát biển màu và đôi thông như được tô đậm màu bằng một bàn tay không lồ.

Một đám trẻ cách chỗ Thiện không xa đang chia phe đánh nhau. Chúng tập làm Samurai. Chúng hò hét, những tiếng vang thoát ra từ còi, ngân rền lên trong vùng biển vắng. Một cậu, có dáng điệu đầu đám to và khỏe mạnh cầm cán cây dài giơ lên cao, hét một tiếng gì nghe không rõ, rồi nện thân cây xuống cát, lăn mấy vòng cùng khúc gỗ rồi lại đứng lên, thẳng người, mặt tỉnh bơ nhìn các bạn, như muốn gom tất cả những tia thần phục ấy về làm của riêng, điểm tô cho thời thơ

ấu của mình. Cậu bé có đôi lông mày thực rậm, kéo nhau chạy đến gần đụng sống mũi. Da mặt màu bánh mật, như những trẻ em miền biển quê mình, nhưng trẻ quê mình đen hơn và chắc hơn. Thiện nhìn đôi má phính phính của cậu bé và cặp đùi đề trần, lẫn những mớ; ngày xưa nếu Đinh-Bộ-Lĩnh có phát cờ lau, dàn trận thì chắc cũng có đôi mắt ấy, đôi mắt long lên sóng sọc, sửa bộ đề hô to cho tụi bạn rạp mình.

Thiện kéo tấm áo che gió, quay hẳn người lại nhìn chúng nó. Lũ trẻ hiếu thắng vô cùng, nhưng trong những cách chịu thua nho nhỏ thấy rõ tính thần phục từng đang từ từ lớn. Đứa nào dù có đang hăng say theo đường gươm của mình mà bị « truyền lệnh » thả gươm thì tự nhiên nằm rạp xuống nhường chỗ cho những tên khác xuất trận. Có một em nhỏ nhất bọn, ý chừng là em cậu đầu đảng; cứ trông đôi mắt ấy cũng có thể đoán được. Em còn nhỏ và thấp, cầm cây gươm đã cao hơn em; nhưng múa lên vẫn nhanh nhẹn như thường. Cậu bé vào trận đã lâu mà chưa thấy bị « hạ ». Bỗng nhiên, lúc Thiện vừa nghĩ đến đấy thì thấy em từ từ hạ gươm xuống, cặp mắt « truyền lệnh » đã hướng về phía em như một ngọn đèn ra dấu hiệu không thể cưỡng lại. Tuy thế em vẫn còn tiếc rẻ, nhìn quanh, bàn tay còn giữ chặt thanh gươm, dù dưới đất một trẻ khác đã chực ra đẩy đề cầm lấy. Khuôn mặt cậu đầu đám bỗng nặng xuống hơn, hai gò má bắt đầu rung rinh và đôi lông mày xếp lại gần nhau. Cậu bé con miệng méo xệch thả gươm xuống, gươm chưa đụng cát đã trở giầy trên tay một em khác, mấn hạn tù binh. Cậu bé ngồi xuống từ từ trên hai đầu gối gấp lại, còn lăm lét nhìn anh đầu đám như có ý chờ một tia « thi ân ». Cuối cùng vẫn không có gì nên em nằm rạp xuống cát trong một dáng điệu vừa mệt mỏi vừa nũng nịu. Khi nó quay người lại thì gặp ngay Thiện. Thiện hưởng ứng lời kêu gọi buồn trong mắt cậu bé đương nhiên phải bỏ cuộc chơi, và năng cũng thôi không theo dõi lũ trẻ còn lại nữa.

Kê cánh tay trái lên cát, cậu bé đặt cằm lên bàn tay mặt, nằm nhìn Thiện đăm đăm. Bề dài của thân hình em vừa vặn như một con hải cẩu trườn mình; nhưng vì em không có bộ áo quần đen như những trẻ thơ miền biển quê nhà Thiện; cho nên khi thấy hai khui chân của em nhíp đều lên xuống, trong bóng tối chột đồ mau hơn; Thiện có cảm tưởng như mình đang đeo kính nhìn lớn sự vật, chứ thực ra em chỉ là một cậu bé con mới biết lật. Trong im lặng hai người nói chuyện bằng mắt, thỉnh thoảng nhếch môi cười. Một lát sau, giữ nguyên vị trí của hai cánh tay cậu bé xoay người về phía Thiện. Cho đến lúc thân hình em nằm song song với hướng của Thiện thì em bắt đầu tuột dài trên cát đến ngang với nàng. Thiện mỉm cười nhìn lối đi chuyện ngộ nghĩnh đó, trông vào đôi mắt đang mở to của em; những vì sao mới mọc ở trên cao kia cũng chỉ sáng đến thế mà thôi. Bé cũng nhìn Thiện cho đến lúc tia nhìn của

Thiện làm bật hai làn môi ấy. Hai làn môi nở rộng để lộ những chiếc răng trắng ngần như bọt sóng đang tấp vào bờ. Hình ảnh trái măng cụt được cắt, nhưng chỉ một góc thôi, những múi măng cụt trắng, thơm, đậm đà ứa ra giữa màu nâu đỏ của vỏ... bỗng nhiên Thiện thấy thêm, nhớ một cái gì đã xa, đã lâu. Mùi nước biển mặn theo gió thoảng hơi. Tóc em không đen, cắt cụt và nằm cao trên đỉnh đầu, chỉ thiếu có một cái cuống nữa thôi; nếu không Thiện sẽ cầm lấy phần cuống đó mà bóp ra để tìm những múi khác trắng hơn, thơm hơn... cho đỡ nhớ. Hơn hai năm rồi, hôm nay là một ngày trong mùa thu thứ ba ở vùng hiem lạ. Thiện bỗng thấy gầy gầy một cảm giác mơ hồ chạy vào thân thể như luồng điện bắt nước. Nỗi nhớ vô bờ trở về. Nàng hỏi em vội vàng, ý chừng muốn trốn chạy cái màu trắng đỏ măng cụt và luồng điện làm tê cảm giác của cái nỗi nhớ vô bờ này:

— Em tên gì?

— Yoshino.

— Máy tuổi.

Yoshino rút từ dưới lên và xóc ra năm ngón tay đầy cát ướt, vẫn chưa đủ nên em vội vàng ngàng đầu cao hơn để chống vào hai khuỷu tay mà dơ thêm hai ngón của bàn tay mặt. Ngón tay út và ngón đeo nhẫn nằm chênh nhau, những ngón tay mập tròn. Thấy Thiện gạt đầu Yoshino xếp những ngón tay lại. Thiện nàng Yoshino ngồi dậy, giữ lấy bàn tay mặt của em và xếp những ngón tay kia để chỉ còn lại có ngón tay cái và trỏ. Bàn tay em cứng lại vụng về. Yoshino không quen lối ra dấu ngón tay kiểu ấy, những ngón tay nằm ngược vị trí quen thuộc của những lần đếm số làm em khó chịu và nhúc nhích liên hồi. Thiện trả lại hai bàn tay cho em và bỗng thấy cái cảm giác gầy gầy đó trở về. Đèn ngoài biển sáng dần, bao thành một đường viền như một chiếc vương miện vĩ đại. Ngồi ở đây Thiện không thể nào định hướng thành phố như những buổi chiều lối còn ở quê nhà chờ biển lên đèn tìm hướng. Đám kia là thuyền đánh cá, bên này là thuyền câu mực, thành phố lấp lánh sáng... lúc này nàng chỉ thấy một vùng bao la ở xa chợt sáng, có nước trước mặt, có những gì giống nhau đó mà khác nhau cũng ở đó; những ngón tay ra dấu cách này hay cách khác, những đốm đèn sáng vàng trên mặt nước...

Cổ một chất gì mát lạnh và êm êm trong lòng bàn tay. Yoshino đang đặt một nắm cát vào tay Thiện và để yên tay em nằm trên cát. Lũ trẻ vẫn còn tiếp tục chơi, hăng say quên cả trời tối, gươm cây vẫn còn múa lia lịa trong khoảng không, thỉnh thoảng chạm nhau, tiếng kêu nghe khô và lạnh, Yoshino quên cuộc chơi thực, nó bé bỏng trong cánh tay Thiện, gối đầu trên tấm áo ấm Yoshino không nói và cũng không nhìn gì hết, dù mắt em vẫn mở, dù hai đồng tử của em không rời

những di động của cát và sóng biển; nhưng nào em có quan tâm gì đến hiện tượng ấy, nước vẫn tấp vào bờ và cát theo đi. Thế giới của em trong như màu mắt, thế giới của em chưa bị khám phá, vì khi cái màn ấy bị kéo ra, qua những tháng năm dài, mắt em sẽ vàng đi, sẽ chong đèn thao thức nhiều đêm đến sáng, sẽ suy tư, sẽ tự hỏi vì sao cát lại theo sóng ra đi, những vì sao không giải đáp ấy nối dài theo cuộc sống của em và đo bằng độ dài của tấm thân và màu gân trong mắt em !

Cứ mỗi lần Thiện nhìn xuống là một lần Yoshino nở miệng cười. Mấy mũi măng cụt loát thơm. Lại cái cảm giác gầy gầy ấy trở về. Nó như ở đâu đây, bao vây lấy mỗi bước đi, nhịp thở của Thiện, nó là tiếng gọi chỉ cất lên có một lần mà âm thanh ngân xa và đọng mãi; đọng mãi, kéo dài hoài, dễ giăng lưới, dễ rình rập đột nhập vào Thiện và ra đi không gây vết tích. Nó không hề làm Thiện đau đớn; nhưng rất nhiều lúc con người sợ những sự khác lạ hơn cái "thường trực" em đã sẵn có. Vì vậy Thiện trách nó bằng mọi cách, dù nó cũng chỉ như cơn gió miền biển mùa thu, lạnh ran rất vì mang chút mặn từ ngoài khơi; nhưng sau đó, khi những hạt muối nhỏ đã đọng yên trên da thịt thì chính các tinh thể đó sẽ khiến mình cảm thấy dễ chịu hơn, thoải mái hơn.

Cây bút lông to tướng đã mạnh bạo tô màu quá thắm trên vạt vật rồi. Cả biển cũng đen, thông đen và cát cũng đen. Chỉ có ánh sáng được người thắp lên thì vàng thành từng đốm. Yoshino đổ nhiều cát vào bàn tay Thiện và Thiện để nó chảy qua kẽ tay như nước suối đặc. Thiện nâng đầu Yoshino dậy, nhìn vào hai vì sao xuống thấp ấy thấy rất nhiều đốm sáng xuất hiện :

— Tại sao em không tiếp tục chơi ? Em bị thua các bạn phải không ?

Hai đốm sáng tắt ngấm, khuôn mặt Yoshino nằm trong bóng tối hoàn toàn, một lát sau lại mang vẻ ánh sáng khác, nhạt hơn và long lanh chất nước :

— Em cũng không biết nữa.

Và Yoshino vụt chạy về hướng đám bạn sau những đụn cát nhỏ, chúng nó đang còn mãi mê tập đàn trận, bóng Yoshino mất hút trong bóng tối lan rộng trên đầu đám trẻ. Thiện kéo tấm áo len vương theo Yoshino đi một khoảng xa. Phủi cát trên áo và khoác vai về phòng.

Một đêm không trăng, một vùng đen mờ ảo. Những ngọn đèn ngoài khơi mới đây Thiện thấy như những viên ngọc sáng trên vương miện đặt giữa đất trời, giờ đây dày hơn, ghép sát vào nhau làm thành một vòng sáng giữa một vùng bóng tối tĩnh thoảng vang sóng. Vùng ánh sáng vàng khép lại đó hung dữ như hai gọng kìm bóp chặt lấy khoảng tối trước mặt Thiện. Sóng vẫn vỗ vào bờ và đem cát ra theo với rất nhiều bọt trắng của nó. Tất cả : biển đen, và xóm nhà và thành phố và v.v..., bị gọng kìm bóp cứng lại — chỉ còn tiếng sóng kêu gào mỗi lau đem cát ra khơi, những tiếng vang ngân rền trong bóng đêm — Tiếng vang đều đều giữa hai gọng kìm càng về khuya càng khép chặt.

Tateyama-tháng 10-1965.

LÊ THỊ HÂN

NGƯỜI EM HÀ NỘI

Anh đang ngồi đây trong vùng ánh sáng lơ mờ của những bóng đèn nê-ông tỏa rộng. Trên cao là vô vàn vì sao và đêm tối chập chùng. Trước mặt anh là giòng sông trái dài yên lặng. Ánh đèn nê-ông phản chiếu trên mặt nước lóng lánh. Giòng sông trái dài như nỗi buồn 20 năm chiến tranh lê thê trên đất mẹ chúng ta. Em ơi anh đang ngồi đây, bên này giòng sông, nghĩ về nửa mảnh đất quê hương bên kia, nghĩ về em mà nghe vô vàn chua xót. Mưa rơi từng hạt nhỏ lay bay như những đường tơ rụng xuống giòng sông, gió lạnh từ bên kia thổi về và về im vắng đang ngự trị chung quanh đưa nỗi buồn vào sâu trong tâm hồn anh. Ôi giòng sông tủi nhục, giờ vẫn vô tình nằm đó, trái dài thân thê mình ra đó như ngang nhiên nói lên sự chia cắt nhục nhã này.

**mùa xuân
bên dòng vĩ tuyến**



TRẦN THẾ THỦY TRIỀU

Em ơi chúng ta sinh ra mang thân phận bất hạnh, gắn liền với thân phận quê hương tuổi trẻ bị đốt cháy tàn lụi dần như diều thuốc. Tuổi trẻ bốc cháy điên cuồng như máu lửa vẫn ngày đêm bốc cháy trên quê hương. Tuổi trẻ đánh rơi những hy vọng xanh tươi để nhận lấy dư vị chán chường cay đắng trên lộ trình đi vào đời đầy bom đạn. Tuổi trẻ hóa đen như những đêm đen dài dẫn dắt năm ôm thân thể một con gái điếm trong một ngõ hẻm hôi hám, của những đêm đen về gác mặt xuống giường, xuống niềm ăn năn, hối tiếc để rơi dần xuống nỗi bơ vơ cùng độ. Tất cả vì đâu hỡi em? Chúng ta bất hạnh sinh ra trong máu lửa, lớn lên trong chiến tranh và bị đem đặt trước một tình trạng đã rồi: sự chia cắt tủi nhục này mà anh đang ngồi đây chứng kiến. Giòng sông năm đó, chán nản, mệt mỏi ngừng trôi. Nỗi ngăn cách đã thật sự đào sâu. Anh ngồi nhìn dòng sông, anh ngồi nhìn chiếc cầu, nghe nỗi uất nghẹn đang chắn ngang trong tâm hồn. Tại sao chiếc cầu không thể nối liền, để trao đổi mà là để nói lên sự chia rẽ: sự ô nhục trắng trợn này? Tại sao chúng ta không thể bước những bước ngắn ngủi qua chiếc cầu đó để có thể đi cùng trên mảnh đất quê hương, hỡi em! Anh cảm thấy một nỗi buồn thê lương sâu kín đang trải rộng trên dòng sông như sương trời lan xóa. Mùa xuân đang bước về đây em. Một mùa xuân mà về trên hai mảnh đất quê hương.

Em ơi em mùa xuân có về trên đất Bắc, mùa xuân có về trên thành phố Hà Nội. Ôi Hà Nội! Hà Nội như người tình anh chưa bao giờ gặp mặt nhưng thấy thương yêu vô vàn, nhớ nhung vô vàn. Anh nghĩ về Hà Nội bằng những giấc mơ tuổi nhỏ, bằng những tưởng tượng khi đọc tiểu thuyết. Hà Nội của «Loan buổi chiều đi ngược lên đê Yên phụ, gió thổi làm tà áo nàng bay phất phới», «Hà Nội của Dũng một đêm trăng neo thuyền trên sông Đà viết thư cho người yêu». Hà Nội với con đường Cổ Ngư những sớm, những chiều hai hàng me rụng lá. Đêm Hà Nội mưa bay, Hà Nội 36 phố phường, 5 cửa ô. Hà Nội của những ngày tiếp thu, những người ra đi, những người ở lại. Anh tìm về Hà Nội bằng những giấc mơ của tâm hồn.

Ôi quê hương chưa một lần anh đi đến nhưng thấy nhớ thương, yêu mến vô vãn. Hà nội bao nhiêu đổi thay rồi, hỡi em! Mắt em có còn đen, tóc em có còn xanh? tháng ngày chia cách đã làm phai pha Hà nội những gì hỡi em. Mùa xuân đêm nay về trên miền đất quê hương của em có còn nguyên vẹn?

Tuổi trẻ chúng ta đắm chìm trong bom đạn. Chúng ta đã bị cướp mất tuổi thơ, chúng ta không có tuổi xuân. Tuổi xuân đã bị lừa đẩy vào trong những bất hạnh, những đau khổ, những tan vỡ của chiến tranh. Chúng ta không có những buổi sớm bình yên theo mẹ đi lễ chùa, không có những đêm trăng sáng thả thuyền trên sông thơ trôi theo niềm mơ ước. Chúng ta không có những đêm nằm ngủ thanh bình trong vòng tay của mẹ, của chị — Đêm thì đến dần dặt 20 năm trời. Chúng ta sống tuổi thơ bằng mơ ước thay cho thực tại đáng lẽ phải đẹp để hương chúng ta. Những ngày tháng theo nhau trôi về biển cả. Tuổi trẻ lớn lên bơ vơ trong chiến tranh. Quê hương tang chúng ta đều bất hạnh. Quê hương là thể đó, thân phận chúng ta là thể đó, là tủi nhục, là đau buồn, nhưng chúng ta phải chấp nhận vì từ chối là từ chối làm những đứa con của mẹ Việt Nam, mẹ đau khổ, mẹ tang thương, mẹ từng đêm máu chảy trên lưng, trên hồn, trên số phận. Em có buồn không hỡi em?...

Bây giờ anh đang ngồi đây. Mùa xuân đang lặn về trên hai miền đất quê hương, xuân không nguyên vẹn, xuân đau buồn, giòng sông vĩ tuyến vẫn nằm dài mệnh mang nỗi sầu chia cắt. Mưa lạnh đang vẩy phủ quanh anh. Mưa đổ xuống hồn anh. Mưa đổ xuống cả hai phương trời. Gió đi về hai bên bờ sông. Sao chúng ta không là gió để đi về trên khắp quê hương?

Sao chúng ta không là sao trên trời để mọc liền nhau không còn ngăn cách?

Âm thanh nức nở của những bài ca mang niềm đau biên giới phát ra từ mây phồng thanh ngân dài trong mưa đêm

như lời ru não nùng của người mẹ Việt Nam, âm thanh ướt đầy nước mắt.

«... Ôi Sông Gianh... hồn mi than khóc, lòng mi đau đớn, giọng mi căm hờn...»

Anh ngồi đây nghe những âm thanh ấy đi vào tâm hồn, ru anh vào nỗi niềm cô đơn thương nhớ mệnh mang.

Em ơi, vượt lên trên màu sắc chính trị, trên chủ nghĩa, danh từ, ý thức hệ những hàng rào con người-tự-tạo-dêm nay anh thả hồn lang thang về thăm xứ mẹ mong gặp em bên kia miền đất quê hương. Biết có tạo được một gặp gỡ nào không hỡi em ! Người em Hà nội.

Qui hơn
TRẦN THẾ THỦY TRIỀU



Hjia

TRÊN VÙNG ĐỒ NÁT

T H O A I K I C H • V I È N L I N H

CÁC VAI : THẢO
 ĐẠO
 THUẬN
 BÀ NHỊ
 LAM

BÀ NHỊ
ĐẠO

Các anh xé hết giấy tờ đi.
Bà Nhị, bà chắc những người bên kia sông là phía
chúng ta tìm đến chứ ?

Chúng tôi là giáo học ở gần đây đồng chí ạ. Có giấy chứng minh thư đây đồng chí xem cho.

NGƯỜI LẠ

(Một lát) Giấy tờ gì mà lộn xộn quá. Các người theo tôi lên trụ sở giải quyết.

BÀ NHỊ
NGƯỜI LẠ

Giấy tờ đảng hoàng đó mà đồng chí.

ÂM THANH
BÀ NHỊ

Cứ việc theo tôi.

ĐẠO

Tiếng nhiều người bước.

Ở đây đáng chừng mới bị bom. Nay các anh nhìn coi đâu đâu cũng đồ nát hết cả.

BÀ NHỊ
NGƯỜI LẠ

Hố bom kia dễ chừng là bom 500 kilô, may cách xa nhà thờ. Không biết đây là đâu mà có nhà thờ hờ bà Nhị?

ÂM THANH
BÀ NHỊ

Tôi cũng không rõ. Có lẽ đồng chí đây biết. Thôi không nói chuyện. Các người đứng chờ đây để tôi trình thượng cấp.

ĐẠO
THẢO
THUẬN
THẢO
THUẬN

Tiếng chân đi xa. Rồi lại quay trở lại.

Kìa họ trở lại. Anh chàng to lớn kia chắc là thượng cấp của họ đấy.

Hắn đeo cái kính một mắt.

THẢO

(Sững sốt) Kìa. Thuận cục, cậu ở đây à?

Thuận cục đây, mà anh là ai?

Thuận, anh quên tôi à.

THUẬN

(Lạnh lùng) À cậu Thảo gần! Tôi nhớ ra rồi. Cậu học cùng lớp với tôi ở Hà-Nội xưa kia. Phải rồi. Tôi thỉnh thoảng vẫn nhớ tới anh và các bè bạn cũ. Không ngờ lại gặp anh ở nơi đây.

THẢO

Cậu qua vùng này làm gì. Những người này cùng đi với cậu à?

THUẬN

Phải đây là bà cô tôi, đây là chú em họ. Gớm, trông cậu oai dữ! Thế cậu làm gì ở đây?

THẢO

(Lạnh lùng) Tôi không có thì giờ nói chuyện. Cũng không thể cho cậu biết được tôi làm gì ở đây. Sao cậu không trả lời câu hỏi tôi?

(Ngạc nhiên) Kìa Thuận.

BÀ NHỊ

Kề ra thật không biết đâu vào mới đâu.
Thời buổi gì mà đảo lộn hoài hoài.

ĐẠO

Thế không xé nữa à ?

BÀ NHỊ

Tôi mệt quá rồi, tùy các anh tính sao thì tính.

ĐẠO

Này Thảo, xé không ?

THẢO

Khoan hãy, (Nhỏ) Có người ! Có người trên bờ sông.

ĐẠO

Tôi nghi họ quá. Sao gã nào cũng đang đẳng sát khí . . .

ÂM THANH

Tiếng chèo thuyền luống cuống.

THẢO

Kìa Đạo ! Quay thuyền đi đâu thế ?

ĐẠO

Quay lại thôi anh ! Tôi nghi họ sẽ bắt mình.

THẢO

Cậu khùng à ? (Quát khế) Quay thuyền lại như cũ, cứ bình thản mà chèo.

BÀ NHỊ

Anh Đạo bình tĩnh đi. Làm thế chẳng khác gì tự tố cáo mình. Mà đã biết họ thuộc bên nào đâu. Kìa sao họ ngắm bắn mình à ? Có phải không kìa, họ cầm súng hay cái gì thế ? 2 tiếng đồng hồ. Sau mỗi tiếng là một tiếng lồm bồm cạnh thuyền.

BÀ NHỊ

(Kinh sợ) Họ bắn mình các anh ơi. Họ bắn mình kìa.

THẢO

Bơi vào đi. Họ gọi mình vào đấy. (Nhỏ) Bà Nhị ơi, cái giấy đó cất kỹ chưa ?

BÀ NHỊ

Anh đừng lo, tôi giấu dưới đáy cái ống vôi ăn trầu rồi, ai mà khám ở đó. Thôi đừng bàn tán gì nữa đi.

ÂM THANH

Tiếng đồ bộ tiếng chân đến gần.

BÀ NHỊ

Chào các ông. Đây là đâu hở các ông ?

NGƯỜI LẠ

(Sắc giọng) Giấy tờ.

BÀ NHỊ

Dạ, chúng tôi có đủ giấy tờ mà. (Do dự) Thưa ông . . . đây thuộc vùng nào kiểm soát ?

NGƯỜI LẠ

A ! Thế ra vùng nào kiểm soát thì các người cũng có giấy tờ hợp pháp cả à ? Phải các người vượt tuyến theo địch không ?

THẢO

Đồng chí không nên nghi chúng tôi thế.

văn học

THUẬN

Cậu đừng lấy làm lạ. Cậu hãy tạm quên tình bạn bè trước kia đi. Tôi đã quên rồi. Bây giờ cậu phải trả lời câu hỏi của tôi. Nếu không, cậu phải trả lời khẩu súng này.

ÂM THANH

THUẬN

Tiếng lên đạn lách cách.

Thế nào, cậu không trả lời được à? Cậu đừng hòng nói dối tôi. Có phải người đàn bà này dẫn đường cho 2 cậu vượt tuyến sang đất địch không.

THẢO

THUẬN

(Hơi ấp úng) Tôi sang Tây Phố.

(To) Tây Phố? Bên đó là đất địch, cậu biết không? Cậu biết là tôi không dung thứ cho những kẻ theo địch chứ. (Giận dữ) Anh em. Mang trói bọn này vào chỗ bãi cát sau nhà thờ cho tôi.

ÂM THANH

THẢO

THUẬN

THẢO

Tiếng hồi hộp.

(To) Thuận cục.

(Lạnh lùng) Cậu không được gọi tôi bằng cái tiếng đó.

Thuận cục, ít nhất anh phải biết tôi sang Tây Phố làm gì đã.

TIẾNG NÓI ĐỀ nó bắt hết cả à. Mau lên.

TIẾNG QUẠT ĐẾN GẦN Ai bơi kia đứng lại.

THUẬN:

Đó là vùng địch chiếm đóng. Cậu sang vùng địch chiếm đóng là có tội.

THẢO

THUẬN

THẢO

THUẬN

(Nhỏ) Thuận, tôi muốn nói chuyện riêng với cậu.

Tôi không có chuyện riêng.

Tôi muốn nói chuyện với cậu về Bình, Bình sát đó.

(Hỏi dồn nhỏ) Sao cái gì Bình sát à? Bình sát làm sao?

THẢO

THUẬN

THẢO

THUẬN

Chắc cậu còn nhớ Bình sát chứ?

Nhớ, nhớ chứ? Bình sát bây giờ ở đâu?..

Tôi muốn nói riêng với cậu.

Được (To) Mấy chú ra bờ sông cạnh gác, để những người này cho tôi.

NHIỀU NGƯỜI Tuân lệnh.

ÂM THANH

THUẬN

Nhiều người bước đi.

Bây giờ cậu nói về Bình sát cho tôi nghe.

THẢO
NHUẬN

THẢO

THUẬN
THẢO

THUẬN
THẢO
THUẬN

THẢO
THUẬN

THẢO

THUẬN

THẢO

(Đùa) Tuân lệnh.

Cậu đùa tôi đấy à? Này Thảo gàn không phải tuân lệnh tôi trong việc này. (Ngượng ngùng) Trong câu chuyện này... chúng ta là bạn. (Nghiêm nghị) Nhưng cậu nhớ là chỉ trong chuyện này mà thôi.

Tôi vẫn tin là không ai có thể biến đổi hoàn toàn tình cảm của chúng ta được, mặc dù trong ba chúng ta, tôi không thân cậu bằng Bình sửt. Hôm nay tôi sang Tây Phố vì Bình sửt.

Cậu nói gì thế? Nó đâu có ở vùng địch? Tôi biết, nó ở một làng cách đây lối 7 cây số, bên kia sông, nhưng vợ nó ở Tây Phố. (Rung động) Lam hiện đang ở Tây Phố à? Cậu còn yêu Lam không.

Sao Lam lại ở vùng địch? Sao Lam lại... Thảo, thế cậu tới đó làm gì?

Cậu tới đó với chúng tôi không? Cậu điên à? Tôi giết hết những kẻ nào đi theo địch.

Thế nào là đi theo địch? Cậu có thể nghĩ rằng thằng Bình sửt đi theo địch được à? Cậu có thể nghĩ rằng cô Lam đi theo địch được à? Cậu có thể nghĩ rằng tôi, và tất cả những đứa bạn thân nhất của cậu, từng chiến đấu sinh tử bên nhau đi theo địch à? Không, không ai theo địch cả. Nếu Lam vượt con sông này, nên tôi nữa, thì là vì chúng tôi đã mệt mỏi với cuộc chiến đấu này rồi.

(To) Không ai được mệt mỏi hết. Tôi sẽ bắn vỡ sọ những đứa mệt mỏi. Cậu không cảm được con người mệt mỏi, nhất là khi con người ấy, có ý thức và thông minh, dù chỉ vừa đủ thông minh để không bị lừa dối. Nhất là... Nhất là người

trên vùng đồ nát

THUẬN

THẢO

THUẬN

THẢO

THUẬN

ÂM NHẠC

THẢO

ÂM THANH
TIẾNG NÓI

BÌNH SÚT
LAM
BÌNH

ÂM THANH
TIẾNG NÓI
LAM

TIẾNG NÓI

LAM

đó lại là một người đàn bà mà cả Bình sút lẫn cậu đều yêu quý! (Đổi giọng) Nay Thuận, nếu Lam vượt vùng giới tuyến cậu có nỏ súng vào nàng không? Tôi... Tôi phải giết những kẻ nào vượt con sông này.

Như vậy là Lam nghĩ đúng. Cô ấy bảo cậu muốn giết cả bạn cậu. Cô ấy bảo chính cậu nỏ súng vào Bình sút.

(Hét) Trời ơi! Sao Lam có thể nghĩ tôi tàn nhẫn như vậy. Tôi bắn nó bây giờ?

Nó đang hấp hối. Chính cậu bắn nó! Nó sắp chết vì một viên đạn của cậu!

(Đang hoảng) Không. Không. Tôi bắn nó bao giờ.

bridge hồi tưởng.

Cậu hãy bình tâm đi, để tôi kể cho cậu nghe. Chắc cậu còn nhớ cách đây lối một tuần, cũng trên con sông này, có một toán người vượt tuyến. Bấy giờ là một đêm mưa lớn. Dám vượt tuyến ấy có Lam và Bình sút mưa gió lớn.

(Hấp tấp) Chúng ta qua sông đi. Mưa gió thế này tại nó không canh giữ gì đâu. Ông Bình, ông để tôi dắt bà, còn ông đi phía sau canh chừng.

Cần thận nhé, nào Lam, em đi trước đi.

Anh cũng cần thận nghe anh.

Thôi đừng nói đi mau lên.

tiếng nước sông xao động.

(Khẽ) Được rồi, khúc sông này dễ mà.

Ông quen đường thì dễ, nhà tôi còn lúng túng giữa sông kia.

Bà cứ theo tôi lùi vào gốc cây kia Ông sắp sang bây giờ.

(Giật mình) Trời ơi. Có người tới.

- ÂM THANH Tiếng bước vội tới gần.
- TIẾNG NÓI Bà chạy theo tôi mau lên.
- LAM Còn nhà tôi. Còn nhà tôi ! Anh Bình.
- TIẾNG NÓI Đề nó bắt hết cả à. Mau lên
- TIẾNG QUÁT ĐẾN Ai bơi kia đứng lại.
- ÂM THANH Tiếng nước xao động mạnh.
- TIẾNG QUÁT Báo cáo đồng chí Thuận ! Có người dưới sông.
- THUẬN Đâu lại tui vượt tuyến à ?
- TIẾNG NÓI Thừa đồng chí. Tối quá tôi không trông thấy. Có lẽ nó ở chỗ kia.
- THUẬN Đưa khẩu tiêu liên cho tôi. (to) A nó kia.
- ÂM THANH liên thanh nổ rền.
- TIẾNG NÓI Thừa đồng chí, đề tui em xuống vớt.
- THUẬN Thôi tối lắm, đề mai tức khắc nó nổi lên mà.
- TIẾNG NÓI Đồng chí bắn suya quá.
- THUẬN Tôi nhìn rõ thằng khốn mà.
- ÂM NHẠC Bridge.
- THẢO Bình bị một viên đạn vào lưng, nhưng may đã lấy được mảnh đạn ra. Lam đi thoát, hiện nay nằm chờ chòng ở Tây Phố.
- THUẬN (Bằng hoàng) Trời ơi ! Tôi không ngờ đó là Bình sút Liệu nó có sao không ?
- THẢO Cái đó tùy cậu. Nếu cậu muốn, nó sẽ chết.
- THUẬN (To) Cậu nói thế là nghĩa gì ? Tại sao cậu cứ nghĩ là tôi muốn giết nó ? Tôi không thù oán gì nó hết.
- THẢO Tôi cũng tin như vậy, song .. (nhỏ) Như chúng ta đều biết, khi đàn bà xen vào câu chuyện... nhất là người đàn bà đó đã khiến cậu đau khổ.
- THUẬN Cậu im đi. Cậu muốn gì bây giờ !
- THUẬN Cậu nói sao ! Cậu chỉ tới Tây Phố thôi chứ ?
- THẢO : Tôi chỉ tới đó thôi.
- THUẬN Nếu đúng thế, tôi đề cậu đi.
- THẢO Cảm ơn cậu.
- BÀ NHỊ Cảm ơn trời tôi tưởng phen này mất mạng ở đây.
- ĐẠO Thôi chúng ta đi.
- THUẬN Khoan đã. Thảo, đúng thế chứ là cậu không đi theo địch chứ ?

trên vùng đồ nát

THẢO

Đúng mà.

THUẬN

Được rồi, thôi cậu đi đi.

THẢO

(Đùa) Này Thuận cục, nếu tôi đi theo địch thật thì cậu tính sao?

THUẬN

(Cười lớn) Không đời nào cậu làm thế cả. Tôi biết cậu từ mười năm rồi mà! Mà này cậu có ý ấy, cậu nên nhớ lại thằng Thuận cục cục sức hồi xưa thì cậu biết.

THẢO

Thôi đi. Cậu có nhân gì Lam không?

THUẬN

Cậu...cậu nói dùm tôi có lời hỏi thăm. Cậu cũng nói dùm cô hiểu rằng tôi không có ý bắn Bình sứ, mặc dù... mặc dù... Thôi cậu đi đi.

THẢO

Hẹn gặp lại cậu.

ÂM THANH

tiếng bước đi xa.

ĐẠO

Anh Thảo, Tôi thấy hân xúc động.

BÀ NHỊ

Chắc hân yêu cô Lam nào đó lắm phải không anh.

THẢO

Tôi tin như vậy. Trông hân có vẻ cuồng tín, nhưng đó chỉ là bề ngoài, chỉ trong một thời gian nào đó mà thôi.

Xưa hân rất cục, nhưng cũng rất mềm yếu. (Thong thả) Tôi còn nhớ Bình sứ thỉnh thoảng làm hân khổ sở lắm. Bình sứ nhỏ bé, yếu đuối, nhưng Thuận cục lại sợ nó nhất, chiều chuộng nó nhất. Chính vì thế mà tôi mang chuyện Bình sứ ra đề lung lạc hân.

ĐẠO

Còn chuyện cô Lam nào đó.

THẢO

Chuyện dài dòng khó nói lắm, nhưng đại khái là cả hai đứa đều yêu một cô bạn cùng lớp, và Thuận cục là kẻ thất bại. Điều khổ cho hân, là tình địch của hân lại là đứa bạn thân nhất. Chính vì thế mà Thuận cục cố ý xa lánh anh em trong nhiều năm nay. Tôi cũng không ngờ gặp lại hân ở đây.

BÀ NHỊ

Thật là rủi mà may, tôi trông thấy cái đầu trọc lốc, với cái kính một mắt của hân đã hoảng hồn. Gớm, sợ phát khiếp, thêm ăn miếng trầu đến vã miệng ra mà không dám động đậy.

- ĐẠO Thì bây giờ bà lấy trâu mà ăn ai cấm.
- BÀ NHỊ (Hoảng hốt) Trời ơi, cái ống vôi của tôi.
- ĐẠO Gì thế, cái ống vôi nào ? Cái ống vôi có dấu tờ giấy hồi cư ấy à !
- BÀ NHỊ Tôi bỏ túi cẩn thận mà. Tôi để túi này mà.
- THẢO Thôi chắc là đánh rơi lúc sắp bị bọn chúng dẫn ra bãi sông rồi ! Nguy hiểm quá.
- ĐẠO Bây giờ phải làm sao ? Hay ta chạy mau lên kéo họ đuổi theo bây giờ.
- THẢO Chắc không xong rồi, không có giấy tờ ấy làm sao vào Tây Phố được. Tính mạng chúng ta là ở tờ giấy đó.
- BÀ NHỊ Khò quá tại tôi cả. Hay... để tôi quay lại ?
- THẢO Bà nên nhớ rằng Thuận cục đa nghi lắm. Hắn hỏi đi hỏi lại là tôi chỉ về Tây Phố thôi chứ, là tôi không theo địch chứ, bây giờ làm sao ?
- ÂM THANH tiếng tù và vọng lại.
- ĐẠO Thảo, cậu có nghe gì không ?
- THẢO Hình như tiếng tù và.
- ĐẠO Phải rồi tiếng tù và. Có lẽ tụi họ đã nhặt được cái ống vôi của bà Nhị rồi ! (To) Anh Thảo chạy đi.
- THẢO Chạy đi đâu ? Thế nào họ chẳng có người canh gác ở đây. Để xem sao đã nào ?
- ÂM THANH tiếng chôn chọc đến gần.
- BÀ NHỊ Thuận cục các anh ơi !
- ĐẠO Anh Thảo Thuận cục kia.
- THẢO Biết rồi. Nhưng chúng ta không còn cách nào hết.
- THUẬN (Hết) Thảo. Đứng lại.
- THẢO (Bình tĩnh) Tôi đứng lại rồi đây.
- THUẬN (Đến gần) Tại sao cậu có giấy của địch cấp (Một lát) Kia tôi hỏi tại sao cậu có giấy của địch cấp ?
- THẢO Đó là giấy hồi cư để vào Tây Phố.
- THUẬN Bà Nhị có phải là bà này không ? Bà bảo lãnh cho hai tên này vào Tây Phố à ? (Quát) Anh em ! Mang mụ này ra bãi sông.
- NHIỀU TIẾNG Tuân lệnh.
- ÂM THANH tiếng chôn chộn rộn.
- BÀ NHỊ Ơ kìa ! Ơ kìa mang tôi đi đâu thế này.

THUẬN
BÀ NHỊ

(Quát) Mang mụ đi.
(To) Anh Thảo, cứu tôi anh Thảo (nhỏ dần) Anh Thảo,
anh Thảo...

ÂM NHẠC

sting.

THUẬN

(Giọng nặng nề) Tại sao cậu dám nói dối tôi? (Hét) Tại
sao cậu về vùng địch? Tại sao hết lớp này đến lớp
kia vượt tuyến? (Giọng chán nản) Tôi không hiểu ra
sao nữa. Các cậu hết tin tưởng rồi sao? Vùng này đã
trở thành một địa ngục đối với các cậu à? Hả? vùng
này đã trở thành một địa ngục à?

THẢO

Tôi cũng không muốn nói dối cậu nữa. Nhưng thà
tôi thoát khỏi đây, hoặc cậu bắn chết chúng tôi đi.

THUẬN
THẢO

Cậu biết tôi bắn vỡ sọ mấy đứa theo địch rồi không?
Tôi biết. Cậu nổi tiếng ở vùng ranh giới này là một
con hùm xám. Tôi biết cậu có thể bắn chết tôi. Nhưng
cậu thử nhìn lại xem. Tôi mà theo địch à? Tôi mà có
thể theo địch à?

THUẬN
THẢO

Nhưng tại sao cậu vượt tuyến. Cậu muốn chết à?
Tôi không theo địch. Tôi cũng không muốn chết.
Nhưng tôi không thể chịu đựng được nữa. Tôi mệt
mỏi lắm rồi.

Tôi hết tin vào những ảo tưởng rồi. Tôi hết bị lừa
dối rồi. (Nhỏ đi). Vả lại, ở đây còn những người như
cậu !.

THUẬN

Sao, cậu nói thế là nghĩa gì? Cậu khinh tôi hả? Thảo,
Cậu khinh tôi hả? Cậu có biết tôi có thể bắn vỡ sọ
cậu ra không? Cậu có biết rằng với khẩu súng này,
tôi có thể chiến thắng bất cứ cái gì không (Hét) Thảo
cậu trông đây!

ÂM THANH
THUẬN

một tràng liên thanh.

(Vẫn hét) Đó, cậu thấy chưa! Tôi sẽ bắn cậu nát ra
như bắn cái gốc cây đó. Tôi cho cậu một phút để
suy nghĩ, hoặc cậu chịu quay lại, hoặc cậu như cái
gốc cây đó. (Một hồi) Cậu nghĩ đi, cậu nghĩ đi, sau hồi
chuông nhà thờ kia là đến lượt cậu...

ÂM THANH Tiếng chuông nhà thờ đồ rền gần đó.

THUẬN (Thở) Họ tưởng tôi lại vừa giết người. Họ cứ việc rung chuông nhưng không vì thế mà tôi không dám giết các cậu (nhỏ) Lần này là lần đầu tôi nỡ súng mà không giết người.

THẢO Lần này người ta hiểu lầm cậu.

THUẬN Có lẽ thế. Tôi cũng đã hiểu lầm cậu. Quả tình cậu đã nói dối tôi. Thảo, cậu cũng nói dối tôi về chuyện Bình sút phải không? Nó không việc gì phải không? Tôi nói dối cậu một phần. Cậu không phải lo về Bình sút nữa. Nó không bao giờ việc gì nữa. Bình sút chết rồi.

THUẬN (Sửng sốt) Nó chết rồi sao? Nó chết bao giờ, Thảo?
THẢO Nó chết đêm hôm kia. Sau khi chôn cất nó tôi mới tới đây.

THUẬN Thảo, nó chết... Nó chết vì tôi phải không?
THẢO Cậu không còn phải áy náy nữa. Tôi biết là cậu không cố ý giết thằng Bình.

THUẬN (Khàn khản) Cậu tin tôi chứ? Cậu không nghi ngờ tôi chứ?

THẢO Không. Tôi tin cậu.

THUẬN Nhưng sao ban nãy cậu bảo nó chưa chết? Sao cậu nói dối tôi.

THẢO Tôi biết cậu thương nó, cậu sẽ đề tôi tới Tây-Phố mang thuốc về cho nó. Vì thế, tôi phải nói dối. Nhưng bây giờ tôi biết là không cần gì phải nói dối nữa. Tôi mệt và chán hết cả mọi thứ ở đây rồi. Tôi đang muốn nghe một hồi chuông chiều hồn. Cậu cứ việc bắn tôi...

THUẬN Thôi được. Tôi đề bọn cậu đi. Cậu đi đi.

THẢO Cậu nói sao?

THUẬN Cậu đi ngay đi.

THẢO Cậu không hối hận đã thả chúng tôi chứ?

THUẬN Tôi đã bảo cậu đi ngay đi.

THẢO Còn người đàn bà dẫn đường cho chúng tôi.

THUẬN Cậu cứ đi trước, tôi sẽ bảo tha bà ta.

- THẢO Thôi chào cậu. Hy vọng gặp lại cậu. À ! Thuận, tại sao cậu lại đeo cái kính một mắt đó ?
- THUẬN (Hết) Xéo đi ! xéo đi !
- ÂM NHẠC Bridge.
- ĐẠO Thôi đi nhanh lên anh Thảo. Tôi sợ hấn đòi ý kiến.
- THẢO Cậu yên tâm. Hấn không muốn giết người nữa. Hấn có vẻ sợ tiếng chuông nhà thờ rồi.
- ĐẠO Tại sao cái kính một mắt làm hấn nổi khùng vậy.
- THẢO Không biết. Cậu có thấy hấn có mặc cảm không. Hấn vừa dữ vừa hiền. Hấn xúc động về những cuộc vượt tuyến.
- ĐẠO Có lẽ vậy. Hấn đã làm một việc gì đó mà bây giờ hấn mới hối hận. Có lẽ về Bình Sứt, về cô Lam hay về chuyện ngăn cản những người vượt tuyến.
- THẢO Có lẽ hấn mất tin tưởng, nhưng không biết làm thế nào.
- ĐẠO Kìa bà Nhị.
- THẢO Chờ bà ấy một chút.
- ÂM THANH Tiếng chọi tới.
- BÀ NHỊ Thôi, đi nhanh lên các anh !
- ĐẠO Hết nguy hiểm rồi bà ơi, bây giờ hết lo rồi.
- BÀ NHỊ Các anh không biết đâu, tôi xem chừng sắp có cái gì ghê lắm.
- ĐẠO Cái gì thế ?
- BÀ NHỊ Anh chàng Thuận cực trông khác lạ lắm. Hấn vừa mở trối cho tôi vừa trừng trừng nhìn tôi qua cái kính một mắt. Hấn giục tôi như đuổi đi vậy. Hấn hét : Đi đi ! Đi hết đi ! (Thở) Sau đó hấn hỏi tôi có thực cô Lan còn ở Tây Phố không.
- THẢO Bà trả lời làm sao.
- BÀ NHỊ Tôi chẳng biết gì về chuyện đó cả, nhưng tôi cứ nói là cô Lam vẫn ở Tây Phố để chờ chồng cô ấy.
- THẢO Đúng thế. Rồi sao nữa
- BÀ NHỊ Anh ta đưa trả tôi cái ống vôi có tờ giấy hỏi cư và cái này.
- THẢO ĐẠO (Ngạc nhiên) Cái kính ! cái kính một mắt ! Hấn có nói gì không ?

BÀ NHỊ

Hắn bảo đưa cho anh Thảo dùm. Hắn chỉ nói thế và lại giục tôi đi ngay. Sau tôi thấy hắn xông xộc xách súng tiến về phía trụ sở gần bờ sông. Hắn sắp quyết định một điều gì quan trọng lắm...

THẢO

Này Đạo, ta có nên dừng lại đây một chút xem sao không...

ĐẠO
NHẠC

Thôi anh, mình cứ việc đi thì tốt hơn...

BÀ NHỊ

Sao chưa thấy động tĩnh gì cả.

ĐẠO

Bà chờ đợi cái gì đó bà Nhị?

BÀ NHỊ

Tôi có cảm tưởng một chuyện ghê gớm gì đó sắp xảy ra.

ĐẠO

Bà sợ hãi đấy. Chắc không có gì nữa đâu. Vùng giới tuyến thì lúc nào chẳng hoang vu đe dọa.

BÀ NHỊ

Không phải vậy. Tôi không sợ điều đó. Tôi...

ĐẠO

(Khẽ) Im, Có người trước mặt!

BÀ NHỊ

Đề tôi đi trước cho. Các anh cứ bình tĩnh đi.

ÂM THANH

Tiếng chân.

BÀ NHỊ

Một người đàn bà các anh à!

ĐẠO

Bà ta đi có một mình à!

THẢO

(To) Lam! Kìa Lam!

LAM

Anh Thảo. Anh Thảo, em nóng ruột quá, em...

THẢO

Em liệu thế. Sao không đợi anh! Đây là Đạo. Đây là Bà Nhị...

LAM

(Nghẹn ngào) Anh Thảo... Anh Bình em đâu?... Anh Bình em đâu Anh Bình ơi!

THẢO

Nín đi nào! Nín đi nào.

LAM

Anh Bình... anh Bình...

THẢO

Nín đi Lam. Nín đi. Mình đã đoán trước như vậy. Mình đã đánh cuộc như vậy mà. Hoặc là thế hoặc là phải sống sung sướng hơn, tự do hơn... Lam phải nghĩ rằng đó là cách chọn lựa đúng nhất của Bình... Nín đi...

LAM

Nhưng em không ngờ lại là anh Thuận. Em không ngờ lại là người đó. Anh đề em đi.

THẢO

Đi đâu. Đi đâu mới được chứ?

LAM

Anh kể em. Em phải gặp mặt con người ấy... Anh kể em...

- THẢO Anh đã gặp Thuận cục. Chính anh Thuận thả anh về đây. Không phải anh ấy cố ý đâu. Lam tin anh đi.
- LAM Tại sao anh tin chắc vậy? Anh đừng nói nữa, anh không biết gì đâu. Em ngờ lắm.
- THẢO Thôi hãy quay về Tây-Phố đã. Ở đây nguy hiểm lắm.
- LAM Không, anh phải nghe em nói xong đã. Em ngờ anh Thuận lắm. Năm ngoái mà anh ấy còn theo em.
- THẢO Cái gì, năm ngoái à?
- LAM Vâng, mới năm ngoái thôi. Em giận quá có giằng co với anh ấy nữa.
- THẢO Liệu em có lầm không?
- LAM Không. Ban nãy anh có thấy anh Thuận có gì khác lạ không?
- THẢO Khác lạ thì có khác lạ. Thuận cục bây giờ hung dữ hơn xưa, nhất là cái nhìn của anh ấy qua cái kính một mắt.
- LAM (Hỏi dồn) Cái kính một mắt à anh! Đúng cái kính một mắt chứ.
- THẢO Đúng thế. Anh không hiểu, có hỏi hần tại sao lại đeo cái một mắt. Hần nòi xung lên. Kìa Lam, em làm sao vậy?
- LAM Tội nghiệp anh ấy. Em nghi oan cho anh ấy... anh ạ. Chính em xua đuổi anh ấy, quăng cái kính ấy vào mắt anh Thuận... Nó vỡ một mắt. Anh ấy... anh ấy khóc. Anh ấy bảo... anh ấy sẽ đeo cái kính ấy suốt đời... đề... đề...
- THẢO Thôi Lam, nín đi. Có cái gì kìa (To) Đạo, có nghe gì không?
- ÂM THANH Một tràng súng liên thanh ở xa.
- ĐẠO Tiếng súng ở khu bờ sông!
- BÀ NHỊ Tôi đã đoán trước mà. Tôi thấy ông Thuận có vẻ định làm cái gì ghê gớm lắm.
- THẢO Tôi cũng cảm thấy thế. Nhưng tôi chưa biết hần định làm gì.
- LAM (Đột ngột) Anh Thảo, anh Thuận có nói gì khi nghe nói về anh Bình em không?

THẢO Có. Anh ấy cứ hỏi dồn mãi. Không có chuyện Bình thì Thuận đã giết tất cả tội anh rồi.

LAM Anh đi lại đó với em không. Em muốn gặp anh Thuận.

THẢO Em định làm gì chớ?

LAM Em muốn anh ấy khỏi phải ân hận nữa. Em muốn cho anh ấy biết em đã hiểu anh ấy, đã tin những điều anh ấy nói.

THẢO Có lẽ anh ấy đã nghĩ đến rồi. Mà Thuận nói gì với em.

LAM Em ngờ anh Thuận có lúc không tốt với anh Bình cũng như có ý nghĩ lăm lăm về em. Anh ấy bảo anh ấy là con người phải tin anh ấy là một con người.

THẢO Thuận còn nói gì nữa không?

LAM Có. Anh ấy nói phải tin anh ấy như tin anh Bình. Anh Bình phải thì anh ấy phải, anh Bình trái thì anh ấy trái.

NHẠC Sting ngắn

LAM

THẢO Kia anh, anh làm sao thế? Anh làm sao thế anh Thảo? Không, anh không làm sao cả. Anh...anh nghĩ đến anh Thuận. Anh ấy sẽ về đây với mình.

LAM Sao anh biết thế?

THẢO Có phải anh ấy bảo sẽ đeo cái kính một mắt suốt đời phải không?

LAM Vâng, anh ấy bảo chỉ khi nào anh ấy chết hoặc chỉ khi nào em hiểu cho anh ấy thì anh ấy mới bỏ ra. Lam, anh Thuận đã bỏ cái kính ấy ra ban nãy. Anh ấy gửi cho anh đây. Chắc anh ấy muốn nói với Lam rằng Bình Sứt phải thì anh ấy cũng phải, Bình-Sứt trái thì anh ấy cũng trái. Anh ấy yêu em như anh Bình em anh Bình em thế nào thì anh ấy cũng như thế. Anh ấy từ nay sẽ theo chúng ta. Thôi ta đi.

HẾT

VIÊN-LINH

ĐÍNH CHÍNH

Trong vở thoại kịch TRÊN VÙNG ĐỒ NÁT của Viên-Linh, vì sơ xuất nên có sự xếp lăm số trang. Vậy xin độc giả đọc trang 106 trước, trang 105 sau. Đa tạ.

V.H.



Hoàng ngày là một

DƯƠNG NGHIÊM MẬU

Ánh trăng bàng bạc trải trên cả một dải cát chạy dài xa tắp, loáng thoáng một vài bóng người đi lại. Bên cạnh chỗ Hoàng và Quân ngồi có một gia đình quây quần trên một chiếc chiếu, người cha nằm gối đầu trên hai cánh tay khoanh lại, người mẹ ngồi dỗ một đứa nhỏ trong lòng, hai đứa con gái khoảng mười tuổi chạy nhảy trên bãi cát. Hoàng nói :

- Sao không thấy anh Dũng đâu ?
- Hắn về ngoài Ninh Hòa từ hôm qua chưa thấy vào, không hiểu sao, mai chắc hắn phải vào vì ngày kia hắn đã phải trở lại đơn vị.
- Anh ấy đóng ở đâu ?
- Trên Lâm Đồng.
- Anh sẽ cùng đi với anh ấy ?
- Không, anh phải trở vào Sài-gòn, có việc chờ anh ở trong đó, xong công việc rồi nếu có phương tiện anh mới đi Đà Lạt, khi đi chắc sẽ ghé chỗ của Dũng, hắn rủ lên đó đi săn ít ngày.
- Ngoài Huế bây giờ ra sao anh ?
- Chẳng ra sao cả, hồi xưa sao thì bây giờ vẫn vậy, thành phố ấy thì có khi hàng thế kỷ may ra mới có cái gì khác đi, trước kia mẹ mẹ thì bây giờ vẫn mẹ mẹ, xưa có vua thì nay có chúa, quanh đi quẩn

ai một ít thằng ma cô lằng nhằng chường mặt ra ngoài cười cười nói nói huyền thuyên xưa kia chúng làm cho Phan văn Giáo thì giờ đi làm cho Cần, Cần chết sẽ đi làm cho thằng khác. Đời sống bưng bít chật hẹp trong những căn nhà thấp, những tường thành, có ai thoát ra khỏi nó thì may còn khá, mà đã đi khỏi thì không còn ai muốn trở lại đó. Bây giờ nếu em có về đó em cũng vẫn thấy in như hồi xưa, có gì đâu... một con sông, một ngọn núi không cây, một cung điện được giữ gìn, những đời sống thâm vụng dâm loạn ần ỉn, anh chưa thấy một nơi nào lại có một cuộc sống kỳ cục như ở đó.

— Anh nhớ là anh đã sinh ra ở đó, sống lên ở đó, ngó bộ nó không à một thành phố quê hương với anh sao.

— Có chứ, nhưng anh không chịu được nó.

— Nếu bây giờ em ở Huế em sẽ hiểu Huế ...

— Ở đây khiến em chưa đủ khổ sao, một thị trấn nhỏ khiến cho bao nhiêu khó chịu vây lấy em, bất cứ ở đâu, trong trường, ngoài phố chỗ nào em cũng thấy em bị vây phủ, nhòm ngó, theo dõi, chừng như không ai muốn cho em yên thân, tất cả mọi người toa rập với nhau đề lên án em, em vẫn tự hỏi: tại sao vậy, họ không có gì để quan tâm mà cứ phải theo dõi đời sống người khác, còn đời sống của chính họ. Trong thành phố cũ hay ở đây, và có lẽ ở bất cứ đâu, em nghĩ chẳng có gì khác, chẳng có gì khác những cái tầm thường. Và chính em, có lẽ chính tại em, đã làm một chuyện không thường, điều này khiến em nhiều lúc khổ tâm, nhưng không thể làm khác được.

— Anh hỏi thật em, em có yêu ông Lĩnh thật không?

— Em yêu ông Lĩnh, anh muốn khuyên em điều gì?

— Khuyên, anh có gì để khuyên, nhưng em có chắc là câu chuyện sẽ đi đến êm thấm, không có gì khiến em phải đau khổ không?

— Em đã bắt đầu khổ rồi, em biết ngay từ đầu rằng em sẽ tự dẫn mình vào một chuyện phiền lưu trong thực tế, nhưng em không thể cưỡng lại được, cưỡng lại những tù túng, dồn ép trong nhiều năm đã nở ra, nó nở ra khiến em choáng váng. Em chợt thấy em lạ hẳn trong gia đình mà từ bao lâu em đã sống. Một ông bố, một bà mẹ kể và những đồ đạc chung quanh trở thành những gì thù hằn với em. Em lắng nghe em trong một thời gian rất lâu và thấy mình loãng tan trong đó, em bắt đầu tự hỏi về những người chung quanh mình. Một ông bố mang danh một nghị sĩ, nay đây mai đó, nói những chuyện lớn lao một cách huênh hoang, tí tiện trong đời sống, em không xét đoán ông là một người cha, em xét đoán ông ở cương vị một người ngoài, em thấy ông không xứng đáng trong địa vị xã hội ông có, đúng như những lời bàn tán vụng trộm rằng ông là một ông quan, một con người phong kiến, một con buôn trong thời loạn. Em không thấy vinh dự về người cha mà ngược lại còn thấy như bị sỉ nhục về những việc ông làm. Về một

bà mẹ kể khiến em bực dọc, bà đã sống thế nào trong quá khứ, trước em không biết đến nhưng nay nghĩ bà là một mẹ tây về già thì em không thể chịu được, em trông từ cách ăn mặc, cách ăn nói cái gì em cũng thấy là mẹ tây khiến em khó chịu. Em thấy em bị vây hãm trong một gia đình rất đáng chán ghét, em thấy em xa lạ giữa những người được coi như thân yêu nhưng thực tình không có một chút thân yêu, không ai coi sóc tới em như một người con, người cháu, không có gì cả, em như một người sống xa lạ, có bao giờ anh cảm thấy như thế không, em không hiểu lý do vì sao xưa kia anh đã không chịu làm con nuôi trong gia đình này, anh có cảm thấy như em cảm thấy trong gia đình này không?

— Lúc trước anh không ở với bác vì anh nhớ nhà, anh sợ em nghĩ nhiều quá, những điều nghĩ chủ quan làm bí hiểm thực tế.

— Vậy anh bảo em phải làm sao?

— Chấp nhận những gì mình có.

— Nhưng em không thấy mình có gì cả?

Quân cười hắc trong cổ họng:

— Em có ông Lĩnh yêu quý...

— Anh lại ngạo em rồi... Em cũng cảm thấy rằng rồi ông Lĩnh cũng xa em, em chỉ có một mình...

Em chỉ có một mình. Tiếng sóng ào trên biển khơi, bao la trong trí não. Em chỉ có một mình, một mình, mỗi kẻ đều một mình, một mình... Quân thấy mình rơi vào một vùng bóng tối. Tại sao thế. Kim nói: em một mình, em yêu anh nhưng anh không yêu em. Anh phải chịu nhận với điều em đó. Em muốn phá tan cái ảo tưởng anh vây phủ quanh anh. Anh muốn nhìn thấy anh không? Anh một mình và em cũng một mình. Bao nhiêu ảo mộng anh buồn bán từ đó đến nay vẫn còn nguyên. Em bất lực, và em phải lựa chọn, em lựa chọn sự bình thường hèn mọn. Và rồi anh, chính anh, anh cũng phải lựa chọn sự hèn mọn như mọi người cùng những cô đơn chất ngất mà hẳn phải chấp nhận như một định mệnh... Phương nói: chú ơi, chú ơi, cháu như người lạ trong nhà, ba cháu, má cháu, chị cháu, các em cháu... tất cả đều lạ với cháu. Dũng hét lên hung bạo: cậu tưởng sao, cậu tưởng sao, mình muốn thả bom cho chết cha chúng nó hết, giết hết và lúc đó, như một thượng đế, mình dựng lại tất cả... Dựng lại tất cả và dựng lại chính mình, mình cũng đã hư hỏng...

Em chỉ có một mình. Anh không yêu em, em hèn mọn và cô đơn Chán xa lạ. Mình cũng đã hư hỏng...

Cơn vầng vất dang cao, dang cao, phiêu diêu và Quân thấy mình chập chờn trong quá khứ, khi bay cao, khi xuống thấp, lúc ngợp

xuống, lúc giữa ánh sáng bao la huyền ảo, lúc kéo dài trong bóng tối thâm u, bùng bít một mùng... Sao lại như thế này? Sao lại không như thế khác? Sao lại là mình? Sao lại là Quân? Sao lại là Kim. Sao lại là Hoàng? Sao lại là Dũng? Sao lại là Linh? Sao lại là Phương... một hôm nào, thuở ấy... thuở nào Quân ơi mày còn nhớ không khi trở về mái nhà xưa... Anh có con mắt của một người đã chết. Tiếng Kim âm vang. Tôi nói, không, anh còn sống, anh còn sống. Thời gian đã qua hơn một năm, cũng trong hàng hiên hẹp này chúng tôi ngồi nói chuyện với nhau. Khi đó hàng hiên tráng xi-măng lâu ngày đã hư, cây trũng cá lớn những chiếc rễ và chiếc thân nặng nghiêng về một phía đã làm nứt nền xi-măng ra từng miếng chỉ cần đưa tay xuống cây nhẹ cũng đủ bóc lên như những tảng cháy nấu bằng nồi gang. Ngăn bờ hiên với con đường đất nhỏ là một hàng rào bằng cây, đầu làm nhọn, trên đó những giấy hoa thiên lý già cỗi leo, sơ sác lá vàng ủa. Ngồi trong hàng hiên hẹp đó, trong con đường nhỏ vắng chúng tôi có thể nhìn thấy trời sao và trăng, nhiều lần tôi mang cảm tưởng được sống lại trong làng quê của thời thơ ấu. Ngày nay trở về, ngồi trong mái hiên cũ đã hoàn toàn đổi khác, tôi thấy tôi đã mất đi một cái gì rất lớn lao rất đầm ấm, rất thương yêu. Anh có con mắt của một người đã chết. Tôi muốn nói với Kim, phải rồi anh đã chết. Cây trũng cá đã bị chặt đi, hàng rào bằng cây không còn cùng với gốc hoa thiên lý già cỗi. Tất cả đã xóa nhòa trên thực tế không để lại dấu tích nào. Bây giờ hiên nhà đã được ngăn với con đường giải nhựa bằng một bờ tường gạch, trên đó đề những chậu cây, nền xi-măng đã được xây gạch men vàng, nơi góc một cụm hoa giấy mọc vươn cao có những chùm hoa màu đỏ tía. Tôi không còn tìm dấu vết nào những kỷ niệm thân mật. Trên cao vẫn nền trời, nhưng ánh sao, vầng trăng nhợt nhạt buồn bã vì ánh điện sáng trong con đường che khuất.

Tôi buột người ngồi lên bờ tường, tôi cũng như một chậu cây cảnh trang trí, nhưng tôi không có cành lá, không có búp non. Tôi lấy ra bao thuốc và châm hút. Trong đời anh có điều gì khiến anh ân hận nhất? Tôi chưa hiểu những ngày tôi đây, trong quãng ngày còn lại còn có những gì khiến tôi ân hận, còn bây giờ, đến năm ba mươi tuổi điều khiến tôi ân hận hơn hết là tôi đã không lựa chọn để chung sống với Kim. Có phải thế không em. Tôi muốn hỏi Kim như thế, nhưng tôi đã lặng im mỉm cười.

Đêm khuya xuống dần, những đứa trẻ chơi đùa trong con đường nhỏ đã lần lượt trở vào nhà, nhiều nhà đã tắt đèn đi ngủ, một vài cánh cửa khép hờ, ánh sáng theo khe cửa chiếu ra ngoài những đường kẻ thẳng. Tiếng nhạc mơ hồ từ một chiếc máy thu thanh nào đó vọng ra. Tôi nhận thấy bên kia đường còn hai đứa nhỏ lúi húi chơi bên một cây

nến nhỏ, chúng đốt nến rồi gắn lên một chiếc cột hàng rào, một đũa lấy giấy đốt rồi ném ra đường, cả hai lặng lẽ ngắm ánh lửa tàn dần tới khi chỉ còn một chút tàn một đũa chạy lại nhặt lên và nhảy nhẩy làm những tàn giấy tung tóe. Tiếng gọi từ một căn nhà phía ngoài, một bóng người đứng đó ngó quanh, tiếng gọi khiến hai đũa nhỏ bỏ cuộc chơi và chạy về phía tiếng gọi. Ngọn nến vẫn cháy trên chiếc cột. Những cơn gió nhẹ tạt qua làm cho đốm lửa lay động, có lúc chỉ còn diêm nhỏ như sắp tắt, sau đó nó sáng trở lại một cách nhỏ bé trong bóng tối của một lầu cầu phía trên.

Vượng từ Phía trong nhà đi ra, tiếng bước chân, tiếng ghế động. Tôi nhận thấy Vượng mang ghế ra ngoài. Vượng tắt bỏ ngọn đèn lớn, tôi không thấy bóng tôi dưới mặt đường nữa. Tôi cố tưởng xem Vượng đang ngồi về phía nào nơi hiên sau lưng tôi. Tôi không dám đoán một cách chắc chắn, có thể ngay nơi cửa ra vào, ngay nơi mà Kim vẫn thường đứng đề nghị đầu vào nhà trong. Bây giờ Kim không còn ở đó, không còn ở trong nhà, không còn ở trong thành phố này nữa. Bây giờ nàng ra sao?

Tôi nhảy xuống đường, phủi bụi nơi quần, vứt bỏ mẫu thuốc rồi quay vào. Vượng ngồi ở mé bên mặt tôi, tôi mở rộng cánh cửa đi vào ngồi nơi chiếc ghế trống phía bên cây hoa giấy ngay trước sổ. Xưa kia chiếc cửa này nhỏ; không có màu xanh như hiện nay. Phải rồi, tất cả đã thay đổi. Kim yêu dấu. Chính là em đã phản bội, chính là em, mới đầu anh đã tưởng em giúp anh phá tan những ảo tưởng, phá tan những mộng mị kéo dài trong nhiều năm, nhưng sau chót, hay là một lúc sáng dậy anh thấy anh mỗi lúc một thêm huyền hoặc, xa lạ, mỗi lúc anh một thấy anh cô đơn hơn... và anh muốn giết em...



Tại sao chúng ta đã phải chấp nhận cuộc sống như thế này? Tại sao mây là người. Tại sao mây không thể thể làm khác? Tại sao mây là một thằng nhược tiểu, mây sinh ra, lớn lên trong chiến tranh và mây bèn mọn như đã lựa chọn.

Tại sao? Tại sao?

Quân thét lên giữa đêm tối bit bùng của thực tại, giữa nỗi bi thương hào hùng, phải rồi như chính mây đã sống, chính mây đã trải qua, chính mây đã vùng vẫy như một kẻ tuyệt vọng. Chính mây, chính mây, mây nhớ không? mây đã...

Tôi trở mình nằm sấp xuống sàn gác, mồ hôi ướt nhẹp trên hai cánh tay hằn ra mặt ván, hơi nóng nồng nực vẫn hàm hấp phả từ trên mái ngói xuống, tôi nghiêng đầu trên gối và mang cảm tưởng ngạt thở như sắp chết, tim đập rộn thảng thốt đầu óc như nổi mọt nhọc. Nó phải chết. Phải rồi nó phải chết. Rồi nó phải bị phanh bụng, nó phải treo lên móc sắt và bị lột da. Tôi nhắm mắt lại, có phải tôi đang trôi trên

một lớp sỏi bị rang nóng, trên một lớp phun xuất thạch vừa phun ra khỏi miệng núi lửa chảy cuộn cuộn xuống thung lũng, tôi trôi lều bều trên đó chờ tan ra, chân tay rời rã như sắp rời ra từng lông ngấn và trí óc tôi chợt sáng lên trong cảm tưởng rời rã tan loãng đó. Nếu một con dao được cầm chắc trong tay dìm vào lưng, nơi trái tim đang thất bộp, dù đã biết mũi dao đã ghim vào đó và tôi không thở nữa, tôi cũng đành chờ đợi để rồi có thể thấy mình bay lên khoảng không trống trải, vô nghĩa đang chờ đợi. Tiếng chân ai đang chạy, đang chạy, đang chạy tới, đang vượt tới, tiếng đập, phải rồi tiếng ai đập, có phải một người mang theo một mũi dao nhọn, tiếng đập dồn rập, ai đó, tiếng cửa thỉnh linh lay động bập bùng sôi sả, ai đó, rồi ra sao, ai đó, tiếng nói vọng lên :

— Cậu Quán, cậu Quân . . . nó bị hạ rồi, hớ bị hạ rồi . . .

Tôi choàng dậy ngó đầu ra khỏi cửa sổ, bác Tư đứng đó tay cầm một chiếc gậy tre nhọn, cời trần mồ hôi nhễ nhại, chiếc quần đùi đen dài khỏi đầu gối, cặp quần trẻ dưới rốn bần thiu :

— Sao . . .

— Họ đang mổ bụng nó, mau lên, cậu định uống huyết nó hả ?

— Bằng cách nào, nó bị hạ bằng cách nào, nó mà bị hạ ?

— Hai phát súng xuyên qua thái dương, phá vỡ sọ, nó gục ngay không kịp chạy. Một phát súng cũng đủ chết, nhưng thầy Năm cho thêm phát nữa cho chắc, nó không kịp chạy nữa bước . . . mau lên.

Tôi quay vào vội lấy chiếc áo cánh rồi chạy xuống thang gác. mở cửa, chạy ra ngoài :

— Thật tôi không ngờ nó bị hạ dễ thế.

— Tôi tưởng nó còn giết vài mạng nữa rồi nó bỏ chạy luôn.

— Thế thì chết tôi, trời hại rồi còn gì, nước đó thì tôi chỉ còn đường bỏ xứ mà đi nếu không vào tù, tan cơ nghiệp... kiêu đó thì trời hại mình rồi còn gì.

Tôi quay lại đóng cửa, khóa lại rồi đi vội theo bác Tư ra lò thịt. Trên khoảng đất trống của lò thịt sáu người đàn ông đang kéo xác con trâu đen về phía lò thịt, họ vừa kéo vừa la, đầu nó bị bẻ một miếng chỗ thái dương, nó nằm nghiêng, một chiếc sừng cây xuống mặt đất thành một rãnh sâu, bác Tư chạy đến giúp một tay, xác con trâu đã vào đến chiếc cửa mở rộng, từ chỗ bị hạ tới cửa hai vết máu chảy dài thấm xuống làn đất, một màu tím, con vật vẫn mở mắt tháo lảo, trên khoảng ừ hai chiếc khoang trắng ướt đẫm máu tươi, trên cuống họng tôi nhận ra con vật còn thoi thóp thở. Nó vẫn chưa chết hẳn, nó vẫn cố thở, nghỉ tay một lúc lấy lại sức, bảy người đã kéo được con trâu vào thoát cửa. Bác Tư nói trong hơi thở hỗn hển :

— Nó làm mình mệt quá.

— Được một là may mắn lắm, phúc bảy mươi đời rồi còn kêu. Tôi chưa bao giờ gặp con nào đáng ngàn như con này, thật đáng sợ. Bây giờ thì cũng thành euc thịt.

Nhanh nhẹn người ta cầm lấy dao, những lưỡi dao sáng loáng và thoảng cái bốn vó con trâu bị tiện khỏi thân. Bác Tư với mũi dao nhọn rạch một vòng quanh cổ, lưỡi dao vừa tằm ăn hết lớp da, rồi từ ức bác đưa một đường dọc theo bụng xuống tới đuôi con vật. Chiếc móc sắt được kéo tới, hạ thấp vừa tằm, chiếc móc sắt móc thủng vào làn da nơi sống lưng, chiếc xích được kéo lên, con vật từ từ thoát khỏi mặt đất :

— Rãy chết cái cho nó đẹp chút chủ mình.

— Chết từ hồi nào còn rãy, lác nhè nhẹ cho nó tụt xuống.

Một người lác giây xích, bác Tư cầm con dao lướt nhẹ mũi vào khe hở nơi bụng toác dần ra, lần ra bị co lên, khối thịt từ từ lộ thoát khỏi rồi rơi xuống như một đồ vật bị rũ khỏi chiếc túi, bây giờ con vật chỉ còn là một khối thịt trắng và tím nằm trên tấm vải nhựa màu xanh bần thiu, hai chiếc thùng lớn được kéo tới bên, bác Tư mở bụng con vật, thọc chiếc ống bơ vào trong bụng móc ra một ống đầy huyết đưa cho tôi :

— Muối kia cho vào một chút, lấy ngón tay khua nhẹ cho tan rồi uống ngay đi.

Ống bơ đầy huyết đỏ tươi chảy từng giọt từ thành ống xuống' tôi dấm một chút muối vào và dùng ngón tay trở thọc xuống đáy ống khua mấy lần rồi đưa lên miệng nốc một hơi, tôi cố giữ không thở để khỏi phải ngửi thấy mùi tanh lợm.

— Mà làm gì đó Quân...

Tôi thót người bủn rủn, chiếc ống bơ rời khỏi tay rớt xuống lần nền xi măng gây tiếng động chát chúa, chút huyết còn lại đồ tung tóe bắn lên quần áo và chân tay tôi. Tôi nhắm mắt lại lấy lại bình tĩnh, không khí bỗng nhiên im lặng khác thường, tôi mở mắt và nhìn thấy Thành, mấy người lạ nhìn ngơ ngác, bác Tư vẫn móc huyết vào chiếc thùng thיע lớn, đầu con trâu đã bị cắt khỏi cổ. Thành nhìn tôi từ đầu đến chân như ngắm nghía một quái vật. Tôi dơ hai tay dính huyết ra trước con mắt ngạc nhiên của Thành, tôi đưa cánh tay lên quệt ngang miệng. Tôi nói :

— Mà đi đâu vậy ?

— Kiểm mà, sao mà uống huyết trâu ?

— Bệnh.

Thành im lặng, tôi niu lấy hai dây xích treo lưng lửng và đu người lên, những dây xích trống không đụng vào nhau tạo thành tiếng

động khô khan gồm ghiếc, những chiếc móc đóng đưa, những chiếc móc để treo những con thịt lên cho được khô ráo.

— Mày ghê sợ sao ?

— Sao không ghê, tao chưa trông thấy cảnh nào đáng ngán như huyết, huyết sống mà mày uống được.

— Mày không ăn tiết canh bao giờ ?

— Tiết canh khác, tiết heo lại còn những bồi trong đó, đằng này là huyết trâu.

— Nó là một con trâu điên đó. Bác Tư nói bệnh tao tại máu nóng quá uống huyết sống có thể khỏi được. Huyết trâu lạnh lắm, nó có thể làm đổi máu trong người mình. Bác ấy khuyên tao, nhất là thứ huyết trâu điên bị giết bất ngờ đọng lại trong bụng tự lại kể cũng gớm thật, mày gọi làm tao giật mình.

Tôi thả người lững lảng theo dây xích, tôi cũng có thể là một con vật khi bị cạo lông, mổ bụng rồi được treo lên :

— Chắc mày chưa vào chỗ này bao giờ ?

— Chưa, hơi và gớm quá, trông cảnh họ làm thịt súc vật tao cũng không chịu được, cũng như cảnh tao ngó thấy trên võ đài, người ta bỗng dùng mang nhau lên đâm đá cho học máu, chết nữa cho khán giả ngồi dưới vỗ tay reo hò, dã man, tao thấy không gì dã man hơn cảnh ấy. Mày thấy vậy không ?

— Không, tao chẳng thấy gì hết. Họ giết súc vật chứ đâu phải giết người. Có nhiều cái hay lắm, lạ nữa là khác. Một con vật bị giết rất dễ, không biết giết một người có dễ vậy không ? Chỉ cần hai người họ giết nổi một con trâu lớn. Cậu thấy bao giờ chưa.

— Chưa.

Tôi nhảy xuống nền xi măng :

— Trước nhất họ cột bốn chân nó vào bốn đoạn xích sắt và tùm vào giữa, ở đó họ buộc vào một sợi xích khác dồng ra ngoài và một người giữ lấy, người hai với một cái búa dơ thẳng cánh lên và đánh xuống giữa sọ, người kia chờ đúng lúc chiếc búa đã đánh xuống liền kéo lại cho xích thít lại, kéo bốn chân dùm vào giữa và cho con vật ngã ra. Chiếc búa đáng phải dùng điệu nghĩa là không làm con vật chết, chỉ làm cho nó bất tỉnh khoảng năm mười phút rồi tỉnh lại, thời gian đủ cho người ta cắt rụng bốn chân con vật, rạch một đường nơi bụng và mình. Chỉ có thể là xong.

Thành lạng lẽ sờ những xích sắt động vào nhau :

— Máy cái móc này có thể dùng để tự tử được.

— Chỉ việc móc vào đúng cổ họng, co chân lên khỏi mặt đất, thế là xong, thật ngon lành.

Thành ra khỏi cửa, tôi theo ra, tôi nói với bác Tư :

— Bác dành lại cho tôi đôi xừng nghe.

— Được, cái đó thì dễ, cậu có muốn nhậu gì không, một ít gan chẳng hạn.

— Thôi, tôi không nhậu gì đâu.

Thành đứng thờ thần trên khoảng đất trống, buổi chiều đang xuống nhọ mặt người. Hai đứa nhỏ đang đánh cầu với nhau, tiếng đứa con gái cười ròn rã. Hai chiếc vợt khua lên, trái cầu trắng qua lại vun vút. Phía nhà ga nền trời đỏ tía. Thành lấy thuốc châm hút, Tôi hỏi :

— Mày có tin gì của thằng Nhiều không?

— Không.

— Tao phiền lòng chuyện này lắm, ông bố nó mới xuống gặp tao ông ấy bảo tao biết nó ở đâu nhưng dẫu, tao cố cắt nghĩa nhưng ông cụ đến lúc về vẫn không tin, ông ấy bảo ông ấy chỉ có mình nó là con trai, các cậu chơi với nó làm hư hỏng nó, nào tao có biết chuyện gì, thế mà ông nhất định bảo tao dẫu điểm ta phải tìm thằng nhỏ bảo nó về, tao không chịu nó làm như thế, chắc mày cũng thấy thế. Tao đoán chừng nó lên đồn điền của thằng Khoan. Không hiểu chuyện gì mà nó lại đi như vậy, tao hỏi ông cụ nó rằng có chuyện gì xảy ra trong gia đình không ; ông cụ bảo không, tao lại ngờ ; lâu nay tao vẫn thấy nó chừng như ám ức chuyện gì nhưng không nói ra, nhất nữa nó không chịu ở nhà như trước.

— Mỗi đứa có những bí mật, riêng tư làm sao mà biết. Có lần nó nói với tao ý định đi xa, tao hỏi đi làm gì, nó bảo không phải là một điều quấy đâu, tao ngạc nhiên hỏi : chuyện gia đình phải không, nó lặng im.

— Tao chắc thế, ông cụ nó mới có thêm một bà vợ trẻ nữa.

— Chắc vậy.

Hai đứa nhỏ đánh cầu đã nghỉ, đèn trong lò thịt đã bật sáng, tiếng nước đổ, tiếng cười nó xen lẫn. Tôi nói :

— Lên phố không ?

— Lên thằng Vượng xem, nói thân với Nhiều, chúng nó hay tâm sự vun với nhau lắm.

— Cũng được.

Trời đã tối hẳn, tôi rời khỏi khu đất trống trở về nhà, Thành đi phía sau im lặng, về nhà mở cửa, tối lấy quần áo và tắm. Tiếng Thành nói :

Tao còn đưa sửa cái xe ngoài kia, tao ra trước, tắm xong mày ra ngay chỗ góc tiệm thuốc tây.

— Được rồi.

Tiếng Thành khép cửa và đi ra. Không khí im lặng bao phủ. Tôi vừa tắm vừa huýt sáo miệng. Tắm xong tôi mặc quần áo và đi ra, Thành đang cầm một tờ báo đứng đọc bên ngọn đèn của sạp báo, người sửa xe đang đập thử cho chiếc xe nổ máy nhưng nó vẫn không nổ, anh ta lại xuống và loay hoay coi lại máy. Tôi đứng bên sạp báo ngó ngang lên những hàng tit lớn những tấm bia báo leo loét. Chiếc xe nổ ròn, người sửa xe kêu lên :

— Được rồi thầy hai.

Thành gấp tờ báo nhỏ lại đưa cho tôi rồi ra lấy xe, Thành móc túi lấy tiền trả, người sửa xe nói :

— Xe thầy phải làm máy lại mới ngon được, nó hư cùng mà. Thầy chạy tạm đi, hôm nào thầy mang lại tôi làm cho mấy bữa sẽ chạy ngon.

— Được rồi, ít bữa nữa tôi mang lại cho anh, lần tôi chưa cho nó dưỡng bệnh mà.

Người sửa xe cười, Thành đập cho máy nổ, tôi ngồi bám lấy eo Thành. Tiếng xe nổ khó chịu, Thành than :

— Có xe cũng khổ, không có cũng khổ.

Phố đèn sáng, xe cộ chen nhau. Những khuôn mặt nhòe nhoẹt không rõ, biết đâu không có Nhiều trong đám người đang chen lấn qua lại chung quanh, nhưng chừng như ai cũng đang chú tâm vào một mục đích ; một ý nghĩ nào đó trên con đường đi tới, họ đi đứng với những bận rộn vây phủ, thúc bách. Chừng như tôi cảm thấy mỗi lúc một tăng sự khốn khổ của con người, họ làm việc, đi đứng, ăn nằm như một cái máy, rồi chết, phải rồi, còn gì nữa đâu, chừng như có ai đã nói, con người là một con vật khổ nhất vì phải làm lấy thức ăn, tệ hơn bất cứ một con vật nào như con trâu, con chó... chúng có cỏ mọc, có phân ăn chỉ việc đi kiếm mà có... Thành chợt hỏi :

— Công việc của mày đi đến đâu rồi ?

— Vẫn còn chờ đợi nhưng có nhiều hy vọng lắm. Việc đó được tao có chỗ ở luôn, trong một vài ngày nữa thì biết.

— Thôi cũng ráng mà chịu.

— Sao lại cũng ráng là thế nào, tao nhận nó như vậy, việc gì tao cũng có thể làm miễn là họ nhận kể cả việc đi làm người ở, tiếc không có vũ để đi làm vũ em mà thôi.

Thành cười rung cả bụng có vẻ khoái trá :

— Được, như vậy, kiếp sau mày có hy vọng là loài có vú, lúc đó sẽ được toại nguyện. Làm loài có vú kẻ cũng hay đấy chỉ sợ xuống địa ngục lại phải đội chậu máu lên đầu.

— Làm hết cái kiếp này chưa khiếp nữa sao mà còn mong tái sinh, thôi khi chết xuống gặp diêm-vương tao xin chữ hai chữ bình yên là hơn cả.

— À cái đó không có, còn phải chờ diêm vương mới biết được, mày đáng kiếp phải làm người lắm.

Đã đến ngõ vào nhà Vượng, Thành cho xe chạy chậm rồi quẹo vào ngõ hẻm ngay phía tay mặt. Căn nhà tôn thấp phía trong cùng là nhà Vượng, tôi nhìn thấy đèn sáng hắt ra ngoài hàng rào cây tới cửa Thành đứng dựa xe, tôi mở chiếc cửa thấp bằng cây bước vào trong hiên, tôi ngó đầu vào trong nhưng không thấy ai, tôi lấy tay gõ vào cánh cửa gỗ, Kim từ trong nhà đi ra thấy tôi nâng kêu lên vẻ mừng rỡ :

— Anh Quân.

— Anh Vượng đâu em ?

— Anh Vượng đi hồi trưa chưa thấy về, chắc anh ấy cũng sắp về rồi. Anh vào trong nhà chơi đợi anh em một chút.

Tôi quay ra nói với Thành :

— Nó đi chưa về.

Kim nhìn ra hỏi :

— Ai vậy anh ?

— Anh Thành.

— Anh Thành, anh ấy đứng trong tối em không nhận ra.

Kim đi ra ngoài, đứng tựa vào hàng rào cây nói :

— Thôi vào trong thành này, chút anh Thành đi có lẽ cũng sắp về.

Thôi để chút nữa anh trở lại.

Tôi đi ra, Kim khép cửa, tôi đứng gần Kim nói nhỏ cho một mình nàng nghe thấy :

Em có biết anh Nhiều đi đâu không ?

Trong bóng tối anh trông thấy đôi mắt mở lớn vẻ lúng túng nàng đưa tay vén mấy sợi tóc trên trán sang một bên, mặt nàng cúi xuống như không muốn nhìn thấy tôi dò xét.

— Anh ấy đi lâu rồi mà anh, em cũng không biết, hôm trước khi đi anh ấy có lại đây ngủ lại với anh Vương.

— Chắc anh Vương biết anh ấy đi đâu?

— Em không biết. Em không nghe thấy anh ấy nói, chuyện gì vậy anh?

— Không.

— Sao anh hỏi anh ấy có về cần vậy?

— Chắc em dấu anh, ông cụ anh Nhiều đi tìm anh ấy, anh không hiểu vì sao anh Nhiều lại bỏ nhà đi.

Xuyến im lặng đáng lo âu, tôi biết Nhiều yêu Kim, tôi chắc Nhiều đi đâu nàng biết. Tôi thấy đứng lại đã khá lâu nên vội nói:

— Chút nữa anh Vương về em nói với anh ấy ở nhà anh và anh Thành sẽ trở lại.

Kim nói rằng yếu ớt, tôi ra ngoài, Thành quay đầu xe, chúng tôi ra khỏi ngõ. phía sau, khi nhìn lại tôi thấy Kim vẫn đứng ngoài hiên chưa trở vào.

Phượng ơi, bây giờ cháu thấy cháu cũng đáng yêu phải không, chú cũng thấy như thế, anh cháu xinh xắn, cháu nói coi xong chú gửi về cho cháu nhưng chú nghĩ có lẽ cũng không cần thiết và chú sẽ giữ nó, chắc cháu sẽ bằng lòng như vậy, trên bàn của chú có một chiếc đèn làm việc, trên chiếc đèn có gắn một cái khung ảnh nhỏ, trước đây chú để ảnh của chú, nay chú để ảnh của cháu. Cháu có muốn vậy không?

Cháu nói, cháu muốn nghe một vài câu an ủi của chú, chú có thể nói gì để an ủi cháu? có điều gì nhất bây giờ cháu thấy cháu không đáng ghét, chú tin cháu sau này sẽ mãi mãi tự tin như thế, cháu phải tin cháu trước nhất đã, và chú giúp cháu điều đó, cháu phải tự tin, cháu sẽ hăng hái đi học. Cháu biết có lúc làm khổ ba má, chú cũng có lúc thấy thế, biết mình đã làm khổ người khác tức là mình đã lớn, đã biết nghĩ và như vậy mình sẽ tránh dần đi được những lỗi lầm và thương yêu những người chung quanh hơn. Cháu không nên quá trách hoàn cảnh, chú còn ở trong những hoàn cảnh khó khăn hơn nhiều cháu nữa. Điều này cháu đã biết. Mà có ai hoàn toàn hài lòng với hoàn cảnh đâu? Chú nghĩ gì về cháu? chú nghĩ cháu đang lớn và khi đang lớn cháu nuôi nhiều mộng đẹp, hay nghĩ mà không có người để tâm sự đó là điều nhiều khi làm cháu thấy tủi thân và tưởng như không ai sẵn sóc đến mình, cháu cần có một người bạn hiểu cháu để giúp cháu, và khi lớn dần lên cháu sẽ thấy khi nhỏ cháu đã thấy nhiều điều sai lạc. Cháu nói cháu ích kỷ. Vậy cháu có để cho người khác ích kỷ không, cháu có muốn ích kỷ chỉ là đặc quyền của cháu không? Với chú, chú để cháu ích kỷ nhưng với người khác cháu nên can thiệp vì mình ích kỷ thì người khác cũng ích kỷ như vậy. Cháu có thấy vậy không? có điều kiện

nay chú chỉ có thư cho một mình cháu. Nghe cháu kể chuyện gia đình chú hiểu một phần nào, có lẽ không hoàn toàn đơn giản như những điều cháu nói và cũng từ đó chú hiểu vì sao thư của chú không có gì cả mà cháu ứa nước mắt, cháu không có người để tâm sự phải không? Nếu có chú ở gần chú có thể mang lại cho cháu điều này, tiếc là chú ở xa quá, liệu những lá thư có mang lại cho cháu điều gì không? Nếu chú không là chú cháu vẫn thương chú, chú rất muốn như thế, cháu cũng chỉ là một người thường như mọi người với những xấu tốt lẫn lộn chứ nào phải là một người ghê gớm hay kỳ lạ gì đâu, nhiều ý nghĩ của cháu như của một người lớn. Cháu mong tới mười bảy tuổi người mình có thành ngữ: mười bảy bẻ gãy xừng trâu, chú mong Tết này có thể về Nha Trang thăm cháu, đi chơi biển với cháu khi bắt đầu tuổi mười bảy, ước muốn của cháu bắt đầu, để tặng cháu một món quà tinh thần.



Phượng ơi, hôm qua chú nghĩ nên gửi cho cháu cuốn sách chú đang đọc, nhưng rồi chú thấy ngại quá, cháu có biết tại sao không, chắc chú sẽ nói chú tiếc cuốn sách, chú ghét cháu... cùng nhiều điều khác nữa. Những thực đó không phải lý do. Lý do là cuốn sách đối với chú có một nội dung không tốt đối với lứa tuổi của cháu, đọc đến đây chắc cháu sẽ cho chú có vẻ cồ hủ, lạc hậu, cháu sẽ nói chú biết như vậy sao chú còn đọc? Thực đó là một điều chú rất khó trả lời. Trên toàn thể đó là một cuốn sách phá đám phá hoại, quấy... hiểu theo nghĩa một luân lý mà cháu và chú đang chấp nhận và sống... Như vậy cháu đọc cuốn sách đó đối với chú là một điều không nên vì nó có những điều có thể hại cho tâm hồn còn nhỏ của cháu vì trong đó chứa đựng những điều dành cho những người lớn đọc. Chú muốn giải ughĩa cho cháu nghe một vài điều mà chú không biết phải nói làm sao, chắc cháu sẽ ngạc nhiên không ít, nhưng sao chú lúng túng quá vì khó nói vô cùng, nhưng có lẽ cháu đã hiểu?

Thay vì giữ cuốn đó cháu chú sẽ gửi cho cháu một cuốn khác, tương đối có một nội dung tốt hơn mà cháu đừng nghĩ chú ghét cháu, chú không ghét cháu như trong thư trước chú đã viết cho cháu, cháu có vui lòng như vậy không?

Cháu biết lúc này là mấy giờ không, 9 giờ 30 sáng chủ nhật, đài phát thanh đang truyền tranh tuyển lựa ca sỹ, radô hàng xóm kêu oang oang, một ngày chủ nhật chú không đi chơi, ngồi nhà viết cháu sẽ biết chú sống buồn biết chừng nào, giờ này người ta đang vui chơi ghê lắm, còn cháu làm gì vào buổi sáng chủ nhật như thế này? Thư trước chú gửi cho cháu đến mai là một tuần, không biết cháu đã trả lời thư chú chưa? Nếu không có gì trở ngại chú sẽ gửi đều cho cháu mỗi tuần một lá thư hoặc dài hoặc ngắn vào ngày thứ hai đầu tuần lễ, như vậy cháu có thấy chú có ghét cháu lắm không, hay là chú yêu cháu ghê lắm?

Nếu cháu ở Saigon sáng hôm nay đến thăm chú thì thích ghê; nhưng cháu ở xa quá, phải không, mà ở Saigon thì cháu có đến thăm chú không?



Bé Phượng, sáng nay chú trở dậy ngồi vào bàn máy, chợt chú nghĩ tới cháu, như vậy cháu có hải lòng không, giờ này nếu cháu đi học buổi sáng thì cháu đang từ nhà tới trường: 7 giờ 15', nếu cháu đi học buổi chiều thì có khi cháu mới thức dậy, cháu có hay ngủ trưa không? chú khi còn đi học luôn đi học trễ, và chủ nhật ngày nghỉ thì ngủ trưa.

Ba giòng phía trên là một bài thơ chú chép vào vì nhớ tới chuyện cháu nói người yêu của con bạn cháu mới chết. Nhiều người vẫn chết và chúng ta vẫn thế. Một hôm nào nghe tin chú chết chẳng hạn. Cháu cũng vẫn sống, vẫn ăn, vẫn thở... chứ còn gì khác? rồi chúng ta đều chết phải không? Đã gần đây năm ngày chú về Nha Trang và gặp cháu rồi bây giờ chắc cháu đã đổi khác, chừng như lớn thêm tuổi người ta buồn thêm ra, cháu có thấy vậy không, mong sao cho cháu không thấy vậy, bây giờ chú cũng buồn và nhiều lo âu hơn ngày chú về ngoài ấy và gặp cháu, gặp chú hỏi đó cháu cũng đã thấy chú già, bây giờ chú già hơn nhiều thế, và buồn nhiều hơn thế, sau này khi gặp lại cháu, chú vẫn không biết sau này có còn cơ hội trở lại Nha trang hay không vì gia đình chú cũng sắp sửa rời vào Saigon. Không biết có khi nào cháu đi Saigon không nhỉ, chẳng hạn cháu học xong trung học rồi vào Saigon học đại học, nếu được thế chắc chú sẽ có lần dẫn cháu đi ăn càrem, đi ăn càrem khi đã lớn là một điều thích thú ghê lắm. Ở Nha trang cũng có càrem nhưng sao chú nghĩ càrem ở Saigon ngon hơn, cháu nghĩ vậy không? Sau này khi gặp lại cháu chắc chắn cả chú lẫn cháu sẽ đều ngạc nhiên nhìn nhau... hoặc không gặp nhau nữa, chẳng hạn chú đi xa, cháu lập gia đình và rời đến một nơi nào đó... Ở trong thành phố này thôi mà có người quen cả năm không hề gặp nhau, huống hồ là mỗi người sinh sống trong những hoàn cảnh khác nhau. Chú hỏi cháu, khi đó có bao giờ cháu nhớ tới chú như hiện nay cháu nói?

(còn tiếp)

DUYNG NGHIÊM-MẬU

VŨNG NƯỚC ĐỤC

ĐỒ TIẾN ĐỨC



Trong sự yên tĩnh của một buổi sáng chưa có ánh sáng chưa có ánh nắng, tôi thức giấc thật nhẹ nhàng. Chiếc máy lạnh vẫn đều đều một âm điệu bình thản suốt đêm, và biến căn phòng này thành mùa đông.

Đêm đầu tiên, với thân thể co ro trong chiếc chăn len không đủ ấm, nhưng vẫn không muốn tắt máy, tôi chợt nhớ tới những ngày cũ ở Hà nội. Kỷ niệm đẹp và nhiều màu sắc như những bức tranh con lợn, con chuột trong phiên chợ mùa xuân. Tôi không thấy khuôn mặt nào đáng ghét. Rồi khi thức giấc để co lại chiếc chăn tôi không nhớ Hà nội, nhưng nhớ Qui-nhơn, với Nguyệt. Bây giờ Qui-nhơn cũng lạnh lắm. Mùa đông có mưa bay.

Tôi đã nhiều buổi sáng vào lớp trước học trò để đứng trước khung cửa sổ, phả hơi vào mặt kính rồi viết chữ Nguyệt bằng đầu ngón tay cái. Nguyệt hỏi tại sao anh lại viết tên em bằng ngón tay cái. Lần thứ nhất tôi trả lời vì trông giống như một họa sĩ cầm cây cọ lướt trên khung vải. Lần thứ hai tôi trả lời vì ngón tay cái tượng trưng sự trong sạch. Khi nào Nguyệt cũng cười.



Tôi rúc đầu vào chiếc gối. Thôi nhớ Nguyệt làm gì. Bây giờ là mùa đông. Qui nhơn lạnh. Nguyệt sẽ ngủ muộn vì Nguyệt chỉ biết cười. Tiếng chiếc máy lạnh vẫn đều đều. Tôi mong ước một giấc ngủ tiếp nối. Làm sao mình ngủ được như Bảo. Khi nào muốn ngủ là ngủ. Không phải chờ đợi, vật vờ. Như vậy có lẽ Bảo sung sướng lắm. Tôi kéo chăn khỏi mặt, để xem khi ngủ Bảo nằm như thế nào. Nhưng thật nhọc nhien, Bảo đã dậy và đang yên lặng với điều thuốc trên môi.

Bảo nghiêng đầu về phía tôi thêm một chút :

— Sáng nào anh cũng dậy từ sáu giờ ?

Tôi gật đầu :

— Tôi đã tự nghĩ tại sao mình trở thành một cái máy dễ dàng thế. Mỗi khi có giường nệm, máy lạnh, cố ngủ thêm mà cũng không được.

Bảo lơ đãng rít một hơi thuốc, rồi nhìn khói bay :
— Chốc nữa tôi sẽ ngủ lại. Bây giờ còn chờ nghe tiếng xe lửa chạy ngang đã.

Bảo tiếp sau một cái nhìn ra ngoài khung cửa sổ :

Đoàn tàu này đi Singapore, cậu ạ Phải hỏi người lính gác cầu mới biết đấy. Hôm qua mình chỉ được nghe tiếng động của đoàn tàu lơ mơ trong lúc ngủ. Tiếc quá. Nay phải dậy sớm, nghe cho được. Cậu có bao giờ đi xe lửa ra miền Trung chưa ?

Tôi liên tưởng tới Nguyệt ?. Những ngày học cuối năm ồn ào. Những câu dặn dò trên sân ga khi tôi về Sài gòn với gia đình. Và một sáng đầu năm, khi một vài cành mai đã bị liệng ra bãi cỏ bên ga, tôi trở lại. Qui-Nhơn với cánh tay chào đón của Nguyệt. Ra đây đánh cá ngựa với em, nhưng cấm không được đá em, nghe chưa. Tôi mỉm cười.

Bảo cũng không cho chờ tôi đáp, anh nói :

— Liệu trong đời mình có được đi xe lửa trên đất nước mình nữa không, cậu nhỉ

Tôi băng quơ :

Phải tin chứ.

Bảo im lặng. Cậu nói của tôi trôi vào buồn tẻ. Tôi cũng biết là tôi thiếu thành thật. quả tình tôi không muốn nói một câu vô duyên để đáp lại cái thắc mắc nhỏ mọn của Bảo. Ao ước được đi xe lửa. Tôi cũng ao ước như Bảo. Có thể Nguyệt cũng ao ước như Bảo. Và biết đâu, ngày nay tôi nhớ Nguyệt là bởi không có những chuyến xe lửa để đi.

Giữa lúc ấy, một tiếng còi hú lên. Tôi nghe tiếng Bảo :

— Tàu tới.

Những tiếng xình xịch của máy, tiếng bánh sắt nghiền trên đường rầy rợn rạng rỡ xô lại mỗi lúc một rõ hơn. Tôi lấy cái hộp chờ đợi của Bảo. Như tâm sự của một người đứng trên ga đón đợi con tàu. Rồi một thoáng, mọi tiếng động đã tan biến. Tôi nhìn Bảo. Chiếc chân đen mỏng màu vàng chum kín tận cổ, và điều thuốc gắn trên môi. Hai tay khoanh sau đầu làm gôi. Mỗi lúc sau, Bảo liệng tàn thuốc vào xô nhà và đọc thơ : *anh tặng em một vòng dây kềm gai. Thứ dây leo của thời đại mới.*

Tôi với tay lấy hộp thuốc *Rohmans*. Không có hộp diêm. Tàu thuốc của Bảo vẫn se khói leo lắt cạnh chân tường. Điều thuốc ngậm trên môi không bị lửa gặm nhấm, trắng nguyên như cục phấn. Máy đưa nhỏ dưới độ thất thường bắt chước cử chỉ các thầy giáo bằng cách ngậm cục phấn xệ một nửa bên miệng và lâu bầu nói, tay chống vào thắt lưng. Nguyệt nhìn tôi mỗi khi hút thuốc : Chắc em không đủ làm anh vui hay sao mà còn phải phì phà làm

Tôi da dỏ thuốc. Bạn bè tra khảo, tôi nói vì có thịt dư trong cò nên hút bị khô, khản giọng giảng bài không được. Cho đến một chiều tiễn nhau trên ga. Nguyệt lại đưa cho tôi bao thuốc. Anh cần phải hút, không đi tàu đêm, lạnh. Điều thuốc đêm đó ấm hơn da thịt và ngọt như hơi thở của Nguyệt. Nguyệt. Nguyệt. Anh yêu em thật nhiều.

Bây giờ mái tóc em ra sao? Em còn nhớ lời chúng mình giao ước không. Khi yêu nhau, Nguyệt để tóc thề. Khi giận dỗi Nguyệt tết tóc thành hai giải để anh biết mà dỗ em. Khi không còn yêu nhau, Nguyệt sẽ uốn tóc theo ý muốn của người đưa em tới tiệm. Ôi những ngày tháng Qui nhơn êm đềm. Anh đã nhìn mái tóc em qua những khung cửa sổ hay thấp thoáng ngoài hành lang để biết tấm lòng em. Nhưng bây giờ, bây giờ...

Tôi vùng trở dậy, ra nhà ngoài kiểm những tờ báo mới. Người đưa báo di chuyển bằng xe mô-tô, đã quen lệ để những tờ báo trên thềm cửa sổ mỗi buổi sáng. Tin tức về những cuộc tranh đua thề thao trong kỳ Đông Nam Á vận hội chiếm gần hết trang nhất với những hàng chữ lớn và những hình ảnh chụp được trên thao trường. Em Pat, mười một tuổi, thuộc Tân gia Ba đã chiếm sáu huy chương vàng về những môn bơi lội. Riêng tin về phái đoàn Việt nam vẫn ở trình độ khiêm nhường trên bản thành tích. Một vài tiếng nói đã đưa được ra giải thích. Việt nam đang ở trong tình trạng chiến tranh. Chiến tranh. Chiến tranh. Việt nam và chiến tranh. Những tiếng ấy ám ảnh suốt từ ngày tôi biết nghĩ đến nay và tiếp đến bao giờ? Những trang báo đang đua nhau quảng cáo hàng Giáng sinh, thì lọt vào những tấm hình Việt nam, với súng đạn và chết.

Thái tới bên tôi, cầm một tờ báo:

— Tin gì lạ không, anh?

— Chúng mình đã biết cả rồi.

Thái kéo chiếc ghế nệm đỏ sát với ghế tôi rồi co cẳng ngồi khoanh tròn. Hai đùi anh hai ống tre bọc trong lần vải. Anh em mỗi khi đùa thường diễn cặp đùi thẳng Thái muốn chiến bơ, thì phải mất mười ký lô bột để tằm. Thái cười chống đỡ yếu ớt. Tại m ăn rau muống mà, cười chi, tội. Thái hỏi:

— Tối qua, em đánh trống được không, anh?

Tôi nhìn triu mẩn:

— Khá lắm. Nghe tiếng vỗ tay của người ta mà tôi muốn ứa nước mắt.

— Em cũng cảm động lắm.

— Còn một đêm nay nữa là về nước. Cố gắng nhé.

— Nghĩ đến lúc về, buồn ghê. Lại ngày hai buổi đi làm. Tối về chui vào hẻm với vợ con. Nóng bức. Đắt đỏ. Nhiều chuyện.

— Bộ tính ở luôn bên này sao.

— Về chứ. Nhưng nói là vì buồn cho nước mình thôi. Có một lần anh nào nói rằng nước mình như một vũng nước đục. Nhớ mãi câu ấy.

Giọng nói của Thái khiến tôi mỉm cười. Không có ai, không một lần nào, so sánh cho Thái nghe Việt-nam là một vũng nước đục. Tự Thái đã bắt chước lời của tôi trong một câu chuyện đêm khuya. Đêm đầu tiên đoàn chúng tôi Kuala Lumpur và ngụ tạm tại Charas Village. Chúng tôi đã ngồi ngoài hàng hiên tới hơn hai giờ sáng để kể chuyện tình. Kể cho với tâm sự và kể để khoe chứ không vì người nghe.

Tôi nhìn Thái hóm hỉnh:

— Lại thêm một vũng nước đục nữa. Cũng hay.

Thái cười với tờ báo. Tay anh lật qua trang thật nhanh vì anh chỉ xem những hình ảnh và cố gắng dịch lôm bôm những giòng chữ lớn. Sau đó, tôi bỏ Thái, ra ngoài vườn bên nhà. Trời chưa có nắng nhưng sáng trong. Màu xanh của hàng rào cây không xén tỉa, của bãi cỏ, của những khóm hoa lan làm tôi thoải mái nhẹ nhõm. Khung cảnh này cũng chẳng khác gì một nơi nào đó của nước mình. Như ngoại ô Saigon. Nếu đâu đây có những đường dây kẽm gai giăng. Có những chiếc xe díp. Có những tiếng ầm ỉ của những tiếng nổ ở một nơi nào hơi xa. Hay những tiếng rền rĩ của từng đoàn máy bay.

Thế mà chỉ còn hai ngày nữa, mình lại về với những cái thiếu sót đó. Về với Việt-nam. Về vũng nước đục. Để tiếp tục đi làm, ăn phở tàu thủy, gọi xe xích lô, trả mười đồng đến Bộ Thanh-

niên... và ngồi ở đó, nhìn những khuôn mặt của ngày hôm đề chờ giờ về, ngủ trưa, và lại ra đường đứng đợi xe xích lô, trả mười đồng đến Bộ Thanh niên... Thiệu ơi, đâu riêng gì mình Thiệu là một con cá lười biếng không cần vũng vầy. Tôi đi khỏi Qui nhơn, từ giã Thiệu, từ giã Nguyệt, từ giã vũng nước đục của Thiệu đề sang một vũng nước đục khác. Sự ra đi của tôi chỉ có một nghĩa như thế, Thiệu tin không.

Giờ đây, còn lại trong vũng nước ấy có Nguyệt của tôi và Thiệu. Thiệu dạy những môn nào cho nhà trường. Và những buổi sáng mùa đông này. Thiệu có vào lớp trước học trò đề phà hơi vào cửa kính, viết tên Nguyệt bằng đầu ngón tay cái. Chắc Thiệu sẽ không bắt chước tôi. Thiệu viết bằng ngón út chẳng? Và Thiệu có giao ước lại với Nguyệt về ý nghĩa của mái tóc? Khi yêu nhau Nguyệt để tóc thề. Còn khi giận nhau, khi thôi nhau, không biết Thiệu đã có thêm những sáng kiến nào cho tình yêu ngoài những lời tôi đã kể Thiệu nghe.

Bóng dáng hai người ấy qua thật mau nhưng đầu tôi vẫn chịu nặng. Tôi bước ra sát hàng rào, bứt một bông hoa lan rồi ném xuống mặt cỏ. Những đường rầy xe lửa ở phía dưới đã bắt đầu đón nhận ánh nắng bằng những mảng lớn.

Một giờ sau, chúng tôi rủ nhau xuống phố. Thanh đòi đi cùng nhóm với tôi;

— Các anh phải cho em đi chung. Em sợ lạc lắm.
Bảo đứa :

— Sợ bị bắt cóc thì có chứ cảnh sát đề làm gì mà sợ lạc.
Thanh phụng phịu :

— Ai thèm bắt cóc em.

Trong lúc dạo phố, Thanh ngăm những món hàng và thường hỏi tôi.

— Anh không mua gì cho chị ư.

Tôi đáp lửng lơ đề hiểu sao cũng được :

— Chị bỏ đi với người ta rồi còn ai đề tặng mà mua.

văn học

Đôi mắt Thanh ngược lên và cười dài. Tôi nghĩ đến đêm nàh trên sân khấu dự thi hoa hậu Việt-nam, có lẽ Thanh cũng đã nhìn về phía giám khảo bằng ánh mắt này.

— Anh sao Em nghe nói chị Nguyệt mới viết thư cho anh, anh đã mang theo đề gởi đầu giường thôi.

— Nhưng không phải là thư tình đâu. Nguyệt an ủi anh và khuyên hãy quên đi. Nguyệt cũng không yêu gì người thanh niên đó, nhưng mà, nhưng mà . . .

Tiếng Thanh cười khanh khách :

— Nhưng mà vẫn lấy nhau chứ gì, anh. Làm thân con gái, ai chẳng mong chuyện lấy chồng. Còn yêu là việc khác chứ. Vì thế em khuyên anh đừng buồn. Tại anh hết. Anh không chịu cưới. Có lẽ chị Nguyệt đã làm như người bạn em là yêu một người đề rồi lấy một thằng.

Tôi nhìn một người con gái Mã-lai đi ngang :

— Kề ra anh đáng hãnh diện lắm.

Thanh :

— Chứ sao. Vậy anh nhớ mua quà cho chị Nguyệt, nhé. Tặng nhân dịp tết, ý nghĩa lắm.

Chúng tôi vào một cửa tiệm bán hàng hạ giá nhân dịp lễ Giáng sinh. Bảo hỏi mua những cây súng bắn bằng pile. Thái chăm chú với những lỗ quần áo trẻ con. Thanh xà tới những tủ kính dựng son phấn. Cửa hàng chật ních người. Hơi lạnh của những chiếc máy từ phía trong phả ra khiến sự mỗi một mau tan biến. Mình có nên mua gì tặng Nguyệt. Khi nhận quà, Nguyệt sẽ nghĩ gì. Thiệu sẽ nghĩ gì. Tôi nhìn thoáng những mặt hàng may áo dài trong suốt chiếc tủ kính dài. Màu vàng... Màu Vàng. Màu áo Nguyệt. Em chẳng cần biết ý nghĩa ra sao nhưng em thích màu vàng lắm. Anh có thích không. Thích. Tại sao ? Anh nghĩ tới màu của những chồi cây mới như, màu cỏ non và màu nắng lúc bình minh.

Tôi cúi đầu, bỏ đi nơi khác. Bây giờ Thiệu cũng biết nói như thế cho màu áo vàng của Nguyệt. Trước đây, tôi và Nguyệt đã nhiều lần giận dỗi chỉ vì những lời nói giữa chúng tôi được người thứ ba nhắc lại. Đề rồi khi giảng hòa, Nguyệt trách cái gì ă

Ông nói lại cho Thiệu biết là làm sao. Anh thích khoe phải không. Tôi xin lỗi Nguyệt. Tại sao anh tin Thiệu. Anh coi Thiệu như bạn thân. Anh thấy cần được nói, Nguyệt buồn. Nhưng em không thích. Và là lời hôn lên thân thể tôi. Ngày mai anh có nói cho Thiệu nghe em yêu anh em ôm hôn anh không. Tôi cười. Có. Tiếng cà phê với Thiệu, tôi lại đốt thuốc để kể cho Thiệu nghe đủ mọi chi tiết.

Thái tới bên tôi với nét mặt hớn hờ :

— Mua được ba cây súng suya quá.

— Xứ Việt-nam chả nhẽ còn thiếu súng đạn mà phải sang đây mua. Rồi tôi cười nói to với cả nhóm :

— Cha Thái định dậy con làm lãnh tụ quốc gia sau này để hẳn được đi xe lửa ra miền Trung đấy, các cụ ạ.

Thái chống chế :

— Tụi trẻ con thấy người lớn đeo súng nên ham, đòi quá. Chứ còn mộng lãnh tụ quốc gia thì, xin lỗi, cần gì phải dậy từ thờ nhỏ.

Bảo cười :

— Đi xứ lạ nên ông anh gân lắm. Ai báo cáo đâu mà sợ.

Thái cười khinh khích, thích mạnh vào sườn Bảo rồi lảng tới quầy hàng khác. Một người bán hàng tò mò nhìn chúng tôi từ nãy, giờ mới lên tiếng hỏi, bằng tiếng anh :

— Các ông từ đâu tới?

Tôi đáp :

— Việt-nam.

Vài ba tiếng Việt-nam truyền từ miệng người này tới miệng người khác đứng dọc theo quầy hàng. Tôi nhận ra đó là những người Tàu. Người đó hỏi tiếp :

— Ông ở Sài gòn?

— Vâng.

Đôi môi người đó chum tròn lại để thoát ra một tiếng ồ. Rồi hai cánh tay dơ ngang, chọi vào nhau diễn tả cho lời nói :

— Chiến tranh. Việt-cộng. Giết. Khủng bố. Hàng ngày.

Cả mấy người xúm lại nhìn chúng tôi từ đầu đến chân. Thanh khẽ nói qua vai tôi :

— Anh bảo tội nó, Việt-nam chiến tranh nên nghèo lắm, bán hàng rẻ đi.

Tôi lắc đầu :

— Nó nghe thấy thì nó chê cái nước Việt-nam mình đến mấy chục đời cho hết.

Thanh không bằng lòng, chau mỏ :

— Không có lợi thì làm gì cho phí lời. Thôi đi hàng khác, mau lên các anh Hai ngày nữa về rồi.

Chừng đến trưa, trên tay mỗi người đều đã xách năm bảy món. Gồm những túi giấy, túi ny-lon, và hộp. Thanh nhờ tôi mang hộ ba gói.

— Gì đây.

— Vải may áo, mặc khi lên sân khấu đó anh. Đẹp lắm. Ờ mà sao anh không mua gì thật ?

— Có.

-- Đâu ?

Tôi chìa cổ tay về phía Thanh :

— Anh mua cho anh chiếc đồng hồ Seiko.

Thanh tỉnh nghịch không thôi :

— Còn đồng hồ của chị Nguyệt ?

— Anh tặng Nguyệt khi anh rời Qui-nhơn, rời cái vũng nước đục đó, chiếc đồng hồ do chính Nguyệt chọn. Tội anh đi gần hết buổi tối mới mua được thứ vừa ý. Mua xong, Nguyệt đưa anh. Anh bắt đầu cho nó một sức sống đi. Anh lên giây xong trao lại Nguyệt. Từ nay, đây là trái tim anh. Em hãy giữ cho trái tim ấy đập mãi, ở bên em, nhé.

Ngón tay trỏ của Thanh phết vào má tôi :

— Lãng mạn quá.

Rồi Thanh tiếp :

— Thế tết này anh có ra thăm chị không ? Ít nhất anh cũng phải ra để xem quả tim của anh ra sao chứ.

Tôi bình tĩnh như độc thoại :

— Quả tim vẫn đập đều. Tình yêu cũng chưa phai, Nguyệt tha thiết nhắc nhiều lần rồi. Nhưng Nguyệt cũng không thoát khỏi bàn tay Thiệu. Người con gái, là phải lấy chồng.

Đêm trình diễn cuối cùng đã qua đi trong những tràng pháo tay. Chúng tôi chỉ còn một nửa đêm để ngủ trên thành phố này. Sáng mai, sẽ ra phi trường thật sớm. Lúc ngồi trên xe từ rạp Balai Bahasa trở về quán trọ, Thanh vẫn không quên nhắc tôi :

— Em để anh viết trong nửa giờ, nhé. Sáng mai trước khi lên máy bay, em sẽ bỏ vào thùng thư tại phi trường. Chị Nguyệt nhất định là sướng lắm.

Bởi Thanh thúc dục nhiều lần nên tôi đã chót hứa sẽ nghe lời Thanh ; viết thư cho Nguyệt. Nhưng suốt từ trưa đến giờ, tôi vẫn băn khoăn, nên hay không nên viết thư cho Nguyệt. Trong giấc ngủ chiều, tôi đã thao thức với trang giấy, với phong thư của Nguyệt nhận được trước một hôm lên đường xuất ngoại. Nguyệt ơi, anh không thể quên được em. Anh yêu em thật nhiều Nhưng còn Thiệu. Còn những cái nhỏ bé và bẩn của một vùng nước đục mà em đang ngập lặn.

Tôi cầm bút ngồi không viết nổi một chữ. Đầu óc thật tỉnh táo và trống rỗng. Hơi lạnh trong phòng đã bắt đầu thấm vào da thịt và chiếc máy vẫn đều đều một nhịp nò. Tôi lên giường kéo chăn kín cò. Qui hơn mùa đông cũng lạnh lắm. Sáng mai, Thiệu sẽ vào lớp trước học trò. Và trong hàng hiên với những vết nắng xiên, Nguyệt sẽ ôm cặp trước ngực, đi đầu hơi cúi để mái tóc thề xoắn thoải hai bên má.

Bảo ném tàn thuốc vào chân tường, vừa ngáp vừa nói :

Ngủ là yên chuyện.

Tiếng Huấn lưng búng trong chăn :

— Ngủ đi sớm mai dậy nghe tiếng xe lửa chứ yên chuyện gì
Tôi toan tắt đèn thì có tiếng gõ cửa. Tiếng Thanh vọng vào

— Xong chưa, anh Đức.

— Một phút nữa.

Tôi gấp tư hai tờ giấy pelure trắng, cho phòng bì, dán lại bằng
nước miếng rồi ra mở cửa.

ĐO TIẾN-ĐỨC



sương mù trên thành phố

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

Chị ngồi yên lặng nhìn ra mặt ao rau muống bên ngoài. Những chiếc lá xanh chòn vờn hình như gió đã bị giữ kín lửa quanh quần bên dưới không lối thoát. Mùi phân lợn từ các chuồng của những nhà chung quanh cất dốc cho trút xuống ao, mỗi ngày Chị đến nghe tiếng dội nước bốc hơi nồng nặc và mặt trời hun nóng càng làm khó thở. Ao nước đặc sánh rác rưởi và các đồ sa thải không thể làm sóng dù những ngày gió lớn, trừ những lúc người hái rau đẩy chiếc thuyền gỗ lật xệt đi hái, làm cho cả bè rau rạp rên rồi những chiếc hoa tím nhạt rạp nát nằm rụi trong đám ruộng không ngóc lên được nữa. Lúc đó, trông mặt ao rau giờ chừng chiếc cuống trắng vừa bị ngắt, giống như những cảm giác cụt đứt trơ trụi.

Nhưng chỉ một hai ngày sau những nhánh non đủ vươn dài, mặt ao lại xanh rờn lớp lá mới. Cảm giác lại được nguy trang lại được che kín dưới mặt ao. Đó là những ý nghĩ, những so sánh, Chí bắt được trong trí não mình những ngày ngồi thiêu người trong cơn buồn bã trống rỗng như trời nắng giữa trưa và âm thấp như buổi chiều khi ngày bắt đầu hết và đêm bắt đầu xuống. Đó cũng là lúc tôi đối diện với chính tôi đối diện với một kẻ muốn được thấy sự có mặt của mình. Sự có mặt ấy đang bị xâm chiếm, đang bị đập vỡ xóa bỏ. Đây là căn nhà chúng tôi đã mua và ở với nhau bằng tiền của cha tôi. Tôi nói tiền của cha tôi, không phải để phân biệt với những đồng tiền khác mà vì nó có một ý nghĩ đặc biệt đối với tôi. Nó có nghĩa như những viên đạn tôi đã tiêu chúng qua lỗ thủng của trí óc. Cha tôi quá giàu và tôi đã không chịu nổi sức bắn của những viên đạn tiền của ông. Chúng đã được bắn ra bất cứ phía nào và tất cả những ai ở quanh ông mà tôi biết, tôi không thấy một kẻ nào có thể chịu đựng nổi. Tôi sẽ phanh phui từng lớp bóng đen trong trí óc tôi để có thể nhìn rõ sự việc. Tôi bị đau đầu và vụng về không thể tìm thấy đúng những chữ mà tôi muốn nói. Vì thế tôi e những điều tôi nói ra sẽ có một ý nghĩ khác. Nhưng dù với một ý nghĩ nào thì nó vẫn đứng ở điểm nó đứng về phía những đồng tiền của cha tôi bắn tôi. Tôi nói chúng ta ở căn nhà này là nói tôi và Hạnh. Chí và Hạnh. Hạnh là nữ thư ký của cha tôi. Trước khi được đứng tên làm chủ một hàng buôn lớn và phát đạt như ngày nay, tôi đã được cha tôi cho tập sự trong hăng của ông với tư cách một người làm công. Ông muốn tôi trước khi trở thành một người chủ phải biết tất cả công việc của các nhân viên. Tôi đã làm đủ mọi thứ việc trong hăng của ông, từ việc tập sổ sách thật và sổ sách ma, công việc kế toán, xuất nhập hàng hóa, bắt mạch thị trường và tạo giá cho thị trường tôi biết phải làm quen những ai, phải chịu tốn kém trong những trường hợp nào để sẽ bắt lấy mỗi lợi nào lúc nào. Tóm lại tôi phải học được ở cha tôi tất cả mảnh khóc để làm giàu. Và tôi cũng đã giàu thật. Nhưng tôi giàu có dễ dàng như thế cũng tại nhờ ở tiền của cha tôi. Ông đã dạy tất cả và cho tôi tất cả cách buôn bán, khách hàng và tiền vốn. Thế lực và tiền bạc của ông vây chặt lấy tôi như một sợi dây thông cổ. Lúc nào, tôi cũng có thể bị giật ngã, bị thất chết. Nhưng thật ra tôi đã không bị như thế. Tôi đã được phủ dụ ngọt ngào, được tự do, vừa ý, nhưng đã hẳn cả sự tự do và vừa ý đó cũng do tiền của cha tôi đem lại. Tôi tiêu tiền, và chỉ những lúc tôi có thật nhiều tiền trong tay để ra, để tất cả vào các cuộc vui chơi cho những đứa thường tự coi như bạn bè của tôi, những đứa trong chốn ăn chơi phải tối mắt tối mũi vì tiếc của, của tôi tiêu đi, chỉ những lúc đó tôi mới tạm thấy tôi có thể đứng thẳng trước mặt chúng nó, những kẻ xa lạ hay quen biết với tôi, tôi đứng vững hay tôi khinh bỉ. Tôi đã bị thua tiền tôi muốn không có kẻ nào trước

có thể chống lại được tiền. Tôi muốn tự chứng minh với tôi một điều : người ta có thể chống lại bất cứ kẻ nào khác hơn mình nhưng khó có thể chống lại kẻ cho mình tiền. Tôi nói khó có thể thay vì đáng lẽ phải nói không thể, người ta không thể chống lại kẻ cho mình tiền, là bởi vì giống như những kẻ tội lỗi thường vẫn tin tưởng vu vơ vào sự trong sạch của người khác, đó cũng là lý do hèn có thể tiếp tục sống và đó cũng là điều giúp hèn nhìn thấy tội lỗi của mình một kẻ phạm tội sẽ thất vọng hơn một người bình thường khi nhìn thấy một kẻ khác phạm tội. Một người ốm sẽ có cảm tưởng thất vọng nhiều hơn khi thấy một kẻ khác còn ốm hơn mình.

Khi còn làm nhân viên cho cha tôi, tôi đã nhìn thấy ông hạ từng người, đặt họ vào dưới sự khuất phục ông, bằng tiền của ông. Chùm chìa khóa mở các két ông cầm trong tay đã mở được cửa phòng của tất cả các nữ thư ký và cả vợ của vài nam nhân viên trong hãng nữa. Ông không dọa dẫm, bắt nạt, mà ông trả tiền. Chữ trả tiền này có một dư vang lạ lẫm trong tai tôi. Tôi cũng đã bắt chước ông, trả tiền, và đã mua được nhiều thứ người ta khó có thể tưởng tượng lại có thể mua bằng tiền. Không có sự khó khăn nào có thể chịu đựng được sự công phá của tiền. Một là nó không có trong cuộc chiến hai là nó sẽ phải chịu thua. Không có trường hợp thứ ba. Bởi thế cho nên bao giờ kẻ có nhiều tiền cũng dễ bị ghét vì hèn là kẻ vô địch. Tôi nói thế không có nghĩa bảo rằng ngoài tiền không còn có một thứ gì có giá trị. Tôi đau đầu, nhưng chưa điên. Mà nghĩ như thế chỉ có thể là ý tưởng của một thằng điên. Lời nói của tôi chỉ thu hẹp và liên quan tới số những người tôi quen biết, những kẻ đó đã cho tôi rút ra được cái kết luận có ý nghĩa tương tự như một lẽ phải kẻ trên, và cái kết luận đủ được rút ra như một thứ lỗi của những số tiền tôi đã bỏ ra tiêu.

Nhưng chuyện của tôi chỉ liên quan đến một người nữ thư ký trong hãng của cha tôi. Hãng có những căn phòng bỏ trống và tùy từng thời gian ông cho các nhân viên đến ở tạm. Thực ra thì mỗi thời gian chỉ có một người, một nữ thư ký ở lại trong hãng. Người này được ông coi như nhân vật thân cận giữ hết những việc liên quan tới hàng hóa, giá cả và tiền nong ra vào hàng ngày của hãng. Chính những số tiền hoàn toàn của ông này đã làm cho người ta chóng mặt vì nó chuyển qua chuyển lại trên tay họ. Nhiều người trong lúc vui chuyện đã nói với tôi là những lúc ngồi đếm tiền cho ông, dù là sau một ngày làm việc, họ cũng quên cả mệt. Tiền nhiều đến nỗi chỉ riêng việc họ ngồi đếm, bỏ lại, rồi xếp vào trong két, khóa, trao chìa khóa lại cho ông, thế. Người nữ thư ký tôi nói ở đây là người được cha tôi tin dùng hơn hết. Khi vào làm việc cho cha tôi, cô hơn tôi 6 tuổi. Tôi hai mươi. Có những hôm ở lại hãng muộn cô thủ thi cho tôi biết cha tôi đã mời

cô đi ăn ở những đâu ngày nào. Tôi hỏi cô, bộ ba tôi thương cô sao? Cô cười, hơi cúi thấp mặt, cử chỉ đặc biệt của cô khi mắc cỡ bảo, chắc ông muốn thưởng công tôi vì thấy tôi chăm chỉ. Tôi cũng cười nói, kể thì cô cũng chăm chỉ thật đấy, nhưng chắc cũng có phần cảm tình chứ. Ba tôi ít khi mời ai. Cô ngược lại nhìn tôi mặt không dấu nổi nỗi vui mừng tiếp, tôi chỉ sợ cậu giận tôi và nói lại với bà ở nhà. Tôi bảo, cô đừng lo, mà tôi già rồi bây giờ bà chỉ còn có mỗi một việc tối tối tụng kinh. Bà không để ý đến những chuyện riêng của ba tôi nữa. Cô hỏi, thế cậu có biết ông thỉnh thoảng mời tôi đi chơi không? Giả thử cậu gặp tôi đi với ông trong tiệm hay ngoài đường cậu có cho như thế là khó chịu không? Tôi nói, tôi chẳng để ý đến chuyện riêng của ai hết. Tôi lo tập sự mọi việc rồi một hai năm nữa tôi bắt đầu công việc riêng của tôi. Cô cười rất xinh bảo, nếu cậu có hăng riêng mà thuê tôi thì tôi sẽ sang làm cho cậu. Ngừng lại một lát cô nhìn tôi như một người lớn nhìn đứa trẻ bảo, kể sinh làm con một lại là con nhà giàu như cậu cũng sướng thật. Tôi nói, cô thấy tôi có sướng gì đâu, tôi cũng làm và lãnh lương như cô vậy. Cô có vẻ không tin lời tôi bảo, cậu cứ nói thế chứ cậu cần gì lương mới có tiền tiêu. Tôi nói, thật mà khi còn đi học ông còn cho tiền tôi, chứ từ ngày đi làm ông nói là tôi phải tự ý dàn xếp chuyện tiêu pha thế nào cho đủ với số lương của tôi, phải tiêu như thế mới biết rõ giá trị đồng tiền kiếm ra nó như thế nào. Cô nhìn tôi có vẻ lấy làm lạ. Lúc ấy tôi thấy cô ta cũng khá xinh với khuôn mặt hơi ngấn, một chiếc răng nanh làm kệnh một bên môi và hai con con mắt to, đen làm nổi bật nước da trắng nõn của cô. Mái tóc uốn dài phủ trên chiếc cổ tròn trĩnh của chiếc quạt trần gió thổi bay phơ phất thỉnh thoảng cô chấp tay ra sau gáy uốn người vặn mình cho đỡ mỏi, tôi nghĩ cô 26 tuổi và tôi buồn cười quá. Cô hỏi tôi, cậu cười gì tôi thế. Tôi nói, chẳng biết rồi khi ra mở hăng riêng tôi sẽ phải xoay sở với công việc thế nào. Giả có cô làm hộ có phải tốt không? Cô ta vừa cười nói, cậu xin với ông đi tôi sẽ sang cho cậu. Tôi chắc ba tôi chẳng cho đâu. Cô cười thành tiếng rồi hình như thấy như thế là suông sã quá nên vội lấy tay che miệng lại bảo, gớm cậu cứ làm như tôi cần lắm ấy. Chưa đến lúc ông đuổi tôi thôi.

Sau đó có một buổi tối đi chơi khuya về, tình cờ đi ngang qua hăng tôi thấy xe của ba tôi đậu bên dưới, tôi nghĩ ba tôi chắc có việc gì bất thường nên cũng mở cửa lên xem. Căn gác không bật đèn. Tôi toan lên tiếng thì nhìn thấy ông và người nữ thư ký trong căn buồng của cô ta. Ông đang đứng xây lưng lại phía tôi mặc lại quần áo còn cô thì nằm nhắm mắt trên giường, nhưng chiếc gối xô bên cạnh, mái tóc rối lòa xòa trên nệm trắng, mặt cô phát hiện một thứ xúc cảm vừa no đầy vừa mỏi mệt, tất cả những hình ảnh ấy được ngọn đèn đọc sách trên

ánh sáng, tạo nên một vẻ vô cùng quyến rũ. Tôi lặng lẽ lui lại và đi trở xuống dưới nhà, ra đường. Và những ngày sau đấy, không thiếu những lúc tôi nhìn thấy chiếc xe của ba tôi đậu trước cửa hàng các buổi tối.

Người nữ thư ký mang thai. Nàng là Hạnh, là tiền, là vợ tôi bây giờ. Căn nhà nhỏ vùng ngoại ô là nơi chúng tôi sống với nhau những ngày đầu như thi hành một phía, điều kiện của cha tôi. Hạnh sinh đứa con năm tháng sau ngày cưới. Chúng tôi phải sống với nhau vì đã nhận điều này. Vì thế, dù đã có một sản nghiệp khá lớn, có nhà riêng trong thành phố, chúng tôi vẫn giữ lại căn nhà này để thỉnh thoảng đưa nhau về đây ở một hai ngày. Tôi tới vào những hôm đầu đau quá và Hạnh tới để săn sóc cho tôi, tôi như một người không có dĩ vãng và chúng tôi tập yêu nhau, tập quên và tập xót thương.

NGUYỄN ĐÌNH TOÀN

CÁO LỖI

Một số bài của các tác giả thân mến đã dành cho V.H. số xuân và tòa soạn đã sắp chữ nhưng tới phút chót không in được vì tình trạng giấy in khó khăn. Tòa soạn phải dành những bài trên cho số báo tân niên. Mong các tác giả thứ lỗi, và bạn đọc thông cảm. Đa tạ.

VĂN - HỌC

Chúc Mừng

Nhân dịp **DƯƠNG KIỀN** (Dương Thứ Lang) nguyên chủ bút Văn Học vừa thành hôn cùng cô **TRƯƠNG KIM ANH**. Hôn lễ cử hành ngày 15-1-1966 tại Saigon.

Thân chúc **DƯƠNG - KIỀN — KIM - ANH** nhiều hạnh phúc.

Ông Bà **PHAN KIM-THỊNH**
và Ban biên tập Văn-Học

**KHÔNGGIAN — THỜIGIAN
VÀ CONNGUỒI**

hay

NHỮNG VẤN ĐỀ CĂN BẢN

của

TÂN TIẾN-HÓA-LUẬN

(NÉO-ÉVOLUTIONNISME)

... Les gens hâtifs et éphémères s'étonneront et se scandalisent qu'en une heure où le temps presse, où les décisions menacent, un livre ait été écrit pour sortir de l'actualité et pour tenter de reposer le problème dans ses données éternelles. Mais c'est que l'éternité reste le plus court chemin d'un temps à un autre : l'actualité souvent dévie et ne compte pas ses erreurs.

ROBERT ARON,
« Retour de l'Éternel »,
Édition Albin Michel.

... Những người vội-vã, những kẻ phù-du sẽ ngạc-nhiên và bức-bội vì trong giờ-phút khẩn-trương, với những quyết-định đầy đe-dọa, mà lại viết một cuốn sách ra ngoài thời-gian để thử đặt vấn-đề trên những dữ-kiện vĩnh-cửu. Có biết đâu vĩnh-cửu là con đường ngắn nhất từ thời này qua thời khác : thời-cuộc thường lạc-hướng và có vô-số lỗi lầm,

VẤN - ĐỀ BIẾT HAY TRI - THỨC

Lần nhất-kiến giáo-sư Nguyễn-Văn Trung tại nhà Thế-Uyên nhân dịp phát-hành tập truyện «Ngoài Đêm», tôi được anh Trung nói thẳng với một giọng thân-ái có ngụ một i trách-móc : «Anh ở trong quân đội mười mấy năm mà không viết gì về quân-đội lại đi viết về Camus !» Tôi hiểu i anh Trung muốn bảo tôi sao không viết về những vấn-đề thời sự mình đang sống, mà lại viết về những chuyện đầu đầu ; sao không nhập-cuộc mà lại đứng ngoài.

Tôi nghe anh Trung nói, thấy trông người sồn-sang, tưởng chừng như sắp trả-lời anh dài-dòng nhiều lắm, song lại chỉ nghe thấy tiếng mình nói vồn-vẹn : «Tôi cũng muốn viết về những sự thực trong quân đội, nhưng nhận thấy nếu viết ra cho trung-thực thì phải phũ phàng gấp mấy mươi lần Thế-Uyên, nên viết không được. Vả-lại, có những sự thực không nên viết... để giữ ảo-vọng cho mình... và tin-tưởng cho người khác. Nói toạc hết ra thì không còn có cái gì đẹp. Mà vấn-đề vẫn phải là cố tìm cho thấy cái đẹp trong tất-cả mọi sự xấu. Anh cứ vào quân-đội đi, đừng phản-đối. Rồi anh sẽ biết. Tôi vẫn nghĩ rằng những người tri-thức như các anh rất cần đề nâng cao giá-trị tinh-thần của quân-đội. Quân-đội bây-giờ cần lắm : không có quân-đội làm sao đánh lại cộng-sản.» Tôi trả-lời lên tiếng chệch đi như vậy, nhưng bên trong thấy mình vẫn tiếp-tục một cách âm-thầm. Điều tôi muốn nói thực ra không hẳn là như thế. Điều tôi muốn nói, nếu nghe thấy, có thể cho là kênh-kieu hơn nhiều : «Bao-giờ tôi cũng chủ-trương hành-động, nhưng hành-động phải có hoàn-cảnh và nhất là phải có chuẩn-bị. Có hoàn-cảnh (nói cho to-tát là có thời-cơ-) thì làm, không có hoàn-cảnh thì chuẩn-bị. Chuẩn-bị là học-hỏi, tìm-hiểu và suy-tư. Là đặt tìm cách giải-quyết những vấn-đề đại-cương không lệ-thuộc trực-tiếp vào thời-sự hàng-ngày, dù-sao cũng chỉ nhất-thời và sẽ qua-đi ; những vấn-đề liên-quan đến sự sống chung đến tiến-hóa, không phải chỉ đến những cuộc sống riêng-tư, đến mưu-sinh-vực-vật. Có thể khi làm cuộc, bắt tay vào việc, mới có đủ sự rộng-rãi tinh-thần mà đưa ra những giải-quyết có tính-cách lâu-dài, có giá-trị với thời-gian. Nhưng khi hành-động hết lòng, thực ra không còn bao nhiêu thời-giờ để họ-hỏi, tìm-hiểu nữa, mà chỉ còn có-thể xữ-dụng cái vốn tri-thức cũ-cũ trong tay thôi. Vốn ấy càng dày sẽ giúp cho hành-động càng đỡ sơ-hớ. Đây chỉ là vấn-đề am-tường công-việc mình làm. Nhìn chung-quanh, chúng ta dễ nhận thấy vì đầu mà có sự đồ-vỡ trầm-trọng như ngày-nay. Cách-mạng được trao vào tay những người trước-kia không bao-giờ nghĩ rằng lại đến lượt mình làm cách-mạng. Làm việc tùy-cơ ứng-biến, không chương-trình, không sửa-soạn, và nhất là không có tác phong cách-mạng. Người-ta vẫn thường nói không có những thề-chế dỡ, chỉ có những con người dỡ. Mà số-dĩ con người dỡ vì trước khi bắt tay vào việc, không dành thời-gian để học-hỏi, tu-dưỡng, nói tóm lại để

chuẩn-bị hành-động. Vấn đề thật quan-trọng, đến mức khiến Tôn-Văn phải đảo-lộn sự suy-luận cổ-diễn «Tri dị hành nan» thành «Tri nan hành dị». Vấn đề cũng làm chia-rẽ i-nghĩ của mọi người, cho nên trước khi khởi sự biên-khảo về những vấn-đề căn-bản của Tân-Tiến-Hóa-Luận dưới nhan-đề «KHÔNG GIAN THỜI GIAN và CON NGƯỜI»; tôi thấy cần phải minh-định lại vấn-đề biết, vấn-đề tri-thức, có-thể tin chắc được rằng mình không lầm-lẫn và có-thể vững-tâm tiến-tới.

Biết là biết về vũ-trụ.

Trước hết, cần phải đặt ngay vấn-đề biết là biết về Vũ-Trụ, vì Vũ-Trụ bao-hàm tất-cả mọi sự, mọi vật trong đó con người ta. Chúng-ta không thể hi-vọng giải-quyết những vấn-đề của con người, của chúng ta, nếu chúng ta không biết gì về vũ-trụ trong đó chúng-ta sống và tiến-hóa. Vẫn biết rằng một sự tìm-hiểu như vậy sẽ đưa chúng-ra đi rất xa, ngoài những sinh-hoạt thường-ngày của cuộc sống hiện-tại. Vẫn biết rằng vấn-đề vũ-trụ là một vấn-đề mệnh-mông, do đó những câu trả-lời chúng ta có-thể đem-lại chỉ là những câu trả-lời đại-cương, thiếu tinh-cách chính-xác, và nhiều khi cũng chỉ tạm-thời trong một thời-gian. Và những câu trả-lời ấy cũng không ảnh-hưởng trực-tiếp tốt-lành đến những tai-họa đang đe-chiêu trên chúng-ta trên mảnh đất quê-hương này cũng như trên toàn-trái-cầu. Như vậy lý-do gì khiến chúng-ta vẫn phải học-hỏi? Lý-do gì khiến chúng-ta tìm-hiểu xem có ngày nào con Người sẽ làm chủ trọn-vẹn vũ-trụ không, xem Vật-Chất được tạo thành bởi gì, hay xem tâm-linh (le psychisme) sẽ tiến-hóa đến hình-thức nào trên kích-thước cân-khôn? Lý-do gì khiến chúng-ta không tự-giới-hạn mình trong những viễn-tượng khiêm-tốn hơn và bằng-lòng với sự tìm-hiểu phương-cách cải-thiện hoàn-cảnh của chúng-ta và của những người sống chung-quanh chúng-ta.

Dĩ-nhiên, để trả-lời tất-cả những câu-hỏi đó, có một hình-thức dễ-dàng: chúng-ta muốn «biết» bởi-vì lẽ giản-dị là chúng-ta muốn thỏa «tri tò-mò». Vũ-trụ đối với chúng-ta có một sức hấp-dẫn tự-nhiên khiến chúng-ta không thể thờ-ơ không tìm-hiểu được.

Thù thực, tôi không thỏa-mãn với câu trả-lời đó. Tôi nghĩ rằng «tìm-hiểu» là một trạng-thái tinh-thần quan-trọng hơn khuynh-hướng tự-nhiên muốn biết «vạn vật được cấu-tạo-ra-làm-sao» nhiều. «Tìm-hiểu» là một đức-tính phủ-bầm của con Người cho phép hân-dự-phần một cách thấu-đáo hơn vào mọi cuộc tiến-hóa. Thực-thể, «tìm-hiểu» chính là một trong những trực-hướng chính của toàn-thể cuộc Tiến-Hóa nói chung.

Tại-sao tìm-hiểu?

Chúng-ta hãy thử phác-họa đời sống thường-ngày của một người hiện đang sống trên trái đất này.

Sáng ngày ra, mở mắt giày là vội-vội vã-vã đi đến sở làm. Ở sở, ai có phần việc của người ấy trong một công-tác chung cho toàn-thể : ai cũng chú-í vào phần việc của mình, để cho công-việc chung chạy đều-hòa, nhưng ít ai yêu-thích phần việc dành cho mình. Trái-lại có-thể nói rằng ai cũng không lấy gì làm bằng-lòng cho lắm khi cảm-thấy rằng mình chỉ là một « mắt xích » trong chuỗi giày xích dài ; nhưng ai cũng tự-yên-ủi mình rằng, cũng như « mắt xích » ấy, mình là một phần-tử « cần-thiết » cho toàn-thể.

Buổi trưa, có khi xa nhà, người-ta ở lại sở ăn trưa, nói chuyện gẫu với các đồng-nghiep về những việc trong sở. Chiều đến, trở về nhà, giở tờ nhật-báo ra đọc, thấy đủ các chuyện kinh-khủng suy-đổi để tự-cho-mình là tương đối còn may-mắn và sung-sướng, so-sánh với những người khác. Thêm một chút mơ mộng theo các bản nhạc trong ra-di-ô hay trong tê-lê-vi-di-ông, các vở tuồng cải-lương, ca-vũ nhạc-kịch, hay ci-nê-ma. Thế là đã đến giờ đi ngủ vì còn phải lo giữ sức-khỏe cho ngày-mai, và ngày-mai là một ngày khác tuy vẫn là một ngày in-hết trăm-ng nghìn ngày khác trong diễn-tiến và sự-việc đại-cương. Chỉ có những ngày nghỉ là hơi khác: người-ta được phép xả-hơi trên những xa-lô hay xa hơn nữa, ra ven biển. Cũng có khi, những ngày đột-nhiên khác hẳn, xáo-trộn hoàn-toàn cuộc sống : cái mắt xích được động-viên đi quân-dịch, người-ta cho nó một khẩu súng, dạy nó bắn vào những bia thật là những kẻ thù trên chiến-trường. « Chiến tranh » trở thành « cuộc phiêu-lưu » của một đời sống.

Ngày lại ngày, không bao lâu cảnh đời đã xế chiều, kèm theo một ít thời giờ để suy nghĩ về cuộc đời ; nhưng đến khi đó thì phần nhiều đã muộn, mọi sự đều chễ-chàng, vãn đã đóng thuyền, bàn cờ sắp vãn cuộc, và con người không còn được bao nhiêu hơi sức để chọn những chiều hướng suy tư khác. Thế là người-ta lắng mình theo tiếng gọi của tinh thần đạo-giáo để che dấu sự vô nghĩa của cuộc đời đã-quá, vĩnh viễn và không bao-giờ trở lại : người ta hi-vọng một cuộc đời tốt đẹp hơn bên kia thế giới, sau khi chết, mà vẫn không thực hiện mình đã đến làm gì ở cõi đời này, không biết đời sau mình có thực hiện ở đời này không.

Đây là sự thật-tế về cuộc đời. Sự thật-tế mà chúng-ta nhiều khi phải nhìn nhận, nhưng trong thâm tâm chúng ta không chấp thuận ưng chịu. Chúng-ta nhìn nhận mà không chấp thuận rằng là chỉ là « mắt xích », và chỉ là một « mắt xích » mà thôi trong chuỗi xích dài. Chúng-ta nhìn nhận mà không chấp-thuận rằng chúng-ta sống chỉ để « kiếm ăn cho qua ngày » và để « sống cho đầy đủ hơn ». Chúng ta nhìn nhận mà không chấp-thuận rằng chúng ta sống chỉ để vượt người láng giềng của

chúng ta về tiền bạc và danh vọng, chúng ta nhìn nhận mà cũng không chấp thuận rằng Thế giới ngày nay lẫn lộn « sự nhân cách-hóa » con người với « sự cá nhân-hóa » nó. Nghĩa là lẫn lộn sự Biết với Ngu-si, lẫn lộn Tình Thương với Tình Vị-kĩ.

Nhận-định trên là nhận-định của TEILHARD DE CHARDIN, một trong những nhà tư-tưởng khoa-học danh-tiếng nhất của thế-giới, mất cách đây đúng mười năm tại Hoa-Kì, là người đã gây sóng gió cách mạng vào thành trì Giáo-Hội Công Giáo La-Mã, và đã làm hoang mang những lí thuyết gia Mác-xít vững chãi nhất. Tôi sẽ trở lại quan-điểm của TEILHARD mỗi khi cần trong tập biên khảo này, ngay từ giờ tôi xin ghi nhận sâu-xa rằng i-nghĩa của Đời Sống không phải là thượng tôn với hi vọng vào một đời sau tốt đẹp hơn : Đời Sống được tạo ra để được sống với vai trò Tạo-Hóa dành cho mình trong thời gian mình sống trong sự tiến hóa chung của toàn vũ-trụ. Vai-trò ấy không phải là một vai trò tiêu-cực; trái lại, con Người phải « nhập thế » bằng cách hòa mình vào tất cả cục diện của vũ-trụ. Con Người không phải chỉ là một cái mắt xích có thể phó mặc cho trào lưu tiến-hóa lười cuốn, và chỉ cần thu xếp ổn thỏa với những người láng giềng trực tiếp : con Người là một « trung tâm » mà tất cả thực-tại bên ngoài đến phản-chiếu và biến-hóa; con Người cũng còn là một « trung-tâm » khả-dĩ phát-huy ra đến thực-tại bên ngoài. Đây là i-nghĩa sự « nhân-cách-hóa » con Người theo TEILHARD. Sự nhân-cách-hóa đó, trước-hết, là là *Biết* và *Thương*. Trong sự Biết (tri-thức), tất cả vũ-trụ đều qui về con người; trong tình Thương, chính con người phóng mình tung ra ngoài vũ-trụ. Và, như TEILHARD đã-nói, nếu có một sự gì khả-dĩ lưu-truyền được ở mỗi chúng-ta sau khi chết thì sự ấy chỉ có-thể là sự nhân-cách-hóa, là một trong những trục-hướng tiến-hóa, không thể bị sự chết làm « mất đi ». Trong khi đó sự « cá-nhân hóa », nghĩa là hi-vọng rằng cá-nhân, với tư-cách là một danh-vị biệt-lập, tách rời với toàn thể, có-thể có một giá-trị nội-tại, tự-minh, và lưu-truyền được trong thời-gian, chỉ là một ảo-vọng. Bởi vì sự-cá-nhân-hóa trái-ngược với sự nhân-cách-hóa, chỉ là sự thu-minh-về-minh, một sự xuất thế. Xuất-thế, đi đến cùng lí chỉ là vị-kĩ và vô-minh, ngược hẳn với trào-lưu tiến-hóa của vũ trụ.

Còn Biết ? Còn Tri-Thức ? Đây là một đặc-tính của Đời Sống để dự-phần vào công-cuộc tiến-hóa. Không thể có Tiến-Hóa nếu không có Tri-thức. Ta hãy lấy thí dụ về tiến-hóa ở mức-độ đơn-giản của tế-bào sống. Mỗi một tế-bào sắp góp-phần vào công-cuộc tạo-thành một sinh-vật, một Người, sẽ có một bộ nhiễm-thể (chromosomes) in-hệt nhau; bộ nhiễm-thể đó, sau khi được phân-hóa thành hai, sẽ-được-truyền từ tế-bào này

sang tế-bào khác. Các nhiệm thể có tượng-trưng cho tất-cả «tiềm năng» biết cần-thiết cho mỗi tế-bào để gó-phần một cách hòa-hợp vào sự tạo-thành sinh-vật đầy-đủ và tối-hậu. Mỗi tế-bào tự nó, một mình có thể tổng-hợp tất-cả nhờ bộ nhiệm-thể.

Nếu ở mức-độ sơ-đẳng của sự sống, sự biết đã quan-trọng như vậy, thì, không cần phải nói thêm ta cũng biết ở mức-độ những sinh-vật «phức-tạp», được-dựng-nên từ cái sơ-đẳng, sự biết còn quan-trọng đến thế nào.

Biết không phải thuần do trí tò-mò, cũng như Thương không phải thuần do lòng bao-dung. Biết là một trong những cơ-năng chính của tất-cả sự tiến-hóa của vũ-trụ. Chính vì thế mà nó cần phải được-coi như một phần quan-trọng trong vai-trò của con người, một khi con người đã chấp-nhận dự-phần vào công-cuộc tiến-hóa. Con người nhập-thể bằng sự Biết của mình. Nhập-thể là đức tính thuộc về nhân-cách duy-nhất khả-dĩ có hi-vọng lưu-tồn trong thời-gian ngoài con người và sau con người.

(còn tiếp)

HOÀNG VĂN-ĐỨC

